

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

NGUYÊN-DÔNG-CHAU

鼓吹元音

CỔ-XÚY NGUYÊN-ÂM

LỜI VĂN THƠ NÔM

IN LẦN THỨ NHẤT

*Sách này Đông-kinh Ấn-quán giữ bản quyền, không
ai được in lại và trích lược dịch lại vãn vãn*

Cuốn thứ nhất



HANOI

ĐÔNG-KINH, ẤN-QUÁN
Phố hàng Bông-nêm, số 16

1916

Giá : 0 \$ 25

Cuốn thứ nhì đang in

NGUYÊN-DÔNG-CHAU

鼓吹元音

CỔ-XÚY NGUYÊN-ÂM

LỜI VĂN THƠ NÔM

IN LẦN THỨ NHẤT

Sách này Đông-kinh Ấn-quán giữ bản quyền, không ai được in lại và trích lược diệch lại vân vân

Cuốn thứ nhất



HANOI

ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN
Phố hàng Bông-nệm, số 16

1916

M. 2286

(2)

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

T Ự A

Văn-chương là một bức gấm đại-hồng, thêu dệt các giọng thanh-âm trong một nước cho nên văn nên vẻ ; mà lại là một bức tranh tả-chân vẽ với tính tình con người ta ra cho như thực như in.

Nước ta xưa kia học chữ Tàu, theo lối văn-chương Tàu, mà lấy tiếng quốc-âm nước mình làm ra văn-chương, thơ, phú, thì trước từ ông Hàn-Thuyên, ông Nguyễn-sĩ-Cổ đời nhà Trần. Từ đời Trần cho tới đời Lê Thánh-tôn là đời văn thơ cực thịnh, lối văn-chương nôm nước mình từ đó lại càng mở mang thêm ra ; thể-cách cũng chẳng khác gì văn Tàu, mà lại có lối đặc-biệt riêng của ta. Vậy trong lối văn-chương quốc-âm ta có hai thể-cách :

1° — Thể-cách theo lối Tàu, như là thơ, phú, tinh-nghĩa, văn-sách, đôi-liên, vãn, vãn.

2° — Thể-cách riêng lối của ta, như là : lối « Kim-kiều » thượng lục hạ bát ; lối « Cung-oán » lục bát gián thất, vãn, vãn. Nhưng các lối văn-chương quốc-âm đó mới thực là lối văn-chương riêng của nước mình.

Kể từ Nguyễn-triều ta đây, thì có ông Xứ-sĩ Hoàng-Quang làm ra khúc Hoài-nam ; ông Lễ-bộ Thượng-thư Đặng-đức-Siêu làm ra ca Hôi-loan cửu-khúc, đều truyền là nôm hay ; còn như văn-chương, thi, ca, của các bậc danh-nhơn, như là : Ông Nguyễn-Du, ông Nguyễn-công-Chứ, ông Cao-chu-Thần, truyền lại cũng nhiều.

Lại còn quan Tam-nguyên Yên-đồ Nguyễn-Khuyên, quan Thượng-thư Văn-đình Dương-Khuê, đều là bậc danh-nhơn, mà thi, ca rất là có danh tiếng, ai nghe cũng lấy làm hay.

Vậy chúng tôi mới biên-tập lại chia ra từng mục : 1° Thi, 2° Phú, 3° Tinh nghĩa, 4° Văn-sách, 5° Ca-từ, 6° Văn-thư, 7° Đôi-liên. Trong các mục ấy mục nào ở trên cũng kê rõ luật

cách các lối và dẫn thí dụ làm ra như thế nào, để cho ai xem cũng dễ hiểu ; trước là tổ căn nguyên văn quốc-âm ta muốn làm theo lối nào giọng nào, cũng được mà cũng hay ; sau là mong lối văn quốc-âm nước ta càng ngày càng rung chuông, thời sáo mở rộng thêm ra, vậy mới đặt nhan cuốn này là « *Cổ-xúy nguyên-âm.* »

Mong các ngài tài văn nôm để lòng xem xét, mà bổ thêm ý thiếu cho, may ra trong đám ca-đàn, thi-xã các bậc thiếu-niên sau này, có thể nhân đó mà thêm dệt, mà vẽ vờ làm cho văn-chương tổ-quốc ta có ngày thắm như gấm, tươi như hoa, mới thực là một bức tranh truyền-thần ! mới thực là một bức thêu tuyệt-diệu !

Nay kính thưa.

NGUYỄN-ĐÔNG-CHÂU

THƯ VIỆN QUỐC GIA HÀ NỘI
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

CỔ-XUYÍ NGUYÊN-ÂM

LỜI VĂN THƠ NÔM

I — THI LUẬT

(Thất-ngôn ngũ-ngôn)

Thơ chia làm nhiều lối, nhưng có hai lối thường dùng :

1° — thơ 7 chữ gọi là thơ *thất-ngôn* ;

2° — thơ 5 chữ gọi là thơ *ngũ-ngôn*.

Tứ-tuyệt, bát-cú. — Thất-ngôn, ngũ-ngôn mỗi bài có 4 câu, gọi là *tứ-tuyệt* ; mỗi bài 8 câu gọi là *bát-cú*.

Trong bài thơ có mấy vần ? — Ngũ-ngôn làm bốn câu thì phải 2 hay 3 vần ; tám câu thì phải 4 hay 5 vần ; 16 câu thì phải 8 hay 9 vần.

Thất-ngôn làm bốn câu thì phải 2 hay 3 vần ; tám câu thì phải 5 vần.

Thơ làm theo Đường-luật. — Thơ làm theo vần mà phải có thể-cách bằng trắc chừng ấy câu, chừng ấy vần như đã nói ở trên, thì gọi là thơ *Đường-luật*, nghĩa là luật đó mới tự đời nhà Đường đặt ra, rồi sau cứ tuân đó mà làm luật nhứt định cho nhà làm thơ.

Tràng-thiên cổ-thể — Còn như thơ thất-ngôn mà ngoài 8 câu, ngũ-ngôn mà ngoài 16 câu, không cứ gì điệu bằng trắc, thì gọi là *tràng-thiên cổ-thể*.

Đây xin nói về lối thất-ngôn Đường-luật như sau này :

Thất-ngôn Đường-luật

Thất-ngôn bát-cú. — Thơ thất-ngôn làm theo luật Đường mỗi câu bảy chữ đủ cả 8 câu, kể như sau này :

Câu thứ I là câu *phá-đề*, nghĩa là phá vỡ đầu đề mà nói tóm tắt cả đại ý lên trước.

Câu thứ II là câu *thừa-đề*, hoặc gọi là *nhập-đề*, nghĩa là thừa ý câu phá mà nói vào đầu đề, hai câu *phá*, *thừa* này không cần phải đối.

Câu thứ III, thứ IV là hai câu *thực*, nói thích thực nghĩa bài cho rõ, hoặc tả cảnh, hoặc tả tình, cũng phải nói vẽ ra như thực, hai câu này phải đặt đối với nhau.

Câu thứ V, thứ VI là hai câu *luận*, bàn luận ý đầu bài mà câu thực nói chưa hết, thì lại bàn thêm ra cho rộng, hai câu này lại đối với nhau.

Câu thứ VII, thứ VIII là hai câu *kết*, nghĩa là nói tổng-kết cả ý bài lại, hay là nảy thêm ra ý khác nữa thì càng hay, hai câu *kết* này cũng không phải đối.

Thất-ngôn tứ-tuyệt. — Còn như thơ thất-ngôn tứ-tuyệt chỉ có 4 câu 3 vần mà thôi, thì không cần phải đối. Song có khi hai câu đầu làm đối nhau ngay, thì câu đầu tiên không phải vần nữa, chỉ có 2 vần ở về cuối câu thứ hai và cuối câu thứ tư mà thôi. Nhưng phải nói nhưt-khí, nghĩa là nói sao cho chuốt một hơi.

Làm thơ phải theo luật. — Trước khi làm thơ cần phải phân biệt tiếng bằng, tiếng trắc, để biết cho rõ luật bằng, luật trắc, rồi cứ theo luật mà làm.

Thề thơ bằng trắc có 2 luật : Một luật bằng, một luật trắc, nay xin lấy chữ (*b*) đề tắt cho tiếng bằng, chữ (*t*) đề tắt cho tiếng trắc, chữ (*v*) đề tắt cho tiếng vần, mà kể ra sau này :

Thơ có hai luật

Thất ngôn luật bằng

1 ^o —	B	b,	t	t,	t	b	v,
2 ^o —	T	t,	b	b,	t	t	v.
3 ^o —	T	t,	b	b,	b	t	t,
4 ^o —	B	b,	t	t,	t	b	v.
5 ^o —	B	b,	t	t,	b	b	t,
6 ^o —	T	t,	b	b,	t	t	v.
7 ^o —	T	t,	b	b,	b	t	t,
8 ^o —	B	b,	t	t,	t	b	v.

Thất ngôn luật trắc

1 ^o —	T	t,	b	b,	t	t	v,
2 ^o —	B	b,	t	t,	t	b	v.
3 ^o —	B	b,	t	t,	b	b	t,
4 ^o —	T	t,	b	b,	t	t	v.
5 ^o —	T	t,	b	b,	b	t	t,
6 ^o —	B	b,	t	t,	t	b	v.
7 ^o —	B	b,	t	t,	b	b	t,
8 ^o —	T	t,	b	b,	t	t	v.

Thất-luật

Thơ làm sai luật gọi là thất-luật. — Luật bằng, luật trắc tuy rằng như vậy, nhưng trong mỗi câu có 7 chữ, thì chữ thứ I và chữ thứ III không cần phải đúng tiếng bằng trắc như luật. Còn ra những chữ thứ II, thứ IV, cùng chữ thứ V, VI, VII, tiếng bằng, tiếng trắc phải đúng theo luật. Nếu sai bằng trắc chữ nào, thì gọi là thất-luật.

Niêm luật, thất niêm

Niêm luật. — Thơ làm theo luật bằng, hay luật trắc, đã theo luật nào thì trong tám câu những chữ thứ hai tiếng bằng hay là tiếng trắc phải niêm theo về một luật này.

Thi dụ làm theo *luật bằng*, thì những chữ thứ hai ở trong tám câu phải lần lượt theo như thế này : « Bằng, trắc, trắc, bằng, bằng, trắc, trắc, bằng. »

Làm theo về *luật trắc*, thì những chữ thứ hai trong tám câu phải lần lượt theo như thế này : « Trắc, bằng, bằng, trắc, trắc, bằng, bằng, trắc. » như thế gọi là *niêm-luật*.⁽¹⁾

Thất-niêm. — Nếu bốn câu trên theo luật bằng, mà bốn câu dưới lại lần sang luật trắc, thì dụ như câu thứ nhất chữ thứ hai bằng, thế là theo luật bằng ; tới câu thứ năm chữ thứ hai lại dùng tiếng trắc, đó là lại theo luật trắc, thì gọi là *thất-niêm*, nghĩa là luật bằng lần sang luật trắc, hay luật trắc lần sang luật bằng, cũng đều sai luật cả.

Hay là câu phá đã làm theo luật bằng, chữ thứ hai bằng ; tới câu thừa-đề tiếp theo, hay câu thích-thực thứ ba, mà chữ thứ hai lại dùng tiếng bằng, thế cũng gọi là *thất-niêm*, không được.

Thi dụ luật bằng

Bài tả cảnh già

(Quan Tam-nguyên Yên-dồ)

- Thứ I phá* : Nhớ từ năm trước hãy thơ ngây,
— *II thừa* : Phút chốc mà già đã đến ngay.
— *III thích* : Mái tóc chòm đen, chòm lốm đốm,
— *IV thực* : Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung lay.
— *V bản* : Lập lờ bốn mắt tranh mờ, tỏ,
— *VI luận* : Khấp khểnh ba chơn đỡ tỉnh, say.
— *VII tổng* : Còn một nỗi này thêm chán ngắt !
— *VIII kết* : Đi đâu đỡ những côi cùng chầy.

(1) Niêm nghĩa là dính, làm thơ phải dính sát theo luật không được sai.

Nhứt, tam bất luận

Bài thi dụ trên này làm theo luật bằng, nên câu thứ nhứt : « Nhớ từ (*b*) năm trước (*t*) hãy (*t*) thơ (*b*) ngày (*v*). Đó là làm theo luật bằng nên câu thứ nhứt chữ thứ II (từ) phải bằng. Còn chữ thứ I đầu câu đáng lẽ cứ theo chữ thứ II thì phải dùng tiếng bằng, nhưng trắc (*nhớ*) cũng được ; chữ thứ III đáng lẽ cứ theo chữ thứ IV thì phải dùng tiếng trắc, nhưng bằng (*năm*) cũng được ; đó là (*nhứt tam bất luận*), nghĩa là trong 8 câu thơ về những chữ thứ I, thứ III không cần dùng hẳn bằng trắc như luật ; còn thì phải theo như luật cả vân vân.

Khổ-đọc. — Song le theo lối thơ thường làm tuy rằng (*tam bất luận*), nghĩa là chữ thứ III đáng trắc trắc mà dùng bằng trắc cũng được ; chớ như đáng bằng bằng mà dùng trắc bằng, thì khó đọc mà không có âm hưởng, vậy nên gọi là *khổ-đọc*, cũng không được.

Làm thơ trước phải lập ý, cùng những câu nên đối, câu không nên đối

Làm thơ trước hết phải lập ý, thí dụ như bài thơ trên này là vịnh cảnh già, thứ I là câu *phá-đề*, nên mới nói lại từ thừa trẻ, đề lung động ý đề lên trước ; tới câu thứ II là câu *nhập-đề*, mới chuyển tới cảnh già, hai câu đó không phải đối cũng được.

Câu thứ III, thứ IV thì lấy mái tóc lốm đốm đối với hàm răng lung lay, là thực tả cảnh già, hai câu đó phải đối với nhau.

Thứ V, thứ VI thì nói tới già phải đeo kính đối với già phải chống gậy, là bàn rộng thêm ra cho rõ ý cảnh già, hai câu đó cũng đối với nhau.

Thứ VII, thứ VIII là tổng kết ý bài, mà nói đến già phải già giàu, thì thực là chán cảnh già lắm, nhưng lại có ý bóng rằng chán những sự nói chầy, nói cối, hai câu đó thì không phải đối.

Đó là tả cảnh già mà lập ý bài diễn ra như vậy, giá mà vịnh mùa xuân thì lại tả cảnh mát mẻ ; vịnh mùa hè thì lại tả cảnh nóng nực ; vịnh lúc vui thì tả tình phong nhã ; vịnh lúc buồn thì tả tình rầu rĩ ; đầu bài thế nào thì tùy ý mà thích thực, bản luận ra thế ấy. Nhưng trước hết phải lập ý, rồi sau dàn ra mà làm, ý nào nên trước thì đề trước, ý nào nên sau thì đề sau, đại-khái xem như bài đã thi dụ ở trên.

Thi dụ luật trắc

Qua đèo Ngang tức cảnh

(Bà Thanh-quan)

Qua đỉnh đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom-khom dưới núi tiêu và chú,
Lác-đác bên sông chợ mấy nhà.
Luyện chúa đầu lông con quốc-quốc,
Thương người (1) mỗi miệng cái gia-gia. (2)
Dừng chơn đứng lại trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Bài thi dụ này là làm theo luật trắc, nên câu đầu : « Qua đỉnh (t) đèo Ngang (b) bóng (t) xế (t) tà (v). Đó là làm theo luật trắc nên câu thứ nhất chữ thứ II (đỉnh) phải trắc. Còn chữ thứ I đầu câu đáng lẽ cứ theo chữ thứ II thì phải dùng tiếng trắc, nhưng bằng (qua) cũng được, xem như lối (nhứt bất luận) đã nói ở trên thì hiểu. Còn những chữ thứ III, IV, V, VI, VII, dùng tiếng bằng, tiếng trắc, đều phải theo luật cả như đã kể ở trên.

(1) Có bản là chữ nhà.

(2) Là con gà sọc ở rừng, thường gọi là con Đa-đa, hay kêu tiếng « Hành bất đặc giã kha kha ».

Đại ý lối thơ tức cảnh

Bài thơ trên này là qua đèo tức cảnh, nên câu *phá-đề* nói ngay lối đèo Ngang, đó là lối *khai-môn kiến-sơn*, nghĩa là mở cửa ra trông thấy núi ngay, mà *phá-đề* thì nói tới đèo ngay; kể tới câu *thừa-đề* thì mới tả tới cảnh núi non, hoa cỏ.

Câu thứ III thứ IV thì *tả cảnh* trời chiều mà mắt mình trông thấy, như là: Tiều-phu lom-khom, quán chợ lác đác.

Câu thứ V, thứ VI thì *tả tình* thương nhớ mà tai mình nghe tiếng, như là: Con quốc-quốc luyện chùa, cái gia-gia thương nhà.

Đến hai câu *kết* thì lại tổng kết cả tình cảnh trong khi trèo đèo một mình, chỉ trông thấy một trời một nước cùng một ta mà thôi, dư-ý biết là đường nào.

Đó là lối thơ chơi tức cảnh, tùy lúc qua chơi cảnh nào thì vịnh cảnh nấy; chơi núi non, sông nước, thì tả cảnh núi non, sông nước; chơi chùa thì tả cảnh chùa; chơi hội thì tả cảnh hội vân vân; đại khái xem như bài đã thí dụ ở trên.

Ngũ bất luận

Bài qua đèo Ngang trên này, câu thứ VIII: « Một mảnh tình riêng ta với ta », chữ thứ V đáng lẽ phải dùng tiếng trắc thì mới hiệp luật; nhưng bằng (*ta*) cũng được, đó là (*ngũ bất luận*), nghĩa là chữ thứ V cũng không cần phải dùng như luật. Nhưng trong 8 câu thơ, họa là có một đôi khi mới dùng chữ thứ V trái luật như vậy.

Áp vần

Hiệp âm đúng vần. — Trong bài thơ những chữ cuối cùng câu thứ nhất, thứ nhì, thứ tư, thứ sáu, thứ tám, phải theo vần nhau, mà cốt phải *áp-vần*⁽¹⁾ hiệp với nhau cho đúng, thí dụ như bài tả cảnh già áp những vần này: « Ngày, ngày,

(1) Nghĩa là áp hạ chữ vần ở cuối cùng câu.

lay, say, chầy; » bài qua đèo Ngang áp những vần này :
« Tà, hoa, nhà, gia, ta ; » đó là làm theo đúng vần.

Hiệp âm lạc vần. — Nếu trong một bài câu thứ I hạ vần (*ngây*), mà câu thứ II lại hạ vần (*tà*), như thế là hiệp âm không đúng vần, thì gọi là *lạc-vần*.

Âm vận không nên cưỡng-áp. — Tiếng quốc-âm nước ta chưa có đặt ra thành quyền *Tập-vận*, vậy nên làm thi-ca chỉ đánh vần thuận miệng mà thôi. Nhưng trong ngũ-âm đều có âm-hưởng tự-nhiên, phải nên hiệp âm cho đúng vần mới được. Nếu thanh-âm hơi trạnh một tí, như là vần (*nay*) hiệp với vần (*người*), vần (*ngây*) hiệp với vần (*ai*) thì là *cưỡng-áp*, nghĩa là làm gượng không hiệp vần cũng không được.

Hiệp âm theo vần quốc-ngữ. — Vậy ta nay nên theo vần quốc-ngữ mà hiệp âm cho đúng mới phải, thí dụ như vần (*am*), thì hiệp theo (*bam*), (*câm*), (*đam*), (*đam*), là về một vần. — Vần (*âm*), thì hiệp theo (*bâm*), (*câm*), (*dâm*), (*đâm*), là về một vần. — Vần (*âm*), thì hiệp theo (*bâm*), (*câm*), (*dâm*), (*đâm*), là theo về một vần.

Nếu vần (*am*) mà hiệp với vần (*âm*), hay là vần (*gâm*) mà hiệp với vần (*nam*), đều là *cưỡng-áp* cả, không được.

Đây là nói qua đó mà thôi, sau này chúng tôi sẽ có soạn ra được quyền Quốc-âm *tập-vận* dịch đáng, xin trình chư vị quân-tử sửa soạn lại cho, rồi sẽ đem in ra để các nhà làm thơ tiện lãm.

Từ điệu

Điệu thơ cốt phải êm-ái, điển-nhã ; quốc-âm nước ta cũng có tiếng thanh, tiếng trọc, tiếng bóng-bẩy, tiếng thô-tục, làm thơ thì cốt tìm những tiếng thanh-nhã, bóng-bẩy, mà hiệp lại thành câu, cân nhắc cho thanh-âm, từ-điệu hiệp với nhau, rồi đọc đi đọc lại nghe rõ êm tai, thì mới

là được; mà nhưt là những chữ *nhõn-tự* thì lại càng phải thôi xao⁽¹⁾ cho kỹ; thí dụ như sau này :

Vịnh nước lụt

(Quan Tam-nguyên Yên-đồ)

Quai Mễ Thanh-liêm (2) đã lở rồi,
Vùng ta, thôi cũng lụt mà thôi.
Gạo, năm ba bát, cơ còn kém,
Thuế, một hai nguyên, đáng chữa đòi.
Tiếng sáo vo-ve chiều nước vọng,
Chiếc thuyền len-lỏi bóng trắng trôi.
Đi đâu cũng thấy người ta nói :
Mười chín năm nay lại cát bồi.

Nhõn-tự. — Đại khái như bài trên này câu thứ III : « Gạo, cơ còn kém; » câu thứ IV : « Thuế, đáng chữa đòi; » chữ (*cơ*) chữ (*dáng*) là *nhõn-tự*. Câu thứ V : « Tiếng sáo vo-ve chiều nước vọng, » thứ VI : « chiếc thuyền len-lỏi bóng trắng trôi, » chữ (*vo-ve*), chữ (*chiều*), chữ (*vọng*); chữ (*len-lỏi*), chữ (*bóng*), chữ (*trôi*); đều là *nhõn-tự*, những chữ đó cần phải cân nhắc cho kỹ, thì điệu thơ mới thanh-tao, lời thơ mới êm-ái, mà mới nảy ý hay ra được.

Chỉnh đối

Trước khi làm thơ thì phải nghĩ xem ý nào nên đối với ý nào, chữ nào nên đối với chữ nào, cốt phải so sánh cho chỉnh.

(1) Giả-Đảo vừa đi vừa nghĩ đặt câu thơ : « Tăng 僧 推 月 hạ 下 môn 門, » nghĩa là sư đẩy cửa dưới trăng. Lại nghĩ muốn đối chữ (thôi) 推 làm chữ (xao) 敲 (xao là gõ mà thôi là đẩy). Đương nghĩ thơ thần chưa biết làm chữ nào hơn, vừa đi vừa ngâm lầm bầm, vừa giơ tay ra làm bộ (*gõ*), (*đẩy*). Sự đầu gặp quan Kinh-triệu là ông Hàn-Dũ cười lừa đi qua, mà Giả-Đảo cũng không biết không tránh. Hàn-Dũ hỏi sao không tránh? Giả-Đảo nói thực là đương ham nghĩ câu thơ chưa biết làm chữ (thôi) hay là chữ (xao) hơn. Hàn-Dũ bảo chữ (xao) hơn. Từ bấy giờ Hàn-Dũ kết giao với Giả-Đảo làm thi-hữu. Xem đó thì biết làm thơ phải thôi xao cho kỹ.

(2) Thuộc tỉnh Hà-nam.

Ý chỉnh đối. — Trong bài thơ có ý chỉnh là chủ thì lại đối với chủ ; ý bàng-thần ⁽¹⁾ là khách thì lại đối với khách, chớ không nên chủ đối với khách ; thi dụ như tả cảnh Hà-nội, thì lại lấy cảnh núi sông Hà-nội, *núi Nùng* đối với *sông Nhị*, thế là chủ đối với chủ. Nếu đang nói cảnh núi Nùng Hà-nội, mà lại bàng-thần đối với non Tân Sơn-tây, thế là chủ đối với khách, không được.

Hay là vịnh Tây-hồ thi dân tích : « *Vực Trâu Vàng,* » ⁽²⁾ đối với « *non Phụng Đất,* » ⁽³⁾ thế là chủ đối với chủ ; nếu câu trên đang tả cảnh non Phụng-Đất ở Tây-hồ, mà câu dưới lại bàng-thần đối với vũng Rùa-Vàng là tích hồ Hoàn-kiếm, thế cũng là chủ đối với khách, không được.

Chữ chỉnh đối. — Còn như chữ thì phải cân nhắc tiếng nặng đối với tiếng nặng ; tiếng nhẹ lại đối với tiếng nhẹ, đại khái như « *xanh om* » đối với « *trắng xóa* », « *hồng* » đối với « *lục* », « *ngàn thông* » đối với « *đầm liều* » vân vân, thi dụ như sau này :

Cảnh chiều

(Bà Thanh-quan)

Mặt trời xê xê buổi hoàng-hôn,
Tiếng ốc xa đưa tiếng trống đồn.
Gác mái, ngư-ông về viễn-phố, ⁽⁴⁾
Gõ sừng, mục-tử lại cô-thôn. ⁽⁵⁾
Ngàn thông xào-xạc chim bay mỏi,
Đầm liều cheo-leo khách bước giòn.
Nọ kẻ đường dài, người lữ-thứ,
Với ai mà giải nỗi hàn, ôn ?

(1) Là dân dụ cho rộng thêm ý ra.

(2) Truyền rằng có con trâu vàng tự bên Tàu chạy sang, lặn xuống Tây-hồ.

(3) Đất Tây-hồ có cách phụng hoàng âm thủy.

(4) Là ông lão đánh cá bơi thuyền về bến xa.

(5) Là thằng bé chăn trâu cười trâu về xóm hẻo lánh.

Bài thi dụ trên này như câu thứ III : (*Ngư-ông*) đối với câu thứ IV : (*Mục-tử*), đó là chữ nho lại đối với chữ nho ; câu thứ V : (*ngàn-thông*) đối với câu VI : (*dặm-liều*), đó là cây thông lại đối với cây liêu, như thế là chữ đối chỉnh.

Cảnh thu

(Hồ-xuân-Hương)

Thánh-thót tàu tiêu (1) mấy hạt mưa,
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu-xơ.
Xanh ồm cỏ-thụ tròn xoe (2) tán,
Trắng xóa tràng-giang phẳng lặng (3) tờ.
Bầu giốc giang sơn say chấp rượu ! (4)
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ. (5)
Ờ hay ! cảnh cũng ra người nhỉ,
Ai thấy ai mà chẳng ngẩn-ngơ !

Bài trên này câu thứ III : *Sắc xanh* đối với câu thứ IV : *Sắc trắng*, đó là đối chọi mùi ; chữ (*ồm*) chữ (*xóa*) là tiếng bóng bẩy mà nhẹ, lại đối với nhau ; (*cỏ-thụ*), (*tràng-giang*) là chữ nho, lại đối với chữ nho ; câu thứ V, VI : *Rượu* đối với *thơ*, như thế mới là đối chỉnh không lép chữ nào.

Cách đối xuất sáo. — Lại như câu thơ mừng quan Chợ : « *Ngựa hồng ngày cười hầu hai buổi, sừng lục đêm tuần đàn một viên* » đó là *hồng-sắc* đối với *lục-liên*, đối lấy tiếng mà cũng chỉnh, lại là một cách đối xuất-sáo.

Kỵ trùng ý

Trong một bài thơ thì phải mỗi câu một ý, mỗi chữ một ý, hay là trong một câu, một chữ, mà có hai ba ý thì càng hay, chớ không nên trùng điệp.

(1) Là lá chuối tiêu.

(2) Có bản là chữ như.

(3) Có bản là chữ ngõ.

(4-5) Hai câu này có bản là : « *Còi mục thét tràng miền khoáng-dã, chài ngư chằng gió bãi bình-sa.* » Nhưng xét ra thì sai vắn, mà có trắng thì không phải cảnh ban chiều đang mưa.

Thí dụ như vịnh xuân, câu thực đã tả cảnh *trăm hoa đua nở*; đến câu luận lại kể những *ngành hồng muôn tia*, thế là ý câu nọ lại trùng với ý câu kia.

Hay là trong một câu có bảy chữ, mà đặt rằng: « Nửa đêm giờ Tý trống canh hạ » thế là ngàn nẩy chữ chỉ có một ý, đều là trùng ý, phải nên kiêng kỵ.

Kỵ trùng chữ

Trong một bài thơ không nên dùng chữ trùng nhau, chỉ có câu *phá*, câu *thừa* cùng hai câu *kết*, có dùng một đôi chữ trùng nhau cũng được; còn như hai câu *thực*, hai câu *luận* thì không nên trùng, thí dụ như sau này.

Nước lụt thăm bạn (là quan Bùi Châu-câu)

(Quan Tam-nguyên Yên-đồ)

Ai lên nhắn hỏi bác Châu-câu:

Lụt lội năm nay bác ở đâu?

Mấy ô lợn con mua đắt rẻ?

Và gian nếp cái ngập nông sâu?

Phận thua sự tính càng thêm thiệt,

Tuổi cả chơi bởi họa sống lâu.

Em cũng chẳng no mà chẳng đói,

Thung thẳng chiếc lá rượu lưng bầu.

Phá, thừa, kết dùng chữ trùng nhau. — Bài thí dụ trên này câu *phá*: — « Bác Châu-câu ». Câu *thừa*: — « Bác ở đâu? » Trùng hai chữ (*bác*). Câu thứ 7 trùng hai chữ (*chẳng*), đại khái như câu *phá, thừa, kết*, thì trùng một đôi chữ như thế cũng được, còn những câu khác không nên dùng chữ trùng điệp.

Vì là câu *thực* hay là câu *luận* phải làm chỉnh-đối; nếu có dùng chữ trùng-điệp, thì đối lại cũng phải dùng chữ trùng-điệp mới được, thí dụ như bài sau này:

Ngẫu hứng (Yên-đồ)

Tháng ngày thắm-thoắt tựa chim bay,
Ông ngẫm mình ông, nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ,
Răng long ngày trước hầy còn đây.
Câu thơ được chữa, thừa rằng được,
Chén rượu say rồi, nói chữa say.
Kể ở trên đời lo lắng cả,
Nghĩ ra ông sợ cái ông này.

Câu luận dùng chữ trùng nhau. — Bài trên này câu thứ V hai chữ (*được*), câu thứ VI đối lại phải dùng hai chữ (*say*), trùng chữ như thế cũng được; nhưng không nên trùng với những chữ câu khác.

Cú điệu

Lại còn như điệu câu cũng phải hoán-điệu mà đặt cho khác nhau, xem như những câu thơ dân thi dụ ở trên mỗi câu một khác thì hiểu; chớ không nên điệu hai câu *luận* cũng giống như điệu hai câu *thực*, thì gọi là (*điệp-điệu*), thi dụ điệu hai câu *thực* đặt như thế này:

Gió quồn bụi hồng làm mặt đất,
Mây trùm cây biếc ngắt phượng trời.

Mà điệu hai câu *luận* lại đặt như thế này:

Chim về dưới cội ngừng tin nhận,
Trắng lặn vườn hoa ngõ bóng người.

Những chữ đầu hai câu trên: (*Gió quồn*) (*mây trùm*), toàn là những chữ tiếng nặng (*gió mây*), mà âm hưởng bằng phẳng, đặt ở đầu câu, đó là điệu *binh-dầu*; tới đầu hai câu dưới: (*Chim về*) (*trắng lặn*), cũng là một điệu *binh-dầu* cả.

Còn như ba chữ *sáp-cước* ở dưới: (*Làm mặt đất*) (*ngắt phượng trời*) (*ngừng tin nhận*) (*ngõ bóng người*) cùng theo một điệu *binh-cước* cả, nghĩa là những chữ cuối câu đều đặt tiếng nặng bằng phẳng giống nhau, đó là *điệp-điệu*, phải nên kiêng kỵ.

Xem thế thì biết lối thơ là khó, vì chỉ có 7 chữ hay 5 chữ, mà nói sao cho đủ ý, lại phải có cú-điệu, có luật-cách, có hiệp vần vãn vãn, phải biết đủ cả các lối thì mới làm hay được.

Thơ ngũ-ngôn có hai luật lục ra sau này :

Ngũ ngôn luật bằng

1 ^o	—	B	b,	t	t	v,
2 ^o	—	T	t,	t	b	v.
3 ^o	—	T	t,	b	b	t,
4 ^o	—	B	b,	t	t	v.
5 ^o	—	B	b,	b	t	t,
6 ^o	—	T	t,	t	b	v.
7 ^o	—	T	t,	b	b	t,
8 ^o	—	B	b,	t	t	v.

Ngũ ngôn luật trắc

1 ^o	—	T	t,	t	b	v,
2 ^o	—	B	b,	t	t	v.
3 ^o	—	B	b,	b	t	t,
4 ^o	—	T	t,	t	b	v.
5 ^o	—	T	t,	b	b	t,
6 ^o	—	B	b,	t	t	v.
7 ^o	—	B	b,	b	t	t,
8 ^o	—	T	t,	t	b	v.

Đây là lối thơ ngũ-ngôn tám câu, luật bằng, luật trắc như vậy ; nếu muốn dùng 16 câu, thì nối thêm 8 câu nữa, nhưng cũng theo luật ấy làm thêm ra mà thôi.

Hai câu đầu thơ ngũ-ngôn có khi dùng bằng trắc đối nhau ngay cũng được, thì câu thứ nhất không phải hạ vần nữa. Nếu làm bốn câu thì chỉ có 2 vần ; mà làm tám câu thì chỉ có 4 vần mà thôi.

Cứ theo như lối *nhứt bất luận*, thì chữ thứ nhất đầu câu ngũ-ngôn, đáng trắc trắc mà dùng bằng trắc cũng được ; chớ như đáng bằng bằng mà dùng trắc bằng, thì là *khổ-độc* cũng không được.

Còn như từ điệu, thể cách, nên thôi xao, nên kiêng kỵ như thế nào, đại khái cũng giống như lối thất-ngôn đã kể ở trên.

Sau này sẽ biên tập các lối thơ của quan Tam-nguyên Yên-đồ và của các bậc danh-nhơn lưu truyền lại, mà chia rành ra từng mục, để cung chư-vị quân-tử nhân lãm.

A — THẤT-NGÔN ĐƯỜNG-LUẬT BÁT-CÚ

TAM-NGUYỄN YÊN-ĐỒ SOẠN

1. — *Mùa thu, ngồi mát uống rượu* (Thu ẩm)

Năm gian nhà cỏ thấp le-te,
Ngõ tối đêm khuya, đóm lập lòe.
Lung giậu phát-phơ, màu khói nhạt,
Làn ac lóng lánh, bóng trăng loe.
Da trời, ai nhuộm mà xanh ngắt?
Mắt lão, không viền cũng đỏ hoe!
Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy,
Độ năm ba chén, đã say nhè!

2. — *Mùa thu, ngồi mát câu cá* (Thu điếu)

Ao thu lạnh-lẻo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo-teo.
Sóng biếc, theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng, trước gió sẽ đưa vèo.
Từng mây lơ-lửng, trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh-co, khách vắng teo.
Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chơn bèo.

3. — *Mùa thu, ngồi mát ngâm thơ* (Thu vịnh)

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cầu trúc lơ-phơ, gió hắt hiu.
Nước biếc trông như từng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không, ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào. (1)

(1) Đào-Tiền là người ẩn-sĩ nhà Tấn, mùa thu đến lại vịnh cúc ngâm thơ.

4. — *Lên núi Long-đội* (Núi Đội thuộc huyện Duy-tiên Hà-nam)

Hai mươi năm cũ lại lên đây,
Phong cảnh nhà triền vẫn chữa khuây.
Chiếc bóng lưng trời, am các quanh,
Mảnh bia thừa trước, bề dẫu đầy.
Le te nghìn xóm quanh ba mặt,
Lỗ nhớ muôn ông lần một thầy.
Nghĩ lại bực cho dòng nước chảy,
Đi dẫu mà chảy cả đêm ngày ?

5. — *Núi An-lão* (Thuộc huyện Bình-lục Hà-nam)

Mặt nước mênh mông nổi một hòn,
Núi già, nhưng tiếng vẫn là non.
Mảnh cây thơ-thốt dẫu như trọc,
Ghènh đá long-lay ngăn chữa mòn.
Một lá (thuyền) về dẫu xa thăm thẳm,
Nghìn làng trông lưỡng bé con con.
Dẫu già đã hẳn hơn ta chữa ?
Chống gậy lên cao bước chữa chồn.

6. — *Thủ quê*

Năm nay cây cấy vẫn chơn thua,
Chiêm mất đang chiêm, mùa mất mùa.
Phần thuế quan thu, phần trả nợ,
Nửa công đừa ở, nửa sru bò.
Sớm trưa đừa muối cho qua bữa,
Chợ búa giàu cau cũng chẳng mua.
Tần tiện thể mà sao chữa khá ? (1)
Nhờ trời rồi cũng mấy gian kho. (2)

(1) « Sao chữa khá » có bản là : « Chưa khá nhỉ ? »

(2) Có bản là : « Ai biết bao giờ cho khỏi lo. »

7. — *Ngẫu hứng*

Nghi đời mà cũng ngán cho đời,
Câu cóp làm sao được với trời ?
Chép miệng, lớn đầu to cái dại,
Phờ râu, chịu đấm mắt phần xôi.
Được thua, hơn kém lưng hồ rượu,
Hay dở, khen chê một trận cười.
Dựa gối bên mảnh toan hóa bướm,
Gió thu lạnh lẽo lá vông rơi.

8. — *Mừng ông Ngũ-sơn-ra làm Đốc-học Hưng-yên, hai bài :*

THỨ NHẤT

Lâu nay không gặp nghi xa dăng,
Ai biết rằng ra giữ mô làng. (1)
Ấn khướu, (2) vẽ cho thẳng mặt trắng,
Bẻ cò, tính lại cái lương vàng.
Truyện đời, hãy đắp tai, cái chốc,
Lộc thánh, đừng lừa nạc, bỏ xương.
Cũng muốn ra chơi, chơi chữa được,
Gió thu hiu hắt đấm màu sương.

9. — THỨ HAI :

Ông làm Đốc-học mấy năm nay,
Gần đó thế mà tôi chữa hay.
Tóc bạc, răng long chừng bạc cụ,
Khăn thâm, áo thụng cũng ra thầy.
Học-trò kẻ chợ giàu năm miếng,
Khảo khóa ngày xưa quyền một chầy.
Bồng lộc như ông, không mấy nhỉ ?
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương tây.

(1) Làm Đốc-học truyền giáo cho học-trò, cũng như là gõ mõ để truyền hiệu lệnh cho dân chúng.

(2) Thầy dạy học ngày xưa hay nắm tay ấn, khướu vào đầu trẻ.

10. — *Gặp bạn ngồi sông tình*

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu, nước cả khôn chài cá,
Vườn rộng, rào thưa khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà chửa nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, giàu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta !

11. — *Đề ảnh*

Cũng chẳng giàu, mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy chẳng béo, chỉ lằng nhằng.
Cờ đương dở cuộc, toan lằm nước,
Bạc gặp canh đen, phải chạy làng.
Mở miệng nói ra gân bát-sách,
Mềm môi chén mãi tít cung-thang.
Nghĩ mình, lại gớm cho mình nhỉ !
Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng.

12. — *Cảm hứng*

Năm nay tớ đã bảy mươi tư,
Răng lão, răng quan, tớ cũng ừ.
Lúc hứng, đánh thêm ba chén rượu,
Ngồi buồn, ngâm láo một câu thơ.
Bạn già lớp trước, nay còn mấy ?
Truyện cũ mười phân, chín chẳng như.
Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa,
Thử xem mãi mãi thế này ư ?

13. — *Đông dạ cảm tác*

Nỗi nợ đường kia xiết nói năng !
Chẳng năm chẳng nấp biết mần răng.
Đầu canh, mây tiếng chim gào tuyết,
Trước xóm, năm canh chó sủa trắng.
Phảng phất lòng quê khôn chép được,
Mơ màng thế cục cũng cầm bằng.
Canh gà eo-óc, đêm thanh thả,
Tình tự này ai có biết chẳng ?

14. — *Cước kêu cảm hứng*

Khắc khoái sầu đưa giọng lẳng lơ,
Đẩy hồn Thúc-đế (1) thác bao giờ ?
Năm canh máu chảy, đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan, bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân, mà đứng gọi ?
Hay là nhớ nước, vẫn nằm mơ ?
Ban đêm rờn rã kêu ai đó ?
Giục khách giang-hồ dạ ngẩn-ngờ.

15. — *Đi thi ngẫu hứng*

Đi không, chẳng lẽ lại về không,
Cái nợ cảm-thư phải trả xong.
Rắp mượn diên-viên vui tuế-nguyệt,
Nỡ đem thân-thế chán tang-bồng.
Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
Trong cuộc trần-ai, ai đã biết,
Xưa nay đâu chẳng có anh-hùng.

(1) Vua nước Thục khi thác rời hồn hóa làm con cuốc.

16. — *Cách ăn ở*

Ăn ở sao cho trải sự đời,
Vừa lòng cũng khó, há rằng chơi.
Nghe như chọc ruột, tai làm điếc,
Giận dầu căm gan, miệng mỉm cười.
Bối số, tránh sao cho khỏi số,
Lụy người, nên nổi phải chiều người.
Mặc ai chớ để điều ân. oán,
Trong cuộc hơn thua cũng tại trời.

17. — *Tặng bạn ra làm quan*

Đầu non, chơn sóng những phôi pha,
Túi đầy năm nay mới gọi là.
Hầu vợ mấy người, con cái nhỏ,
Bò bê một cặp, ruộng vườn ba.
Dở quan, dở khách, đâu mà gọi,
Không tóc, không râu, thế chữa già.
Bữa trước nghe rằng ông muốn nghỉ,
Vội vàng chống gậy giục ông ra.

18. — *Gửi cho bạn là ông Búi-quế (Châu-cầu)*

Kim lan (1) từ thuở nhỏ chơi bời,
Đôi lứa như ta được mấy người ?
Trời hẹn ngày cho ba vạn sáu.
Ta chung tuổi mới một trăm hai.
Kẻ già, nét bút chằm cùng trẻ.
Người khỏe, tay đao độ lấy đời.
Từ trước bằng vàng nhà sẵn có,
Chẳng qua trong bác với ngoài tôi.

(1) Chữ kinh Dịch : « Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan, kỳ lợi doan kim. » Nghĩa là chơi với người bạn đồng tâm, thì thơm như hoa lan, mà lợi có thể chia vàng được.

19. — *Mừng con là ông Phó-bảng Hoan dựng nhà*

Vợ chồng thẳng Bảng thực tài lo,
Nhà dẫu không to, thế cũng to.
Mực thước vuông tròn sau cửa thánh,
Lửa hương ngào ngọt trước làng nho.
Chim oanh vườn cũ đương bay nhảy,
Chồi quế sân sau muốn thập thò.
Con có cha, như nhà có nóc,
Được giờ cất nóc tở lên cho.

20. — *Nguyễn-dán ngẫu vịnh*

Nghĩ ta, ta cũng sướng ru mà !
Mừng thấy con ta dựng được nhà.
Năm mới, lệ thường thêm tuổi một,
Cỗ bày, ngồi đã trốc bàn ba.
Chén men đến bữa, nghiêng bầu giốc,
Chữ đại gần năm, xoắn nút ra.
Một củ thủy-tiên năm bảy khóm,
Xanh xanh như sắp thập thò hoa.

21. — *Nhàn cư*

Ngân ấy năm nay vẫn ở nhà,
Nghĩ ta, ta lại chỉ thương ta.
Bóng hiên thêm ngân hơi nồng nhỉ !
Ngọn gió không nhường tóc bạc a ?
Thửa mạ, rạch ròi chơn xấu tốt, (1)
Đấu lương, đo dẫn tuổi non già.
Khi vui chén rượu say không biết,
Ngửa mặt lơ mờ ngọn núi xa.

(1) Tục-ngữ nói: chơn thửa mạ xấu thì rẽ tiền, chơn thửa mạ tốt thì dất tiền.

22. — *Thằng trộm lại mất trộm* (Đạo thất đạo)
(DIỄN BÀI CHỮ)

Mày đi khoét lấy của người đây,
Đã có người theo khoét của mày.
Canh bạc biết đâu là lỗ lãi,
Vòng duyên thôi cũng tại ư may.
Hóa thua cụ Ngạn đừng cho lựa. (1)
Nét kém thầy Vương chớ ném cây. (2)
Gãm chín cuộc đời ai chẳng thể,
Kiếm ăn không những một phường bay.

23. — *Tặng hoa trà*
(Nhân có quan án Chu-mạnh-Trình tặng cho một chậu trà,
ngài mới vịnh đề đáp lại)
(DIỄN BÀI CHỮ)

Tết đến người cho một chậu trà.
Đương say, ta chẳng biện ra hoa.
Da mồi, tóc bạc ta già nhĩ!
Áo biếc, đai vàng bác đấy a?
Mưa bụi đã kinh phường xỏ-lá.
Gió to lại sợ lúc rơi dà. (3)
Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,
Đếch có mùi thơm một tiếng khà!

24. — *Hoại cừu* (Nói truyện cũ)
(DIỄN BÀI CHỮ)

Theo thấy ngày trước hây ngậy thơ,
Râu tóc bây giờ đã bạc phơ.
Hơn kém cuộc này ai chủ đó?
Già nũa mấy kẻ bạc anh ta?
Ngủ đi còn sợ chiêm bao trước,
Nghĩ lại như là truyện thừa xưa.
Có rượu Trung-sơn (4) cho lữ tứ,
Tỉnh ra hỏi đã thái-bình chưa?

(1) Ngạn-Phương bắt được đừa ăn trộm, rồi cho nó tắm lựa, rửa nó
chừa đi. Sau đừa trộm cũng cảm đức hóa ông ấy mà chừa.

(2) Vương-Tổ ném dui nhà đuổi đừa ăn trộm.

(3) Dà là đai hoa.

(4) Cổ thi: An đặc Trung-sơn thiên nhật tửu, dĩnh nhiên trực đảo
thái-bình thì. Nghĩa là sao được rượu Trung-sơn uống say nghìn ngày,
cho đến thì thái-bình.

25. — *Chế anh học trò ngủ gật*

Trò troẹt gì bay, học cạnh thầy,
Gật gà gật gương bát cười thay !
Giọng khê nằng-nặc không ra tiếng,
Mắt lại lim-dim rắp đã cay,
Đồng nổi đầu đây la-liệt đảo ?
Ma men chi đây tít-mù say ?
Dễ chừng bắt chước chu-y đó, (1)
Quyền có câu thần vậy gật ngay.

26. — *Mùa hè lên chơi nhà ông biểu-huynh họ Đặng*

(DIỄN BÀI CHỮ)

Gậy men cỏ rậm dạo đường quai,
Quá bước lên nhà bác Đặng chơi.
Một lũ tóc râu ai tuổi tác ?
Nửa phần lãng xóm đã đời thay,
Trâu già góc bụi phì hơi nằng,
Chó nhỏ bên ao cắn tiếng người.
Ngửa mặt ông kia chơi mấy khỏe !
Suốt hôm một sáo thổi lưng trời.

27. — *Tếch-về*

(Xưa có người đi thú hồng, sớm ngày nghe tiếng chim kêu tếch-về,
nhân vịnh bài này)

Văng vẳng tai nghe tênh-tếch-về,
Lặng đi kéo động khách lòng quê.
Nước non có tớ càng vui-vẻ,
Hoa nguyệt nào ai đã mãn-mê.
Quyên đã gọi hè công-cuốc-cuộc,
Gà từng gáy nguyệt tề-tề-te.
Lại còn giục-giạo về hay ở,
Đôi gót phong-vân vẫn khỏe-khỏe.

(1) Au-dương-Tu chắm quyền, thấy có thần mặc áo đỏ (chu-y) ngồi đằng sau, hề thấy quyền nào có câu hay thì gật.

28. — *Ngẫu vịnh*

(DIỄN BÀI CHỮ)

Tuổi thêm, thêm được tóc bơ-phờ,
Nay đã năm mươi có lẽ ba.
Sách vở ích gì đương buổi ấy.
Áo xiêm nghĩ lại thẹn mình già.
Xuân về ngày loạn còn lơ-láo,
Người gặp khi cùng cũng ngần-ngơ.
Lần thân lấy đầu đèn tác bóng,
Sao con đàn hát vẫn say sưa ?

29. — *Trung-thu nghe hát*

(DIỄN BÀI CHỮ)

Một khúc đêm khuya tiếng đã đầy,
Nửa trên mặt nước, nửa từng mây.
Nghĩ mình vườn cũ vừa lui bước, (1)
Ngán kẻ phương trời chẳng lựa đây. (2)
Bể liễu thành dài lâu cũng xếp, (3)
Giống lan ngô tối ngát nào hay.
Từ xưa mặt ngọc ai là chẳng,
Chén rượu bên đèn lưỡng tỉnh say.

30. — *Mừng năm mới*

Sương tuyết hơi-hơi cũng nhạt phào,
Gió đông phơ-phới rước xuân vào.
Nhìn xem cảnh-sắc đều như mới,
Đố biết thiếu-quang ở chỗ nào ?
Trước mặt mưa phun chồi quế nở,
Trên đầu trăng dải bóng huyền cao.
Bước qua năm cũ sang năm mới,
Chén rượu Đồ-tô 4 hần ngọt-ngào.

(1) Ví mình như ông Đào-Tiêm đã về ẩn chốn cố-viên.

(2) Tiếc cho nàng Chiêu-quân phải ra cổng Hồ, mà thương mình gảy khúc tỷ-bà.

(3) Bể liễu là khúc sáo tiên biệt ra cửa Ngọc-quan ngoài tràng-thành.

(4) Là tên một thứ rượu ngon uống lết.

31. — *Hoài cổ*

Nghĩ truyện đời xưa cũng nực cười !
Sự đời đến thế, thế thời thôi.
Cây xanh, núi đỏ bao nghìn dặm ?
Nước đục, ma thiêng mấy vạn người ?
Rõng tuếch ruột gan trời, đất cả,
Phá toang phen giậu Hạ, Di (1) rồi.
Thôi thôi đến thế, thời thôi nhĩ,
Mây trắng về đâu, nước chảy xuôi.

32. — *Thầy đồ đi ve*

(DIỄN BÀI CHỮ)

Người bảo rằng thầy yêu cháu đây,
Thầy yêu mẹ cháu, có ai hay ?
Bắc cầu câu cũ, không hờ hững, (2)
Cầm kính tình xưa, vẫn dặng cay. (3)
Ở góa, thế-gian nào mấy暮 ?
Đi ve thiên-hạ thiếu chi thầy.
Yêu thầy cũng muốn cho thầy dạy,
Dạy cháu nên rồi, mẹ cháu ngầy.

33. — *Châu chấu đá voi*

Châu chấu làm sao dám đá voi ?
Đứng xem ta cũng bật buồn cười,
Xun xoe nhảy đến giương hai vế,
Ngựa ngáy không hề động nửa đuôi.
Say tỉnh cuộc này, ba chén rượu,
Được thua truyện ấy, một trò chơi.
Nghĩ ta, ta cũng thương mình nhĩ !
Theo dít còn hơn một lũ ruồi.

(1) Hạ là các nơi trong trung hoa ; Di là các nơi rợ mại.

(2-3) Vì có hai thầy đồ dạy học nhà gái-góa làng Yên-đồ. Một đêm hai thầy cùng ngồi chơi, một thầy đọc câu ngôn-ngữ : « Muốn sang thì bắc phù-kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy ». Một thầy đọc : « Trách người quân-tử bạc tình, có gương mà để bên mình chẳng soi ». Vậy quan Tam-nguyên mới làm bài này, đề chế thầy đi ve.

34. — *Vừa mưa, vừa nắng, cái cẳng đánh nhau*

Sự này cơn cơn bởi vì đâu ?
Cái Cẳng sao mà lại đánh nhau ?
Giật gậy, bà Giản phang dưới gối,
Cướp dùi, ông Hềnh choảng trên đầu.
Cha Cẳng mắt vía bon lên trước,
Chú Kiệt kinh hồn lặn lại sau.
Một chốc hỏi ra trời đã tạnh, (1)
Vì rằng đi chữa có bồ câu. (2)

35. — *Cò mổ chai*

Chai sao chẳng biết tính con cò ?
Mày hớ hênh chi nó mổ cho ?
Đã cậy dầy mai không khép kín,
Cho nên dài mổ nó ăn to.
Thôi về bãi bể cho êm ái,
Để mặc bên sông nó gặt gù.
Cò trắng có khôn đánh gác mổ,
Chai già sẽ được lúc phơi mo.

36. — *Nhất vợ nhì trời*

Nghĩ truyện trần-gian cũng nực cười !
Trời khôn hơn vợ, vợ hơn trời.
Khôn đến mẹ mày là có một, (3)
Khéo như con tạo cũng là hai. (4)
Trời dẫu yêu vì nhưng có phận,
Vợ mà vụng dại dếch ăn ai.
Cớ sao vợ lại hơn trời nhỉ ?
Vợ chỉ hơn trời có cái chai. (5)

(1-2) Hai câu này có bản là : Kiện ấy biết đâu tra hỏi được, có chàng viện chứng đến bồ câu.

(3-4) Bài này làm theo luật trắc, mà hai câu này thất-niêm, nghĩa là không niêm theo luật. Giá đổi như thế này : « Mẹ mày rất khéo thôi đánh một, con tạo dù khôn cũng thứ hai ». Như thế thì theo luật mà khỏi thất-niêm, nhưng không bằng câu cũ, vậy cứ để theo nguyên-văn.

(5) « Có cái chai » có bản là : « Một tí thôi ».

37. — Về nghỉ nhà

Tóc bạc, lòng son chửa dám già,
Ơn vua nhờ được nghỉ về nhà.
Nước non, cây cỏ còn như cũ,
Ghế gậy, cân đai thế cũng là !
Đất rộng biết thêm đường gốc sậy,
Ngày rồi nghe hết truyện la-ga.
Ông trời có ý cho ta nhỉ ?
Có ý sanh ta phải có ta.

VỊNH - KIỀU

1. — *Chung thân Thúy-kiền*

Kiền-nhi giấc mộng bật như cười,
Tỉnh dậy xuân xanh quá nửa rồi.
Số kiếp bởi đâu, mà lận-đận ?
Sắc tài cho lắm, cũng lôi-thôi !
Cảnh thoa vườn Thúy duyên còn bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chửa xuôi.
Không trách chàng Kim đeo-đẳng mãi,
Khăng-khăng vượt với một phần đuôi.

2. — *Viếng Đạm-tiên gặp Kim-trọng (hồi thứ 1)*

Ví chẳng đua chơi hội Đạm-thanh,
Làm sao mang lấy nợ ba sanh ?
Kẻ còn, người khuất hai hàng lệ,
Trước lạ, sau quen một chữ tình.
Nghĩ đến tuổi vàng, thương phận bạc,
Nỡ đem lá thắm, phụ xuân xanh.
Trong khuôn tài sắc trời hay ghét,
Vẫn thói xưa nay, chẳng một mình.

3. — *Bán mình chuộc cha* (hồi thứ VI)

Thằng bán tơ đâu dở dối ra ?
Đề cho bạn đến cụ Viên già.
Muốn êm, phải kiếm ba trăm lạng,
Khéo sếp, nên liều một chiếc thoa.
Đón khách, mượn mầu son phấn mụ,
Đem thân, chuộc lấy tội tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ ?
Đời trước làm quan, cũng thế a !

4. — *Mắc Hoạn-thư mưu độc* (hồi thứ XIV)

Chị Hoạn ghen-tuông khéo lạ đời !
Cơ duyên lỏng-lẻo buộc chơn người.
Cánh bướm mặt bẽ vừa êm chốn,
Vó ký chơn đeo đã tới nơi.
Con ở ngân-ngợ nhìn mặt cũ,
Nhà thầy tăng-hàng mất đồ chơi.
Ông trời cũng khéo chua cay nhỉ,
Một cuộc bày ra truyện nực cười !

5. — *Khuyên Tì-hải về hàng* (hồi thứ XIX)

Phút chốc đem thân bỏ chiến-trường,
Ba quân xao-xác ngọn cờ hàng.
Xá chi bèo bọt, tôi vì nước,
Thẹn với non sông, thiếp phụ chàng.
Phận tử, nỉ-non đàn bạc-mệnh,
Duyên may, run-rủi lưới Tiên-đường.
Mười lăm năm ấy người trong mộng,
Há những là đây mới đoạn trường.

THƠ CỦA CÁC NHÀ DANH-SĨ (*Hiệp thái*)

1. — *Than đạo học*

Đạo học làng ta đã chán rồi,
Mười thầy đi học chín thầy thôi.
Cô hàng bán sách lim-rim ngủ,
Thầy khóa tư lương trập-trộm ngồi.
Sĩ-khí rứt-rè gà thấy cáo,
Văn-chương liêu-linh đấm ăn xôi.
Tôi đâu dám trách làng tôi nhỉ,
Thưa lạy ông Tiên, Thứ chỉ tôi !

2. — *Học trò than mình*

Kề đã ba mươi mấy tuổi rồi,
Tôi ngồi, tôi nghĩ cái thẳng tôi.
Hai khoa hương-thí không đậu cả,
Mấy thước vườn-hoang bán sạch rồi (1)
Gạo cứ lệ thường, mỗi bữa một,
Vợ quen thói cũ, ba năm đôi.
Bắc thang lên hỏi ông trời nhé,
Trêu gheo người ta thế nữa thôi ?

3. — *Gửi cho cô sư*

Nhân bước nhàn-du tới cửa thiền,
Hỏi người qui-phật độ bao niên ?
Tóc tơ sao nữ hoài đưa kéo ?
Má phấn can gì dễ phụ duyên ?
Chín kiếp những toan ngồi bệ ngọc,
Mười đời dễ được ngự tòa sen.
Thôi thì nghĩ lại Châu, Trần đó,
Giả quách cà-sa, nổi bút nghiên.

(1) Văn này trùng, nên đổi.

4. — *Tặng cô đào Hà-linh*

Gặp gỡ nhau đây buổi lạ lòng,
Ti-bà một khúc, một tình-trung.
Tiếng vàng thoảng lúc đường ngao-ngán,
Gót ngọc khơi rầy những nhớ-nhung.
Con tạo quấy trêu chi lắm tá !
Chữ tình ran riu có gì không ?
Này lời tơ tóc ghi son sắt,
Nọ dải sông Lam, nọ đỉnh Hồng.

5. — *Tuyên-quang quân-thứ tức sự*

(Năm Nhâm-tuất Tự-dức, quan Bô-chính Sơn-tây Nguyễn-hữu-Tạo
đem quân lên dẹp giặc ở Tuyên-quang ngẫu vịnh)

Mở địa đồ xem suốt tối mai.
Bàn tay như vẽ khúc sông dài.
Miệng ngòi thét ngược đối cầu Ngựa,
Lưng núi càn ngang nửa dốc Nai.
Mái cọ tuyết đậm tro lẫn khói,
Bới chông bùn ngậm rễ trời gai.
Ta đi, nó lại, đi rồi lại.
Lần quất ma rừng ấy bởi ai ?

6. — *Núi Non-nước* (Thúy-sơn Ninh-bình)

Trom trom bên sông đá một hòn,
Nước trôi, sóng vỗ biết bao mòn.
Phơ dầu đã tự đời Bán-cổ,
Bia miệng còn đeo tiếng trẻ-con.
Rừng cúc Tiên-triều trơ mốc thếch,
Hòn câu Thái-phó (1) tản rêu tròn.
Trái bao trắng gió xuân già giặt,
Trời dầu trời già, núi vẫn non.

(1) Trương-hán-Siêu đời nhà Trần về ẩn ở đây, có giếng kim-cúc, thường ngồi hòn đá để câu cá.

7. — Tết Trung-thu

Tết này, tục gọi tết chơi trăng.
Có phải hay không, hỡi chị Hằng !
Trên cỗ, ngư-ông ngồi bánh trọt,
Ngoài đường, sư-tử chạy lung quăng.
Ờ ! vui vẻ nhỉ, đàn con nít,
Khéo lẳng lơ chi, lũ gái măng ?
Có lẽ người vui, mình chịu tẻ,
Cũng chèn chén huếnh, cũng thơ nhăng !

8. — Tết Táo-quân

Cuối tuần tháng chạp, sớm hăm ba,
Ông Táo đầy năm trở lại nhà.
Bới truyện nhơn-gian từ số bếp,
Tâng công thiên-đế vẽ con ma.
Nhật-trình nhờ bước vài con chếp,
Tuế-bồng đưa chơn một chách gà.
Năm bảy ngày đường đi lại lại,
Lên trời chừng cũng chẳng bao xa.

9. — Vịnh mai

(Ngụ ý giễu người con gái kén chồng, người làng Hoàng-mai ngụ tỉnh Sơn)

Lên núi mà lay mấy cõi mai,
Lay cho lỏi-lả mới khen tài.
Mảnh tình chua-chổng ghé lòng khách !
Chiếc bóng tròn-xoe lọt rõ ai ?
Trắng rữa mặc dầu tàn-tán-tạn,
Thơm nồng dễ đến khải-khải-khai.
Vô phúc nhà hoa, hoa chả biết,
May ra đàn hạc đã nên vại. (1)

(1) Người ăn-sĩ lấy mai làm vợ hạc làm con.

10. — *Cảm hứng*

Tạo-hóa xây chi cuộc hí-trường ?
Đền nay thắm thoát mấy thu-sương ?
Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo,
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch-dương.
Đá vẫn lè gan cùng tuế-nguyệt,
Nước còn xấu mặt với tang-thương.
Giang hà gương đó soi kim-cổ.
Cảnh đây, người đây luống đoạn-trường.

11. — *Ông Nghè thăng làm*

Cũng cờ, cũng biển, cũng cần đai,
Cũng gọi ông Nghè, có kèm ai ?
Mảnh giấy làm nên thân giáp-bảng,
Nét son điểm rõ mặt văn-khôi.
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ ?
Cái giá khoa danh ấy mới hời !
Ghê tréo, lòng xanh ngồi bạnh chọi,
Nghĩ rằng đồ thực, hóa đồ chơi !

12. — *Đèn chạy quân*

Tiền thăm chẳng biết hấn vây ai,
Bốn mặt vây quanh kéo dài dài.
Nút nhạc, ngựa Ô phi nước lớn,
Ngậm tằm, quân mọi kéo hàng hai.
Hấn rằng chúng nó cùng quên chết.
Nên chả thẳng mô chịu tháo lui.
Động địa chừng còn chờ tướng-lịnh,
Cờ chưa dám phát, trống chưa hồi.

13. -- Ngũ-thập-ngũ tự thọ

(Thượng-thư Dương Văn-đỉnh)

Năm mươi lăm tuổi hãy mừng ta,
Còn bốn mươi lăm nữa đó mà.
Đội đức hải sơn ngày tháng rộng,
Gãm mình râu tóc tuyết sương pha.
Cung đàn chi nguyệt dù yêu trẻ,
Chén rượu làng quê vẫn kính già.
Xiêm áo cùng chung nhờ lộc nước,
Được riêng mạnh khỏe, phúc riêng nhà.

14. — Kiếm-hồ

Bóng tháp lô-nhô lớp sóng còn,
Dịp cầu nho-nhỏ ghéch sườn non.
Nước trong, chưa vẩn tắm thần-kiếm,
Đường rộng, còn treo dấu pháp-môn.
Kim-cổ treo chung tranh thủy-mặc,
Tang-thương chớp nháng bóng hoàng-hôn.
Nghìn thu suy, tịnh gương còn đó,
Coi thử vầng trăng khuyết lại tròn.

15. — Đề nam-âm thi-tập

Ngà ngà chén cúc dựa tây-hiên.
Chợt giở nam-âm đọc mấy thiên.
Vơ vẩn tờ vương hồn Đại-Việt,
Thanh tao thép lốt giọng Hàn-Thuyên. (1)
Ngỡ rằng đã chán phường phong-nhã,
Ai biết còn đeo nợ bút nghiên.
Chẳng chữ thi nôm, thôi cũng được,
Ấy hay con tự hãy còn duyên.

(1) Người nước Nam ta làm văn thơ nôm, bắt đầu từ Hàn-Thuyên đời nhà Trần.

16. — *Vịnh ba tượng đất trên núi non-bộ*

Đất nặn nên người há cón-con.
Trí, nhưn (1) vui cả nước cùng non.
Bát-tiên quá-hải năm còn vắng,
Ngũ-lão đặng sơn cặp nữa tròn.
Mưa gió chẳng lay gan sắt đá,
Tuyết sương thêm tỏ vẻ vàng son.
Còn trời, còn đất, còn non nước,
Còn tượng ông đây, mãi chẳng mòn.

17. — *Cô hầu gửi thăm quan lớn*

(Cô hầu vị quan nghi có ngoại tình bị đuổi, sau quan bị bắt cóc lại được về, cô hầu gửi thơ thăm)

Chỉ trách người, sao chẳng trách mình.
Mình trung đâu đó? trách người trinh.
Áo dày, còm nặng bao nhiêu đức?
Chiếu cạnh, màn bên mấy hột tình?
Tơ tóc nổi riêng thì xét nét,
Giang sơn nghĩa cả nữ màn thình.
Cổ cong mặt lệnh người đâu thể?
Cái cóc bôi vôi khéo đại hình!

18. — *Cô đào gửi cho nhưn-tình*

(Cô đào ở với người nhưn-tình, chữa cưới mà đã đẻ con giai, sau bị bỏ, mới gửi thơ lại nói mặt)

Trăm năm đã chắc cái duyên trời,
Chữa cưới, nhưng mà hãy để chơi.
Gối điệp dầu chưa đánh phận thiệp,
Mộng hùng (2) nay đã đẹp lòng ai.
Ông tơ đương gỡ mảnh dây rồi,
Bà mụ liền trao nắm bột rơi.
Cái sự chi thường thời đã vậy,
Chiều chồng nên trước, chị em ơi!

(1) Chữ Luận-ngữ: Người trí hay vui nước, người nhưn hay vui núi.

(2) Mộng thấy con gấu (hùng) thì sinh con giai; kinh Thi có chữ « Duy hùng duy bi, nam tử chi trường ».

19. — *Không vay mà trả (Vần đồng)*

Nợ mượn, van thay cũng chẳng xong,
Không tiêu mà trả một trăm đồng.
Kìa người ăn ốc đã khôn chữa ?
Đề tở đèn gà có hại không ?
Nào cứ bao nhiêu liền khúc ruột,
Thôi đừng theo đuổi phất chơn lông
Kìa câu đối ngữ gương còn đó,
Xin chớ như nay chết cả ông!

20. — *Tặng bạn làm ti rượu ở phủ Hoài*

Rầy xem bác đã thỏa lòng chưa ?
Chớp mắt làm nên biển với cờ.
Mùi thể thử chơi không chuyển choáng,
Giọng tình mới nhấp chửa say sưa.
Chen vòng tranh cạnh xoay đương tít,
Rỗng cuộc ăn-chơi thể cũng vừa.
Qua đất Hoài châu tôi mới biết,
Mừng ông, đọc bốn mấy câu thơ.

21. — *Sư ông châu văn cho hai cô ả lên đồng*

Chẳng bực gì hơn cái nợ chồng !
Thà rằng bạn quách với sư xong.
Một thẳng trục tuếch ngồi khua mõ,
Hai ả tròn xoe đứng múa bông.
Thấp thoáng dưới đèn len bóng cậu,
Thướt tha trước án nguýt sư ông.
Chi em thỏ thẻ đêm khuya vắng :
Chẳng sướng gì hơn lúc thượng đồng !

22. — *Hội tây*

Kìa hội thăng-bình tiếng pháo reo,
Bao nhiêu cờ kéo mấy đèn treo.
Bà quan tênh nghếch xem bơi chải,
Thằng bé lom khom ghé hát trò.
Cây sức, cây đu nhiều chị rún,
Tham tiền, cột mỡ lắm anh leo.
Khen ai khéo vẽ trò vui thế ?
Vui thế bao nhiêu, sướng bấy nhiêu.

23. — *Kiếp làm lẽ*

Cha kiếp sinh ra phận má hồng !
Khéo thay một nỗi lấy chung chồng.
Mười đêm chị giữ mười đêm cả,
Suốt tháng em nằm suốt tháng không.
Hầu hạ đã cam phần Cát-lũy, (1)
Nhặt khoan còn ỏi tiếng Hà-dông. (2)
Ai về nhắn bảo đàn em nhỏ :
Có ế thời tu, chớ chớ chung !

24. — *Gặp giai-nhơn*

Chàng hẹn hò nhau, chẳng ước ao,
Duyên đâu bỗng chốc rầy run vào.
Văn chương đó nợ người cung quế,
Yêu diệu kia ai khách động đào,
Giáp mặt đường hoa hương ngát sức,
Gian tay lầu nguyệt bóng soi cao.
Chỉ hồng, lá thắm khen ai khéo !
Lưu, Nguyễn xưa kia truyện thế nào ?

(1) Cát-lũy là dây sắn, kinh Thi có thơ Cát-lũy vì phận làm lẽ như dây sắn leo nhờ bóng cây cao.

(2) Có chữ Hà-dông sư-tử hồng ; nghĩa là con sư-tử găm lét ở Hà-dông, vì như là tiếng vợ cả ghen.

25. — *Nhớ cô đào*

Thân thể trăm năm một cuộc cờ,
Tao phùng dễ mấy hội mây mưa ?
Mặt đường quan đái (1) người đi lại,
Đầu ngựa tang bồng kẻ đón đưa.
Ngán phận bình bồng như chệnh mảng,
Quen mùi trung đỉnh những say sưa.
Trách thay con tạo ghen chi nữa,
Nỡ để duyên kia trót đợi chờ.

26. — *Mirng quan huyện phải cách, sau thi lại đỗ cử-nhơn*

Con tự nay nghe bác đã coi,
Rằng duyên hay phận uầy ai ôi ?
Đường quang bồng chốc sáng đường rậm,
Bước tới vì chùng tự bước lui.
Vũ trụ có mình thêm cổ truyện,
Phong trần còn hội vẫn còn vui.
Suy ra mới biết rằng cơ tạo,
Xin tấm căng-hoàng (2) chớ chút nguôi.

27. — *Gửi về quê thăm vợ*

Con tạo ghen ai những quấy rầy ?
Quan-hà (3) muôn dặm kẻ riêng tây.
Gương thiềm ngấm bóng năm hầu nửa,
Thư nhận trông tin tháng đã đầy.
Xuân vắng vườn đào màu phấn nhạt,
Thu qua bờ liễu vóc sương gầy.
Trung tình hai chữ khen ai đặt ?
Một giấc phần du (4) tỉnh lại say.

(1) Quan đái là căn đái, là đường công danh.

(2) Là bụng kinh cần sợ hãi.

(3) Là xa cách non sông.

(4) Phần du là hai cây cổ-thụ ở đầu làng, đó là nói nhớ quê nhà.

28. — *Qua chơi Ninh-bình*

Vó ký le te róng nhạc bầu,
Ngàn hoa xấp xỉ bóng trăng thâu.
Giai nhọn ngảnh lại đường nghìn dặm,
Đất nước vui cùng bạn chín châu.
Rượu thết quan-hà năm bảy chén,
Thơ ghen phong-nguyệt một vài câu.
Giận lòng tổ có vừng trăng bạc,
Trăng bạc tro tro đứng giữa dầu.

29. — *Vịnh thần thiêng tỉnh Nghệ*

Xưa nay cổ-ngạn tiếng đồn vang, (1)
Tới hỏi giang sơn truyền biết tường.
Khói ngất non Kiền hơi Thủy-chúa,
Mây vùn đỉnh Dạ miếu Dương-vương.
Biển bia hai trạng còn sơn đá,
Án kỷ tam tòa vẫn khói hương.
Trung, Thượng một vài lâu điện nữa,
Còn ra đâu đấy cũng tâm thường.

30. — *Thuật hoài*

Đường mây qua lại, vó câu rong,
Chán mặt non sông những thẹn thùng.
Mùi thể thử chơi chừng ấy đủ,
Cuộc đời đã hẳn lực nào xong ?
Thôi thôi xin vài cùng trung đỉnh,
Kéo kéo còn rầy với kiếm cung.
Lêu láo diên viên cam một tí,
Đào hoa năm cũ gió cơn đông.

(1) Ngạn ngữ: « Thanh cây thế, Nghệ cây thần ».

31. — *Tặng giai-nhơn*

Rắp hỏi chơi dây những thẹn thùng,
Chữ tình ai nỡ rứt cho xong.
Nhưng người trong cuộc nhiều người lạ,
Mà của trên đời vốn của chung.
Duyên phận ngán xem thân thiếu-nữ,
Tài hoa gầy cả mặt anh-hùng.
Này thơ ai tặng ai ai đó,
Gặp gỡ rồi ra họa có không ?

32. — *Tặng cô đào Nguyệt Thanh-hóa*

BÀI THỨ NHẤT

Tưởng lại tri-âm để mấy người.
Lời xưa ai có nhớ cùng ai.
Một niềm son đá từ năm trước.
Đôi tiếng cầm ca mới buổi mai.
Nguyệt nọ năm qua còn bóng xế.
Hoa kia xuân vắng cái màu phai.
Vì duyên, vì phận xui nên thế.
Chớ nghĩ rằng ta đã sắc tài.

33. — BÀI THỨ HAI

Chớ nghĩ rằng ta đã sắc tài,
Sắc tài thiên-hạ thiếu chi ai.
Chẳng qua thú ấy từng hơi hám,
Vây dề tình kia chữa dứt dai.
Ngắm bóng những mong cơn nguyệt tỏ,
Vìn cảnh chi đợi lúc hoa phai.
Chút gì gấn bó cho đành đó,
Sau sẽ liệu bài ngộ một hai.

34. — BÀI THỨ BA

Nguyệt hỡi ! Ta về mấy buổi nay,
Nhớ mình, ta những ngẩn ngơ thay.
Chè pha long-tĩnh khan không giọng,
Rượu chúc bồ-đào nhấp chẳng say.
Giấc điệp bâng khuâng hơi trống diêm,
Hồn mai ngao ngán tiếng đàn bay.
Xa xôi tình có hay chẳng tá,
Con tào trêu ai những quấy rầy.

35. — BÀI THỨ TƯ

Thở ngắn thôi thôi lại thở dài,
Nỗi này ta biết nói cùng ai.
Thương người vả lại yêu vì tiếng
Thấy nét cho nên trọng đến tài.
Tri-kỷ bấy lâu danh có một,
Trung-tình đâu lẽ xẻ làm hai.
Còn trăng, còn gió, còn dây dấy,
Non nước nguyên xưa trót dăm sai.

36. — BÀI THỨ NĂM (thủ vĩ ngâm)

Thiếp có thương ta nhớ lấy lời,
Nhưng lời vàng đá phải lời chơi.
Đường tuy nửa bước như nghìn dặm,
Duyên chửa trăm năm cũng một đời.
Tần, Tấn đã đành trong gặp gỡ,
Ngô, Lào chỉ ngại truyện xa khơi.
Chầy chẵng phỏng độ đôi ba tháng,
Thiếp có thương ta nhớ lấy lời.

37. — *Từ biệt cò dào Thanh-hóa*

Giã mình thông thả, để ta ra,
Thông thả ta ra, sẽ lại qua.
Vàng đá trăm năm đành đã quyết,
Nước non vài buổi có bao xa.
Dù duyên lá thắm làm chi đó,
Ắt truyện trăng già cũng chẳng tha.
Lần thân xin đừng đo đắn nữa,
Trăm năm hãy cứ một mình ta.

38. — *Thả thuyền chơi trăng*

Hà-dông một dải nước trong veo,
Lững đững thuyền ai chở nặng chèo.
Cạn sóng, nhấp nhô tằm cá lội,
In dòng thấp thoáng mảnh trăng treo.
Muốn trôi thơ lá mà than thở,
Phải mượn tin băng để giập giu.
Cây cỏ thêm buồn lòng nhạo-thủy, (1)
Ái ân lạnh lẽo biết bao nhiêu.

39. — *Chế ông lão ve gái*

Hỏi lão đâu ta ? Lão ở Chèm,
Trông ra bóng dáng đã hom hem.
Lẳng tai non nước nghe chừng nặng,
Chớp mắt trắng hoa giả cách nhèm.
Cũng đã sư mô cùng lữ trẻ,
Lại còn tập tễnh với đàn em.
Xuân thu ước hỏi đã bao tá,
Cái miếng phong tình vẫn chữa khem.

(1) Nhạo thủy là vui nước.

40. — *Đánh vật*

Một lũ ngồi ngong một giải treo,
Được thua, thua được những eo xèo.
Trụi khoe sức khỏe rình lừa miếng,
Đô cậy tài nhanh giật giải lèo.
Rộn rịp nghe vang hồi trống giục,
Ganh đua ai chịu tiếng hèn đeo.
Ngựa nghề ta cũng chơi keo vật,
Cho kẻ bàng-quan mặc sức reo !

41. — *Cảnh buồn*

Trời không chớp bẻ chẳng mưa nguồn,
Đêm nảo đêm nao tớ cũng buồn !
Ngao ngán tình trung cơn gió thổi,
Ngọt ngào quang cảnh bóng trăng suông.
Khăn khăn, áo áo thêm rầy truyện,
Bút bút, nghiên nghiên khéo dở tuồng.
Ngủ quách, sự đời thấy kẻ thức,
Chùa đầu thẳng trọc đã hồi chuông.

42. — *Bực mình*

Mình bảo ta điên, ta chẳng điên,
Ta thương, ta nhớ, hóa ta phiền.
Kẻ yêu, kẻ ghét hay gì chứ,
Người trọng, người khinh chỉ vị tiền.
Ở biển ngậm-ngùi cơn tới lạch,
Được voi tấp tễnh lại đòi tiên.
Khi cười, khi khóc, khi than thở,
Muốn bỏ văn chương học võ-biên.

43. — *Trời chưa sáng*

Chợt thấy bên đông nghī sáng mà,
Đêm sao đêm mãi mãi ru à ?
Lạnh lũng bốn bề ba phần tuyết,
Xào xạc năm canh một tiếng gà.
Chim chóc hầy còn nường cửa tổ,
Bướm ong chưa thấy liệng vườn hoa.
Ai đi đâu đấy hay tìm tở ?
Đốt đuốc mã soi kéo lãn nhà.

44. — *Mình ông nhà nhỏ*

Một sớm ơn vua có bằng vàng,
Làm kiêu lối cũ lại làm sang.
Câu văn Hán, Tống hay ghê gớm !
Thép truyện Phan, Trần thuộc cháo chan !
Gỗ tốt ai đem giồng cột giậu,
Chim khôn có lúc đậu nhà quan.
Nhà nhỏ để được mình ông nhỉ ?
Có dễ ông nay sướng nhưt làng.

45. — *Gái nuôi chồng*

Quanh năm buôn bán ở ven sông,
Nuôi đủ đàn con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quāng vắng,
Ỗ ào mặt nước buổi dò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng ba sương dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như không.

46. — *Bản đèn thuốc phiện*

Cuộc thế ăn chơi phải nghĩ nghiên,
Chơi sao cho trái thú hà-yên.
Tam sơn cao ngất lưng Tam-đảo,
Bán nguyệt xanh mờ ảnh bán thiên.
Xe ngựa đã đành khi sẵn bạc,
Tàu bần chỉ ngại lúc không tiền.
Giang hồ ví biết đường tiêm tất,
Soi móc ăn chơi lối cửa quyền.

47. — *Trách nhơn tình*

Ai ôi ! Ai ôi ! Chớ hợm mình,
Giàu thì ai chuộng, khó ai khinh.
Thằng ngô gãy gánh vẽ câu truyện,
Chú lái nghiêng thoi bởi chữ tình.
Lắm khéo, lắm khôn thì lắm của,
Càng già, càng trẻ lại càng xinh.
Xuống chơn, lên mặt rồi ông bảo,
Không biết rằng đơ dáng dạng hình.

48. — *Trách anh cò bạc ăn chơi*

Thua bạc, nhà đi với mẹ nhà,
Bệnh gì chẳng bệnh, bệnh tim là.
Ngủ nơi thổ di, cơm đào hát,
Khi ở sông Xương, lúc tỉnh Hà.
Mang tiếng khoa danh cho thế mĩa,
Cực lòng cha mẹ đẻ con ra.
Nam vô cứu-khồ tiêu tai nạn,
Nhờ lượng Quan-âm đức phật-bà.

49. — *Buôn bán sành sỏi*

Nước buôn như chị, chỉ ăn người.
Chị thấy ai đâu, chị cũng cười.
Lắm khách đông hơn phường thô đi,
Đặt hàng như thê mớ tôm tươi.
Bạc tiền người thiếu, ta thường đủ,
Giá gạo ai năm, tớ hẳn mười.
Vỏ quít để dành ăn măm ngấu,
Vào rừng mà hỏi giồng dười ươi.

50. — *Chừa hoang*

Ai về nhắn bảo việc này cho,
Nhắn bảo cho rằng việc nhờ to.
Chép miệng bà nuôi to cái đại,
Phờ râu ông rề ăm con sơ.
Cắm sâu sào quá nên thêm khó,
Néo riết dây vào hóa phải lo.
Vẫn biết sống lâu nhiều sự lạ,
Tử qui thất lại một con cò.

51. — *Nhấn chi lấy lẽ thứ tư*

Những trách cô mình tính lẳng lơ,
Làm hai chẳng muốn, muốn làm tư.
Say đường buôn bán nên không lãi,
Tĩnh truyện trắng hoa phải mắc lừa.
Ắt hẳn nhầm về anh bợm gốc,
Thôi đừng trách lẫn tại ông tơ.
Lời này nhắn bảo người son phấn,
Nghĩ nổi sau này đã biết chưa ?

THẤT-NGÔN BÁT-CÚ THỦ-VĨ NGÂM

(Câu thứ nhất ở đầu cùng câu thứ tám ở cuối bài thơ giống như nhau, vậy mới gọi là thủ-vĩ ngâm)

1. — Khóc quan phủ Vĩnh-tường

(Xuân-Hương)

Trăm năm ông phủ Vĩnh-tường ơi !
Cái nợ ba sinh đã trả rồi.
Chôn chặt văn chương ba thước đất,
Tung hê (1) hồ thi bốn phương trời.
Hạt sương dưới chiếu trau mây khóc, (2)
Giọt máu trên tay mìn miệng cười. (3)
Hăm bảy tháng trời là mấy chốc ?
Trăm năm ông phủ Vĩnh-tường ơi !

2. — Sáu thương

Truyền là ông Vương-vân-Toán làm ra đề đáp lại lời con gái mĩa rằng : « Anh có thương cha, thương mẹ, thương vợ, thương chồng, thương con, thương cái nhà anh, chứ anh dám thương ai ».

Há dám thương đâu kẻ có chồng,
Thương về một nỗi hầy còn không.
Thương con cuộc rữ kêu mùa hạ,
Thương cái bèo non giạt bễ đông.
Thương cha mẹ nhện vương tơ lưới,
Thương vợ chồng Ngâu ở cách sông.
Quân-tử có thương thì thương thế,
Há dám thương đâu kẻ có chồng.

(1) Có bản chép là : Ném tung, hay là quăng/xa.

(2-3) Hai câu này có bản chép là : « Cán cân tạo-hóa rơi đầu mắt, miệng túi cân-khôn thất lại rồi ». Nhưng xét ra thì trùng vần (rồi) ở câu thứ hai.

3. — Tết Nguyên-dán xuống linh

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo,
Tiền bạc trong kho chứa linh tiêu.
Rượu cúc nhẩn đem, hàng biếng quây,
Chè sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
Bánh đường sắp gói, e nồm chảy,
Giò lụa toan làm, sợ nắng thiu.
Thôi thế thì thôi ! dành tết khác,
Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.

THẤT-NGÔN BÁT-CÚ LIÊN-HOÀN

(Câu cuối bài trên lại tiếp sang đầu bài dưới)

Than nghèo bốn bài

1. — BÀI THỨ NHẤT

Chửa chán ru mà quấy mãi đây ?
Nợ nần dan dúi mấy năm nay.
Mang danh tài sắc cho nên lỗ, (1)
Quen thói phong-lưu hóa phải vay.
Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh-hùng khi gặp phải khoanh tay.
Còn trời, còn đất, còn non nước,
Có lẽ ta đâu mãi thế này ?

2. — BÀI THỨ HAI

Có lẽ ta đâu mãi thế này ?
Non sông lẩn thẩn mấy thu chầy.
Đã từng tắm gội ân mưa móc,
Cũng phải xênh xang hội gió mây.
Hãy quyết phen này xem thử đã,
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay.
Xưa nay xuất, xử thường hai lối.
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.

(1) « Lỗ » có bản chép là « nợ ».

3. — BÀI THỨ BA

Mãi thế rồi ta sẽ tỉnh đây.
Điền viên thú nợ vốn xưa nay.
Giang hồ bạn lữ (1) câu tan, hợp,
Tùng cúc anh em cuộc tỉnh, say.
Tòa đá Khương-công (2) đôi khóm trúc,
Áo xuân Nghiêm-tử (3) một vai cày.
Thái bình vũ trụ càng thông thả,
Chẳng lợi danh chi lại hóa hay.

4. — BÀI THỨ TƯ

Chẳng lợi danh chi lại hóa hay,
Chẳng ai phiền lụy, chẳng ai rầy.
Ngoài vòng cương tỏa chơn cao, thấp,
Trong thú yên hà mặt tỉnh, say.
Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
Vênh râu bàn những truyện xưa nay.
Cửa trời trăng gió kho vô tận,
Cầm, hạc tiêu giao đất nước này.

THẤT-NGÔN BÁT-CÚ HỌA VẦN

Họa vần là bài thơ xướng của người trước làm vần gì, thì mình họa lại vần nấy, thí dụ như bài xướng lên những vần này : « Xưa nhâm, bụi lằm, hoa rằm, đến năm, trăm năm. » Thì bài họa vần phải dùng những tiếng khác như là : « Không nhâm, cát lằm, tằm rằm, bảy năm, nghìn năm. » Chớ không được dùng điệp vần bài xướng như là : « Xưa nhâm, bụi lằm, vân, vân ».

Song le bài họa lại phải xem ý bài xướng nói thế nào, thì phải đáp họa lại ý nấy, hoặc là nói khen lại, hoặc là

(1) Lữ nghĩa là bạn cùng trà lữ.

(2) Là tích ông Khương-tử-Nha ngồi bàn thạch câu cá ở sông Vị.

(3) Ông Nghiêm-tử-Lăng ở đời Đông-hán, mặc áo tơ đi cày ở núi Phú-xuân; đó là dẫn tích người ăn dật, thì mình cũng về ăn ở nhà đi cày và câu cá.

nói bác đi, để tỏ ý mình ra, thì mới là hay, xem sau này sẽ hiểu.

1. — *Quan sáu mươi tuổi về hưu trí*

(BÀI XƯƠNG)

Rằng nay là phải, hẳn xưa nhằm,
Xe ngựa đường xưa cát bụi lấm.
Ba luống cúc từng (1) nhờ quả phúc,
Sáu mươi mây tóc chữa hoa râm.
Hầu non bốn chị sinh năm một,
Bạn cũ mười anh chết đến năm.
Lộc nước còn nhiều hưu-dưỡng bổng,
Muốn như Bành-tổ tám trăm năm.

2. — BÀI HỌA

Tuổi đã nhi-thuận (2) hẳn không nhằm,
Bề hoạn trông ra vũng cát lấm.
Vui bạn kỳ-anh (3) so gậy bột,
Trái mùi trung-đỉnh nhớ tấm râm.
Gió trăng vui thú khi khuya sớm,
Hương vườn đầy sân lữ bảy năm.
Dân đội ơn quan còn thừa trước,
Dâng hai trăm tuổi, chẵn nghìn năm.

3. — *Hỏi thăm mắt cướp (Yên-đồ xương)*

Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông,
Nó lại lời ông đến giữa đồng.
Lấy của, bắt người quân tặc nhỉ!
Xương già da cóc (4) có đau không?
Bây giờ trót đã (5) sây da trán,
Ngày trước đi đâu mắt (6) mây lông.
Thôi cũng đừng nên ky cướp nữa,
Kéo mang tiếng đại với phường nông.

(1) Đào-Tiền cáo quan về thăm vườn thấy hãy còn cây từng, cúc.

(2) Chữ Luận-ngữ: « Lục thập nhi nhi thuận », nghĩa là sáu mươi tuổi thì tai nghe việc gì cũng hiểu lẽ.

(3) Tư-mã-Quang sáu mươi tuổi cáo quan về rủ bạn đồng-caul cùng làm một hội Kỳ-anh.

(4) Hoặc đọc là: (Mình già tuổi yếu).

(5) (Trót đã, hoặc đọc là: (Nhỡ bước).

(6) (Đi đâu mắt) hoặc đọc là: (Nào ai động).

4. — BÀI HỌA

Ông thăm, tôi cũng già ơn ông.
Nó có lời tôi đến giữa đồng.
Cũng tưởng vun thu phòng lúc thiếu.
Nào ngờ ky cóp lại như không.
Chém cha thằng quỷ đen tai mắt !
Chẳng nề ông già bạc tóc lông.
Ông hỏi thăm tôi, tôi có biết,
Thương ông tuổi tác cháu thì nông.

THẤT-NGÔN TỬ-TUYỆT BA VẤN

(Lời thơ này chỉ có bốn câu phải nói sao cho chuốt một hơi, không cần phải đối, dầu có trùng chữ cũng không cần chi)

1. — *Câu Ấm giữ lời vợ*

Mợ bảo vắn tây học khó gì,
Cấp lương cho học để đi thi.
Thôi thôi lạy mợ sanh-cặng⁽¹⁾ lạy,
Mả tổ nhà tôi thiếu bút chì.

2. — *Gái chữa chồng*

Xuân xanh cô tuổi đã ngoài hai,
Chứ chữa chồng như để mãi mai ?
Khảm ngược về đâu thuyền chữa lái ?
Trông-tránh nỡ để nón không quai.

3. — *Bánh trôi nước*

(Xuân-Hương)

Thân em thì trắng, phận em tròn,
Bảy nổi, ba chìm mấy nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(1) Cinquante là năm mươi.

4. — *Đồng tiền hoễn*

(Yên-đồ)

Cũng khuôn, cũng đúc, cũng lò gang,
Đủ mặt vuông tròn với thế-gian.
Kém cạnh cho nên mang tiếng hoễn,
Đủ đồng từng đã đóng nên quan.

5. — *Ông tượng sành đứng trên non-bộ*

Ông đứng làm chi đấy, hỡi ông ?
Trơ trơ như đá, vững như đồng.
Đêm ngày gìn giữ cho ai đó ?
Non nước đầy vơi có biết không ?

6. — *Thành pháo*

(Nhân có ông Phòng-thành tên là Pháo, nên mới vịnh bài tam-cúc mà này ra tên người)

Tượng tượng, xe xe, đã lẽ rồi,
Sĩ điều, sĩ đỏ chẳng thành đôi.
Đố ai biết được quân gì kết,
Mà đã chui rồi, tốt cũng chui.

7. — *Tài ngón châu*

Có phải rằng ông chẳng học đâu,
Một năm ông học một vài câu.
Ví dù vua mở khoa thi trống,
Lạc-nhạn, xuyên-tâm đủ ngón châu.

8. — *Anh vô nghề*

Trời đất sinh ra chán vạn nghề,
Làm thầy, làm thợ, hoặc làm thuê.
Bác này rõ thấy thái-vô-tích,
Sáng vác ô đi, tối vác về.

9. — *Ả đào lấy khách*

Đàn ai vắng vắng chốn giang hồ,
Nghe tiếng sang sừ ngân liu lô.
Thành thị không người tri kỷ tá ?
Gánh vâng sao nữ đồ sông Ngô.

10. — *Lời bảo chim cu*

Cu hời ! cu hời ! bảo cu hay,
Cu ở đâu mà cu tới đây ?
Chớ cậy lông son, cùng ống sứ,
Có ngày thớt nghiêng với dao phay !

THẤT-NGÔN TỬ-TUYỆT HỌA VÂN

(Lối thơ họa vãn này chỉ có bốn câu, cũng thiêu như cách họa vãn
đã nói ở trên)

1. — *Trời nói 2 bài*

BÀI XƯỞNG (Yên-đồ)

Gao cao muôn trượng ấy là tao.
Dẫu pháo thẳng thiên chẳng tới nào.
Nhấn bảo dưới trần cho chúng biết,
Tháng ba, tháng tám tớ mưa dào.

2. — BÀI HỌA

Tao chạy vùng quanh, biết mấy tao,
Tao đi, tao có nói đâu nào.
Da tao lỗ đồ sao đen thế ?
Ý hẩn con Oa (1) thời bẽ dào.

(1) Nũ-Oa rên đá vá trời.

3. — *Thăm cô hàng chiều*

(Truyền là ông Nguyễn-Trãi làm ra)

À ở đâu ta bán chiều gon ?
Chẳng hay chiều ấy hết hay còn ?
Xuân thu phỏng độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa, được mấy con ?

1. — *Cô hàng chiều họa*

(Truyền là Nguyễn-thị-Lộ họa).

Tôi ở Tây-hồ bán chiều gon,
Cớ chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân thu tuổi mới trắng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, có đâu con!

THẬT-NGÔN TỬ-TUYẾT LIÊN-HOÀN

(Hai chữ cuối câu trên liên tiếp với hai chữ đầu câu dưới)

1. — *Hồ-xuân-Hương xướng*

Nào có xa gì phải nhẫn nhe, (1)
Nhẫn-nhe, toan những sự gùn-ghè.
Gùn-ghè, nhưng lại tình không dám (2)
Không (3) dám, cho nên phải rụt-rè.

2. — *Ông chiều Hồ họa*

Hỡi hỡi cô bay ! Lại (4) bảo nhe,
Bảo nhe, không được ắt tao (5) ghè.
Tao ghè, chẳng vỡ, tao ghè mãi, (6)
Ghè mãi, rồi lâu cũng phải rè.

(1) Có bản chép : Những bấy lâu nay luống nhẫn nhe.

(2) Có bản chép : Gùn ghè nhưng vẫn còn chưa dám.

(3) Có bản là : Chưa.

(4) Có bản là : Tớ.

(5) Có bản là : Gậy ông.

(6) Có bản là : Ông ghè chẳng vỡ ông ghè mãi.

LỜI THƠ YẾT-HẬU

(Câu sau cùng chỉ hạ có một chữ vần)

1. — Anh nhè

Sống ở nhơn-gian đánh chén nhè
Thác về âm-phủ cặp kè kè.
Diêm-vương mới hỏi mang gì đây ?
..... Be !

2. — Anh ngồng

Sống ở nhơn-gian đánh chén ngồng.
Thác về âm-phủ cặp công công.
Diêm-vương thét hỏi mang gì đồ ?
..... Không !

NGŨ-NGÔN BÁT-CÚ

1. — Đề kiểu thu giang vẽ ở bộ chén

Một thức nước in trời,
Đò ai chiếc lá khơi.
Non xanh cao chót vót,
Dòng nước chảy đầy vơi.
Mảng khúc Thương-lang (1) hát.
Ưa tình lữ-khách (2) chơi.
Mong cho yên sóng gió,
Qua lại mặc người đời.

(1) Là tên sông, lại có khúc ca Thương-lang rằng : « Nước trong thì giặt dải mũ ; nước đục thì rửa chơn ».

(2) Là người khách đi chơi.

2. — *Khoe mình*

(Bài này là lối thơ nói, vậy tiếng bằng trắc không có câu nê
theo đúng như luật)

Phong lưu tính đã quen,
Thẳng tôi có chịu hèn !
Bạc mở vung tàn tán,
Rượu đánh tuyết cù đèn.
Trên trời đứt dây xuống,
Dưới đất trật nẻ lên.
Ao ước còn toan những,
Có tiền để mua tiên.

NGŨ-NGÔN TỬ-CÚ

1. — *Chùa Vô-vi* (Trần-vân-Tăng)

Vắt vẻo sườn non Trao, (1)
Lơ thơ mấy ngọn chùa.
Hỏi ai là chủ đó,
Có bán tớ xin mua.

2. — *Hẹn thầy Chi không đến*

Hỏi trưa mới tiếp thơ,
Hẹn đợi từ sáu giờ.
Nọ thấy chỉ chỉ cả,
Cho ai lường đợi chờ.

Làm ruộng bốn bài

(Tú-tài Xương)

Bốn bài này lại riêng là một lối thơ nói, những tiếng bằng trắc
không có niêm theo luật lắm.

1. — BÀI THỨ NHẤT

Hán tự chẳng biết Hán,
Tây tự chẳng biết Tây.
Quốc-ngữ cũng ù tịt,
Thôi thì về đi cây.

(1) Núi Trao tức là núi Vô-vi.

2. — BÀI THỨ NHÌ

Trồng ngô và trồng đậu.
Cấy chiêm và cấy mùa.
Ăn không hết thì bán,
Bán đã ông tây mua.

3. — BÀI THỨ BA

Được tiền thì mua rượu,
Rượu say rồi cưỡi trâu.
Cưỡi trâu thê mà vững,
Có ngựa cũng không đau.

4. — BÀI THỨ TƯ

Ăn lương hàm chính-thất,
Thôi thôi thế cũng xong.
Ví bằng nhà nước dựng,
Phải bỏ tòa Canh-nông.

NGŨ-NGÔN VĂN TRẮC

Đêm mùa hè cảm hưng

(Yên-đồ)

Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thực oi-ả.
Tiếng dế kêu thiết-tha.
Đàn muỗi bay lả-tả.
Nỗi ấy biết cùng ai ?
Cảnh này buồn cả dạ !
Biếng nhắp năm canh chầy,
Gà đã sớm giục già.

Hiệu ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN, phố hàng Bông nệm,
số 16, có bán những sách này:

TAM-QUỐC-CHÍ DIỄN NGHĨA cả bộ	5 \$ 00
VIỆT-LAM XUÂN-THU, mỗi quyển	0 20
Cả bộ 7 quyển	1 00
HUNG-ĐẠO-VƯƠNG, bản giấy thường	0 60
NAM-HẢI-DỊ-NHÂN LIỆT TRUYỆN của Phan-kê-Bính.	0 50
LUẬT ANNAM, dịch ra quốc-ngữ có quan Phạm-văn- Thu xét nghĩa, và quan Thống-sứ duyệt y	0 60
TIEU-HOC CÁCH-TRÍ của ông Trần-văn-Khánh và Phạm-văn-Hữu, in lần thứ hai	0 80
TIEU-HOC TOÁN-PHÁP	0 60
ẤU-HOC QUỐC-NGŨ TÂN-THU, của ông Trần-văn- Thông, cả bộ	1 00
KIM-VĂN-KIỀU	0 25
SƠ-HOC QUỐC-NGŨ TẬP-ĐỌC	0 15
NỮ-TỬ-TÀI	0 15
CUNG-OÁN-NGÂM-KHÚC, diễn quốc-ngữ, có dẫn điển tích, lại có phụ thêm bài tình-nghĩa: <i>Me ơi, con muốn lấy chồng!</i>	0 12
TỬ-TÀI-TỬ (Bình, Sơn, Lãnh, Yến), Tân-tiếp-Dự diễn ra quốc-ngữ	0 40
TRUYỆN THANH-MAI	0 20
PHAN-TRAN TÂN SAN	0 15
TRINH-THỦ TÂN SAN	0 15
KHUYẾN PHỤ TỬ GIỚI CA	0 10
LƯU-BÌNH DUONG-LỄ	0 12
NỮ TÁC, có chú dẫn điển tích	0 10
GIAI NHÂN DI MẶC, sự tích và thơ từ Xuân-Hương, mỗi quyển	0 20
ĐỒ-THẬP-NUƠNG	0 20
HỒNG-LÀU ĐỐ-KY	0 15
Tuồng TÂY-NAM ĐẠC-BẢNG, của cụ quận Hoàng Thái-xuyên soạn	0 30
— TUƠNG KỶ KHÍ XA, của cụ quận Hoàng Thái-xuyên soạn	0 40
— ĐÔNG A SONG PHỤNG	0 15

Khi gửi-mua sách, xin quý-khách theo giá tiền trên này
mà gửi tiền trước cho và phải thêm cả tiền cước gửi kỹ
(recommandé).

NGUYỄN-DÔNG-CHAU

鼓吹元音

CÔ-XÚY NGUYỄN-ÂM

LỜI VĂN THƠ NÔM

IN LẦN THỨ NHẤT

Sách này Đông-kinh Ấn quán giữ bản quyền, không ai được in lại và trích lược dịch lại vãn vãn

Cuốn thứ NHỊ



HANOI

ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN

Phố hàng Bông-nệm, số 16

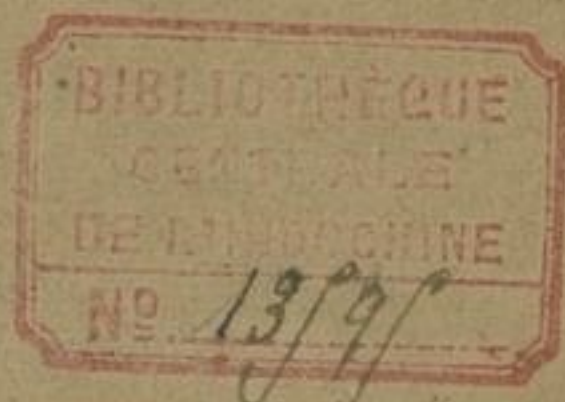
1918

Giá : 25

Cuốn thứ ba đang in

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

II — LUẬT PHÚ



Từ phú là một lối văn-chương cao-diệu để phùng vịnh sự đời, hoặc tả tình, tả cảnh.

Lối làm phú đầu không câu-nệ luật cách bằng trắc như lối thơ lăm. Nhưng làm theo lối *biền-ngẫu*, nghĩa là phải đặt câu đối nhau, thì cũng phải *niêm-luật*, lựa theo tiếng bằng, tiếng trắc, vần bằng, vần trắc mà làm.

Độc-vần, hạn-vần, phóng-vần

Trong bài phú cốt phải hạ vần cho *đích* đáng, hoặc *độc-vần*, *hạn-vần*, hay *phóng-vần*.

Độc-vần. — *Độc-vần* là từ đầu đến cuối chỉ theo một vần.

Hạn-vần. — *Hạn-vần* hoặc ba bốn vần hay năm bảy vần.

Phóng-vần. — *Phóng-vần* là muốn làm theo vần nào cũng được.

Lối câu bát-tự, song-quan, cách-cú, gối-hạc

Bát-tự — Trong bài phú mỗi một đoạn trước hết phải đặt một vài câu ngắn như là mỗi câu bốn chữ đối với nhau, hai câu thành tám chữ, thì gọi là *bát-tự*.

Hoặc dùng vần liên-châu, nghĩa là vần câu trên liên tiếp với vần câu dưới; hoặc dùng bằng trắc đối nhau, thì chỉ hạ hai vần ở chữ cuối cùng hai câu *bát-tự* mà thôi.

Thí dụ câu *bát-tự* :

Ngán thay thế tục ! ngán thay thế tục !

Nước chảy bên mê, gió hun lửa dục.

Song-quan — *Song-quan* là hai câu song đối, mỗi vế độ sáu bảy chữ hay tám chín chữ đối nhau gọi là *song-quan*.

Thí dụ câu *song-quan* :

Suối liêm mấy kẻ dầm đìa,
Đường lợi đua nhau chen chúc.

Cách-cú — Sau dần dần đặt câu dài đối nhau, gọi là *cách-cú*, nghĩa là trong một câu đoạn trên bốn chữ, đoạn dưới sáu bảy chữ; hay là trên sáu bảy chữ, dưới đặt dài độ tám chữ, hay ngoại mười chữ cũng được.

Thí dụ câu *cách-cú* :

Có trung hậu cũng là trung hậu bạc ; nào đoái hoài phường
khổ rách áo ôm ?

Chẳng hơn ngài gì hơn hơn ngài tiền ; phải chiều chuộng
kẻ vàng trăm bạc chực.

Hay là trên đặt dài độ bảy tám chữ, mà dưới đặt ngắn
độ bốn chữ, cũng là câu *cách-cú*.

Thí dụ :

Chẳng biết ăn cây nào, rào cây này ; thấy bở thì đào.

Chẳng biết mất của ta, ra của người ; cứ mềm thì chọc.

Gối-hạc — Còn như đặt dài mỗi vế đến ba đoạn, mà ba
chữ trên đầu câu hơi chấm đậu lại, thì gọi là câu *gối-hạc*.

Thí dụ câu *gối-hạc* :

Khi đặc thễ, thời đất nầm nện bứt ; nghe hơi khá, xăm xăm
chen gót tới : đen ngõ đàn ruồi !

Lúc sa cơ, thời rông cũng như giun ; xem chiều hèn, xanh
xanh rē tay ra : nhạt như nước ốc !

Đó là lối đặt câu : *bát-lự, song-quan, cách-cú, gối-hạc*,
đại khái như vậy.

Nhưng cũng có câu đặt ngắn hơn độ ba chữ ; hay là đặt
dài hơn, độ ba bốn đoạn, cũng chẳng qua những lối đó mà
thôi, qui hồ xếp được cho nhiều tiếng phươg-ngòn, tục-ngữ
đối nhau, mà tùy ý đặt lời cho êm, hạ vần cho luyện, thì là
được.

Dàn bài

Còn như lối dàn bài cũng tựa như cách làm thơ, cũng có *khai*, có *thừa*, có *thích-thực*, có *ngại-luận*, có *tổng-kết*.

Văn đầu mới mở gọi là *văn lung*, nghĩa là nói cho lung động ý đầu bài lên trước.

Văn thứ hai là *văn biện-nguyên*, phải nói nguyên ủy cho rõ ý đầu bài.

Văn thứ ba là *văn thích-thực*, phải tả cho hết ý nghĩ đầu bài.

Văn thứ tư là *phu-diễn*, hay gọi là *văn thối-hiệu*, nghĩa là nói suy rộng ý đầu bài ra, rồi từ văn sau trở đi thì nghị luận mà tổng kết lại.

Cũng có bài trực phá vào thực ngay, rồi nói dần dần từ thển nhập thâm, cốt phải đoạn-lạc ⁽¹⁾ cho phân minh, lời lẽ cho tao nhã, sẽ xem những bài chép sau này.

PHÚ TẬP (Hiệp-thái)

Thế-tục phú (độc-vận)

(Truyền là Vy-sĩ Trần-văn-Nghĩa người thôn An-ninh huyện Vĩnh-thuận Hà-nội, soạn ra từ năm Minh-mệnh 14)

Ngán thay thế tục ! Ngán thay thế tục !

Nước chảy bến mê, gió hun lửa dục !

Suối liêm mấy kẻ dầm dìa ;

Đường lợi đua nhau chen chúc.

Có trung hậu, cũng là trung hậu bạc ; Nào đoái hoài
phường khố rách áo ôm ?

Chẳng hơn nghĩa, gì hơn hơn nghĩa tiền ; Phải chiều
chuộng kẻ vàng trăm, bạc chục.

(1) Là từng đoạn bài liên lạc với nhau.

Lập lờ phải trái, mụ-lão xỏ kim ; (1)
Lường gạt ăn thua, vẩn-thần đánh mộc. (2)
Khi dắc-thể, thời đất nắm nên bứt ; nghe hơi khá, xăm xăm
chen gót tới : đen ngờ đàn ruồi !
Lúc sa-cơ, thời rông cũng như giun ; xem chiều hèn, xanh
xanh rē tay ra : nhạt như nước ốc !
Chẳng biết ăn cây nào, rào cây nấy ; thấy bở thì đào.
Chẳng biết mất của ta, ra của người ; cứ mềm thì chọc.
Khó giữa chợ nào ai hỏi ; chẳng mua thù, bán dũ cũng thờ-ơ.
Giàu trên non lắm kẻ tìm ; không ép giầu, nài thương mà xạo xục.
Mềm lưng, uốn gối, tôi tớ đồng tiền ;
Mắm miệng, ray tay, thể thần thúng thóc.
Lạ buông-thả, bán buôn chẳng quản ; quen lèn đau, càng giáo
giở đầu thưng.
Giàu nề-nang, giạt mượn không nề ; khó kéo đến, lại ngật
ngồi lãi gốc.
Cạnh thiết hơn, xem băng gương tào ; (3)
Mặt trơ tráo, nhẵn như bụi dục. (4)
Đến gánh nặng, xôn-xao chào-hỏi ; miệng thơn-thớt ngọt như
mía nướng ; đuôi gà, khua cá trụng bưng !
Lại tay không, nhẵn-nhó ử-ê ; mặt sì-sì nặng ngờ đá đeo ;
chửi chó, mắng mèo eo-óc !
So tây chẳng sợ tiếng bon-chen ;
Thừa lựa lại ghê gan hiểm hóc !
Miếng ngọt nhạt : Cửa anh như cửa chú ; thương gì thương,
thương chẳng có dơi !
Tiếng dãi bôi : Con chị ẵm con em ; trọng gì trọng, trọng
chẳng có cóc !
Đá đưa đầu lười, tinh những trương hoàng ;
Sấp ngựa bàn tay, rặt màu phản-phúc.

(1) Có bản : Ra tuồng kẻ Bưởi cuốc vào lòng ;

(2) — : Học thói võ thần lừa miếng mộc.

(3) — : Dạ hẹp hỏi nào có lượng hưu hưu ;

(4) — : Mặt trơ tráo tựa như loài nhung nhúc.

Mọi mát mặt, ngõ khỏi điều trần-lụy ; vênh râu lên, rằng có
gì, dí cò !

Đã dầy lưng, song sợ kẻ tân-phiên ; bưng tai lại, rằng không
lắc, lẳng cốc !

Cùng khoe-khoang kẻ trượng-phu tưng ;

Cùng khổng-khánh người quân-tử trúc.

Gả bán so từng gốc rạ ; kém lưng đánh cần móng tay.

Bạn bè độ những lá gan ; cửa cạnh chẳng lia tơ tóc.

Nào từng biết phải, biết chẳng ;

Muốn những vừa trao, vừa xúc.

Thấy người sang, muốn bắt quàng làm họ : thuyền đua bánh-
lái cũng đua !

Làm l... khó, muốn đánh độ với giàu ; húng mọc tía-tô cũng mọc !

Chẳng nói nên vĩ nổi tay không ;

Chẳng hay đến bởi chưng dầu trọc.

Khó đành phận khó ; bèo đã biết thân bèo, bèo đâu dám chơi
trèo.

Ai dễ thương ai ; ốc chữa nổi mình ốc, ốc sao mang được
cọc ?

Chồn nghĩa-nhơn nhạt-nhèo hững-hờ ;

Nơi tài-lợi mặn-mà sẵn-sóc.

Phường cuội đất, bán ruộng chung thiên-hạ ; chỉ tay hồ, trở tay
long.

Ả bợm vườn, buôn tiền xấu thể-gian ; hợm mình vàng, khoe
minh ngọc.

Vụng kiếm ăn thời chê sác như vờ ;

Khéo lừa lặn ấy khen khôn có nọc.

Đàn nha nhặng, đứng múa thanh gươm lưỡi ; đem lại đây :
mật-ong, bột-sắn, cua-bề, tôm-he.

Lũ thầy cò, ngồi khoa ngọn giáo lông ; đưa vào những : bát-
bit, mâm-thau, khay-trè, ống-súc.

Trong luồn-lọt năm dạ mười vâng ;

Ngoài uốn-éo ba lừa bảy lọc.

Kẻ đầu phát, rắp hồng buôn cả bụi ; tu gì mà tu, tu mu !

Gã tưng sư, toan những lật cả thầy ; học gì mà học, học chọc !

Ấy thế mà ngáp ghé đứng tòa-sen ;

Ấy thế mà đua chen lăm áo-vóc.

Cũng có kẻ mượn quỷ-thần kiếm lễ ; khua mõ tay, đuổi bà.cô, ông-mãnh dùng-dùng.

Cũng có loài mượn năng-dí lấy tiền ; che quạt miệng, nói kẻ khuất, người còn xong xóc.

Lời « vô-sư bất-trách » biếng tai nghe ;

Chữ « vô-vật bất-linh » mau miệng đọc.

Bói vô-vê và câu truyền khẩu ; cũng mang hòm kiếm vật, tuy chữa thông quẻ *Chiêu*, quẻ *Cộng* (1) cũng xem.

Thuốc ngũ-ngờ mấy vị nhập tâm ; cũng xách dây chạy rông, dấu chữa rô con *Bê* con *Hiền* (2) cũng bốc.

Chước sinh-nhai như thế có ra gì ?

Nghề học-thuật nghĩ mình đã chín nục !

Lại còn kẻ khéo tay mờ của : (3) Hoa-tai xôi, Thanh-quẻ chấp, Sơn-dược củ-năn dôi.

Lại còn loài bưng mắt lấy tiền : Rời-mỏ khéo, dấu-linh gian, sa-quay tiền-mẫu dúc.

Lấy những điều đại khái mà suy ;

Giở đến sự chúng con còn ngốc.

Mừng nay gặp trời xuân hơn-hở ; thái-hòa chung hóa-nhật, quang-thiên.

Vâng trên cầm mỗi cả ngăn ngừa ; thanh-giáo khắp thâm-sơn cùng-cốc.

Lo sửa mình theo nguồn sạch, dòng trong ;

Mừng tiến đức thề sấm vang, gió giục.

Nhớ xưa : Qua buổi loạn-ly, trải đường thân súc.

Cầm đuốc soi cho tỏ ; nét thực-thà hơn nét văn-hoa.

Ăn mắt ngắm về sau ; đường ngay-thẳng hơn đường gai-góc.

Giàu đừng bắc bậc kheo-khoang ;

Khó phải gia công tủi nhục.

(1) Quẻ Kiền 乾 nhằm đọc là chiêu 朝 ; quẻ Tốn 巽 nhằm là cộng 共 là thầy bói nhằm.

(2) Chữ Thận 腎 nhằm là hiền 賢 ; chữ Tỳ 脾 nhằm là bê 脾, đó là thầy thuốc dốt.

(3) Kéo tay mờ của, có bản là mạng cầu và sập.

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng ; tập khôn mới nên khôn.
Điều lành thì nhớ, điều dở thì quên ; chữa học cũng như học.
Trâu chăn, bò giắt, vui nghiệp nông gia ;
Ngựa cưỡi, dù che, nức danh linh-tộc.
Khó ai bằng : Mãi-Thần, Mông-Chính ; biết bao nhiêu ngựa đón,
xe đưa.
Giàu ai bằng : Vương-Khải, Thạch-Sùng ; sao chẳng giữ tiền rêu,
thóc mốc ?
Anh-hùng hẳn có lúc ra tay ;
Quân-tử hãy bền gan gặp khúc.
Kẻ có nhân, mười phân chẳng khó ; có chi mà buộc cò mèo,
treo cổ chó, lần-thần lần-thần ?
Người biết lo, bằng kho hay làm ; có chi mà tham con diệc,
tiếc con rô, cù-rù cùc rúc ?
Trời cho, vốn đã dành phần ;
Vận đến, khi nên mấy chốc.
Chẳng thấy mua lừa, bán đảo ; bõc tay sột, đòi tay nguội, sung
sướng bao ngày ?
Chẳng thấy người ăn sồi, ở thì ; vào cửa mạch, ra cửa tà, khá
hèn thoảng lúc.
Thương người ấy là thương mình ;
Làm giàu sao bằng làm phúc.
Chú khi ni, my khi khác ; gọi là cú có, vọ mừng.
Ăn miếng chả, giả miếng bùi ; chớ nghĩ cốc mò, cò rúc.
Phật thường độ hữu-duyên ;
Thiên bất sinh vô-lộc.
Giàu vì bạn, sang vì vợ ; nhất kiến như cựu-thức, dầy mỏng
săn siu ;
Đông có mây, tây có sao ; cứu đại hơn ngoại-nhơn, rách lành
đùm bọc.
Trâu buộc ghét trâu ăn sáo được ; ghét thì xuống sông mà ký.
Cá lớn nuốt cá bé được chẳng ; nuốt đến ngựa ba thì hóc.
Tốt lỗi sao bằng xấu đều ;
Ngốc dần còn hơn khôn độc.
Ruột bỏ ra, da bọc lấy ; dòi tự trong xương.
Thượng bất chính, hạ tắc loạn, dột từ trên nóc.
Miễn được áo ba manh, cơm ba bát ; mặc dầu thung-thỉnh
thung-thăng.

Nào ai giàu ba họ, khó ba đời ; lọ phải trời-mòi, moi-móc.

Tham nhiều nên phải rình mò ;

Tiểu ít cứ chi khó nhọc.

Chẳng biết gió chiều nào che chiều nấy ; còn tại-hạ phải lạc-thiên an-mệnh, chớ ngất ngưỡng tịch-cư ninh-thê mà vụ danh. (1)

Đã hay phần giới mặt đâu dễ giới chơn ; may đặc-thời nên trí-chúa trách-dân, đừng ngoa ngoắt giai-cảnh hứng-tình mà tiêu-cực. (2)

Tôi nay : Tắt-hộ (3) lơ-thơ ; hạnh-lâm (4) ngang dọc.

Tĩnh lòng trần mấy quyền thanh-nang ; (5)

Say vị đạo một bầu hoàng-cúc. (6)

Thong thả rộng xem đèn sách ; găm cồ-nhơn đặc-thất để mà suy.

Nôm na gọi chép mấy lời ; khuyên tử-đệ ngôn-hành nên kiềm-thúc.

Há rằng ở đời chê lẫn sự đời, lấy làm tự-túc.

II. — Lạc đệ tự chào phú (Độc vận)

(Thi hồng tự cười mình) (không tên)

Khoa mục đường xưa ; văn chương lối mới.

Năm mây, lời thiên-tử rõ ràng ;

Bốn bề, bụng cử-nhơn tức tới.

Lều chiếu là thang vông lọng ; tranh lèo giạt giải có nhường ai ?

(1) Nghĩa là còn ẩn ở dưới, phải nên vui yên mệnh trời, chớ ngất ngưỡng ta là ở rảnh yên mình mà lấy tiếng.

(2) Nghĩa là khi đặc thời phải nên ra giúp vua cho dân nhờ, không nên ngoa ngoắt hứng tình vui chơi cảnh đẹp, thế là tiêu-cực.

(3) Là nhà tranh.

(4) Xưa có thầy thuốc hễ chữa khỏi người nào, thì người ấy phải đem cây hạnh đến giồng ở vườn, sau thành rừng hạnh.

(5) Là sách thuốc.

(6) Dưới câu này lại còn có câu : « Hú hi vỗ tay ôm cháu, véo má hôn ngang. Nghêu ngao nằm vông dạy con, vất chơn thẳng dọc. » Nhưng lại trùng vần dọc.

Tràng thiềm (1) là cửa cân đai ; cao gồi mau chơn không kẻ đợi ?
Công-danh gặp hội ; đường thanh-vân sấn bước toan trèo.
Phú quý nức lòng ; cảnh đan-quế giơ tay quyết vói.
Tắc gang chực vin rờng tựa phụng ; mượn phấn vua, trả nợ
bút nghiên xưa.
Đêm ngày chăm mài sắt nên kim ; nhờ đạo thánh, đèn công
đèn sách lại.
Cửa hiên rộng mở ; một nền Cức-viện, (2) có quả, có hoa.
Trận bút tranh đua ; ba đợt Vũ-môn, (3) lần trê, lần truồi.
Có một người : Mặt mũi khô ngô ; râu mày nhẵn nhụi.
Biếng học, siêng ngủ, sách vở mấp mờ ;
Non tập, già chơi, văn chương sốc nổi.
Đến khoa-thi, nửa sợ nửa mừng ;
Tính nhơn-sự, một may một rủi.
Mừng mặt đủ buồng-cau, bánh thuốc ; đồ vào trường, rất mực
phong lưu.
Theo chơn nhiều đày-tớ, học-trò ; chôn tam chọ tìm nơi rộng
rãi.
Chứng hay ngủ, sửa sang sắp sẵn ; Lều một vác, chiếu một ôm.
Đồ phụng thân, mang xách nặng nề ; Nước đầy bầu, giàu đầy
túi.
Thuốc Bách-tính, đóm diêm, điều ống ; thông môi này, dặt môi
khác, văn được như thuốc ắt hẳn hơi-dải.
Chả ba-họ, cơm-năm, ruốc-bông ; ăn một miếng, nghĩ một câu,
văn được như cơm can gì ý-nỗi (4).
Văn làm, đặc như bí, dai như đĩa ; dò lều này sang lều nọ, vi
nhứt vi nhì.
Sách quên, tối như hũ, mờ như đêm ; nghe câu được với câu
chăng, viết chầy, viết cối.
Đệ nhứt trường, làm bài tỉnh-nghĩa ; lần theo tám vẽ rõ ràng.
Hai trăm chữ, diêm đủ tân-qui ; từng tiếm hai tờ ngăn ngủi.

(1) Là chốn trường thi.

(2) Trường thi rào gai xung quanh, gọi là Cức-viện.

(3) Vũ-môn là cửa cá vượt hóa rồng, vi như trường thi.

(4) Đoạn văn nào còn thiếu ý, thì phê hai chữ « ý nỗi » nghĩa là
chê còn dối ý.

Phú cũng chẳng ra tậu ra mán ; theo anh em : *Tác-kiến, phú-kỳ*. (1)

Sách gọi là có cổ có kim ; đủ lẽ lối : *Sĩ-văn, cần-đối*. (2)

Đóng lều kín mít, nhứt định ngồi dai ;

Xe sấp thẳng gang, cố tình viết tối.

Những e-ấp, chửa mang mình-ốc nổi ; lại ra sự giặt tay trẻ
xuống giếng, ngấp nghé làm gà.

Toan kéo-co trả nợ tồ-tôm thua ; khéo dơ tường đơm đó cá
trên cây, kiếm ăn như rái.

Lúc nộp quyền hòm đã đóng khóa ; van lại-phòng tiếng nhỏ,
tiếng to.

Khi ra trường trời đã quá canh ; gọi đây-tớ ăm-a, ăm-oái.

Buồng nhà chợ, lúc thở dai vuốt bụng ; những mừng quyền
ấy đủ là may.

Ghế cô hàng, khi vất tréo rung đùi ; lại khoe văn kỳ này cũng
lợi.

Lúc hẹp dạ, bàn dầy bàn mỏng ; Nhờ hượng quan-trường rộng
tay bút, cuối bảng chẳng từ.

Khi cả gan, nghĩ quần nghĩ quanh ; Hoa là trong quyền có câu
thần, thủ-khoa cũng phải.

Đến khi : Ghế chéo giần lọng xanh ; bành voi giương ống gọi.

Số cử-nhơn xướng đã đủ lần ;

Dòng niên-hiệu đọc đã đến cuối.

Thấy đồ nợ, nét mặt tế tồ ngoại ; (3) áo quàng vai đi tất-tả
tất-toi

Bác tú kia, đầu gối tranh trưởng-nam ; (4) nón cặp nách chạy
hót-hơ hót-hởi.

Nào những lúc ra trường đoạn : Xêng-xang hàng phố, giầy kéo
lê, quần chằm gót, dậu-dàng thay tốt bộ cử-nhơn !

Nào những khi xướng danh rồi : Lủi-thủi cửa trường, khăn bỏ
giọt, áo giặt lưng, lơ-láo tưởng như hình chú-lái !

(1) Là chữ lẽ lối phú.

(2) Là chữ lẽ lối văn sách.

(3) Cháu rề tế tồ-ngoại nét mặt nhâng-nháo.

(4) Tranh ngôi trưởng-nam khi vào tế đầu gối run cầm cập.

Nghĩ đến một tháng tròn phí-tồn ; làm hại chung con mẹ, con kim.

Nhớ chữ ba đời trước cung-khai ; lại nhục đến ông-bà, ông-vãi.

Ngơ-ngác ! Lúc quắp râu về chợ : Đầy-tớ lư-dừ, mụ-hàng áng-ỏi, lắng tai nghe gà gáy để tìm lui.

Buồn-tênh ! Khi vác mặt về nhà : Trẻ con nhạt-nheo, mẹ nó thờ-ơ, vẫy đuôi thấy chó mừng càng thêm tủi.

Nghĩ cũng đi cho khỏi cáo ; tiên tai mua lấy cái trò chơi.

Ai ngờ về lại hoàn mèo ; mẹo lẩn liêu đường mà nói giải.

Máy phúc chốc ! Thói kiêu chừa được hẳn ; như dưa mới râu, như cau mới héo, ngại-ngùng những thẹn với đầu râu.

Đáng kiếp thay ! Mùi chám bớt từ đây ; lấy nong mà dè, lấy rỏ mà che, ngơ-ngáo chẳng còn ra mặt mũi.

Thôi thì thôi : Canh bạc bằng chơn ; truyện buồn không lái.

Cùng, thông cuộc-thế khéo hay sao !

Phong, sắc (1) lòng trời đừng vội hỏi.

Hồng khoa này chờ khoa khác ; thép hùng-văn đúc lại mới nên già.

Qua một sự sinh một điều ; đường thế-cổ trải lâu thì mới sỏi.

Sổ-phận chớ bàn sớm muộn ; có học, có thi, có hồng, có dọc-ngang cho phải chí mới cam.

Quân-ân nào hạn trước sau ; còn trời, còn nước, còn non, còn vinh-hiền với thế-gian được mãi.

Dẫu kẻ gọi ngựa, xem trâu cũng mặc ; cái hay, cái dở không cùng.

Rây ta lấy mai, với hạnh mà suy ; nở trước, nở sau có hội.

Hễ nho-giả suy cho cùng-lý ; trời đã hậu người tai mắt ấy, chữ : « *Sinh tài hữu dụng* » hẳn không lo.

Mà trượng-phu thì phải tự-cường ; trời không phụ kẻ đèn sách nào, câu : « *Hữu chí cánh thành* » xin chớ vội.

Nay nhân : Ngồi đó cũng buồn ; ruột càng thêm rối.

Trách phận đã no trách số ; nôm na mượn bút làm vui.

Cười mình đâu dám cười ai ; chấp chành mấy lời tự hỏi.

(1) Phong là phong-lưu, sắc là tung-kiết.

III. — Tổ - tôm phú (Độc vận)

Y-sĩ Trần-vân-Nghĩa

Bảy mảng trên tay ; ba hàng trước mặt.
Khi thừa-nhân, giở cuộc tụ-tam ;
Chừng đồng-lạc, vào nhòng đệ-nhứt.
Hội gặp thiên-khai thái-vận ; gần xa đâu là chẳng mừng ran.
Cuộc chơi thượng-thặng trí-cao ; nhớn nhỏ biết điều cùng vui
thật.

Thủa ấy : Giản việc thông-mang ; có chiều an-dật.
Truyện bất-can, nghe cũng nhảm tai ;
Buổi vô-sự, ngủ đã chán mắt.
Khách dài-các một mùi một trái : Chè sen, rượu thuốc, tiệc
hứng vui vầy.
Nhà phong-lưu mọi vẻ mọi hay : Dưa gấm, chiếu hoa, thế
ngồi tiêm tất.

Vậy mới : Thử biết tháp cao ; xét xem khoan nhất
Tiền mặt, đem xuất-thổ chất đầy ;
Bà da, nện trang-kim tốt ngật !
Hình-thế trăm hai mươi lẻ : ăn-xuyên, ghé-bí, một-quân hơn,
kém phải suy lường.
Tinh-thần năm bảy hội liền ; chực-rộng, ù-thông, mấy nước
dọc, ngang càng chịu chắt.
Trong khi chơi cũng có kinh quyền ;
Cao thế đánh mới hay trí thuật.

Đen thời : Đặt bỏ ngôi hêu ; cầm bài ngủ gật.
Trời chữa xong, dầu-cánh lại tuôn thêm ;
Ăn mà tốt, tay-trên liền phồng mắt.
Gà vịt chịu không dám đánh ; đảo trăm cấp, thấy đôi ông-lão,
ôi liền tam-bản (1) cắn theo đuôi.
Tôm lèo chực những không ù ; mở ba vòng, điều một con-yêu,
nhác đã thập-thành còn thiếu cật.
Người sốt gan thấy cũng buồn cười ;
Kẻ xấu nét nghĩ càng đồ ghét.

(1) Là ba ván.

Đỏ thời : Phỗng ngỡ mưa tuôn ; ù như chớp giạt.
Gặp ăn tốt, lại xui vào ;
Vừa chực sẵn, liền mở bát !
Bán-chi nầy, rồi liền toàn-bạch ; vén cánh bắt giải lợn béo,
răng cao, khoe một tác đến trời.
Tam-khôi thông, vừa đủ thập-hồng ; vênh râu thách lấy gà mòn,
được thế, nói mấy lời dầy đất.
Vang lừng kẻ đỏ nói chua-cham ;
Phẳng lặng làng đen ngồi đặng ngắt.
Kia xem : Bao kẻ chơi chằng ; quen nghề kiếm vật.
Gọi tên là bạc, toan những cần-khôn ;
Bưng mắt lấy tiền, biết đâu giáp ất.
Nhặt nước-ốc trò chơi vô vị : Tam-cúc, dõ-mười, dẫu-linh,
bảy-kiệu, thấy đâu là vẻ thanh-cao.
Ngang cang cua lồi ở bất tình : Sa-quay, chẵn-lẻ, rồi-mỏ, ba-
que, hết thấy những tường thô-suất,
Đem mấy nghề lươn-leş so xem ;
Sao bằng thú tôm-già ăn dứt.
Tuy vậy : Vui chớ loang-toang ; chơi đừng ngoa ngoắt,
Chán thời thôi, há đến say mê ;
Thua phải trả, nào từng chi-chặt.
Thấp mà đỏ dẫu được chùng *bát-vạn* ; e tình xử-nghĩa chằng
bền dai.
Cao mà đen thời ra dạng *cửu-văn* ; nũa cuộc giao-tải thêm
bứt-rứt.
Chi bằng phải khoảng vui chơi ;
Chớ để đến điều rầy rặt.
Làng ta nay : Tính sẵn tri-năng ; học gồm văn chất.
Nghiep nho-gia sách vở thuộc lâu ;
Nghề tài-tử văn chương trong vắt.
Độ phỗng sáu đồng dương-thọ ; thủ-đàm (1) nguyên những kẻ
thực-thà.
Chùng chơi vài trống đào-tình ; (2) diện hậu (3) sẵn mấy thằng
nhỏ-nhoắt.
Gọi là mượn thú mua vui. Há lấy tụ-tam làm ý tất.

(1) Là cách đánh tổ-tôm cầm tay để bàn truyện với nhau.

(2) Là thỏa lòng vui thú.

(3) Là hầu trước mặt.

IV. — Lắm mỗi tối năm không phú (*thuận áp*)

(*Hạn văn*: Ông tơ độc làm chi)

Lênh đên lá thắm ; bồi rồi chỉ hồng.
Chấn chung nửa mảnh ; tơ vẫn trăm vòng.
Bức bối đương cơn nắng hạ ;
Lạnh-lùng thay thửa đêm đông.
Ngày liú-lo thước gọi vườn-đào ; tung bùng sứ điệp.
Tối khắc-khoái cuộc kêu dậm liêu ; âm-á tin ong.
Ấy chẳng qua : Hương lửa ba sinh ; lẽ-loi đánh tại phận.
Tóc tơ một mỗi ; chấp nối mặc tay ông.
Có một người : Má đào hơn hở ; mày liêu phát phơ
Giá thuyền-quyên chất đê nhà vàng ; phong tư dễ mấy ?
Phận bồ-liêu dịu dàng vẽ ngọc ; cách điệu cũng ưa.
Rõ ràng quốc-sắc thiên-hương ; hoa cười ngọc nói.
Rộn rã văn-nhơn, tài-tử ; mỗi đón, thư đưa.
Tin nhắn, tin bó ; tin đợi, tin chờ.
Mấy bức tờ tin-nhạn xa đưa : kia thơ Tống-Ngọc !
Một phím đàn cầu-hoàng dạo gửi : nọ ngón Trương-Như !
Thung-thẳng con én trước sân ; một hai cánh-thiếp.
Phảng-phất chim hồng trên án ; năm bảy lá thư.
Nhà xuân, huyền khuyên bảo trăm chiều : lấy ai thì lấy.
Thân bồ liêu dở dang lắm nỗi ; chưa vẫn hoàn chưa.
Nào ai hẹn ngọc thể vàng ; phòng không vò võ !
Nào kẻ nguyện non chỉ bề ; trắng bạc trơ trơ !
Buồng loan vắng-vẽ một mình ; muốn chôn bà nguyệt.
Gối phụng lẽ loi chiếc bóng ; muốn rấp ông tơ.
Bắc thang gọi chị Hằng-Nga ; hỏi xe duyên làm sao lần-thần ?
Chấp cánh tìm chàng Từ-Thức ; hỏi vì ai nên nỗi ngần-ngờ ?
Cho nên : Ngao-ngán trăm chiều ; ngồn ngang lắm lúc.
Trông bóng mà cảm với bóng ; mơ-màng giấc điệp năm canh.
Soi gương mà thẹn với gương ; bồi rồi ruột tằm chín khúc.
Muốn lấy kẻ văn-nhơn nhờ tiếng ; thời không người tri-kỷ.
mong con bạch-nhạn (1) lại khơi chùng.

(1) Là con nhạn trắng đưa tin.

Rắp đem cây cù-mộc (1) nướng mình ; chỉ e giọng Hà-dông, (2)
liệu kiếp phù-sinh là mấy chốc !

Ngấp-nghé những tuồng quân-tử ; tính trẻ còn tham.

Bâng-khuâng nào khách Tri-âm ; trắng già sao độc !

Thôi thời thôi : Dựa lưng tường bắc ; hóng gió nồm nam.

Bởi má-hồng lắm lúc gian truân : há rằng sinh lỗi.

Vì phận bạc cho nên đến nỗi ; dám trách ai làm.

Tại xấu số phải năm không thời chịu ;

Có kém ai mà ở vậy cho cam.

Thơ rằng :

Dở dang duyên phận chẳng ra gì,

Khéo khéo trời xanh độc địa chi ?

Tối đến thở-than cùng nguyệt-lũ,

Ngày thời năn-nỉ với phong-di.

Muốn treo cầu Thước chờ ngay lại,

Đề đợi chàng Ngưu tiên lối đi.

Trêu gheo hồng-nhan chi lắm tá ?

Xuân-xanh thắm-thoắt dễ qua thì.

V. — Nữ-tử hiếu sĩ từ nông phú (*Phóng vãn*)

Ngọc còn đợi giá, vàng chẳng lộn than.

Chôn cung-cắm thực là nghiêm mật ;

Sự gió trăng chi dám lan can.

Đội ơn bác mẹ sinh thành ; bề yêu-giấu lại càng trái truốt.

Nghĩ sự vợ chồng duyên kiếp ; dạ ngồn-ngang nên phải trình
bàn :

(1) Cây cù-mộc vị như vợ cả. Kinh Thi có thơ Cù-mộc là khen bà Hậu-phi ở với nàng hầu tử tế.

(2) Là giọng ghen người vợ cả, giống như con sư-tử gầm ở Hà-dông.

Tôi nay : Hồ chút phận hèn ; mừng sinh cửa cả.

Tiết xuân vừa thừa trăng tròn ;

Vườn cảnh đương thì hoa nở.

Sách có chữ : « Khuê-môn bất-xuất » ;⁽¹⁾ đường nghĩa-phương
dạy bảo dám sai lời.

Lễ ghi câu : « Túc-da vô-vi » ;⁽²⁾ việc nữ-tắc sớm khuya
đành đề dạ.

Sự duyên này dám tỏ nước non ;

Nông nổi nọ biết đâu nhận cá.

Rộn-rã mấy văn-nhơn tài-tử ; tin ong sứ điệp, chữa từng khi
trả mạn gieo đào.

Mơ-màng cân quốc-sắc thiên-hương ; gởi phụng chần loan,
còn đợi khách đưa thư ném quả.

Những ước : Vui miền Khổng, Mạnh ; đẹp phần Châu, Trần.

Duyên kết kẻ gởi Ôn, mản Đồng⁽³⁾ ;

Mỗi xe nên chỉ Tấn, tư Tần.

Đấng anh-hùng gặp khách thuyền-quyển ; mặc sức kẻ xôi
kinh nấu sử.

Người thực-nữ sánh chàng quân-tử ; cam lòng khi sửa túi
nâng khăn.

Há có phải tham bụi xẻ ngọt ;

Phó mặc ai nầy mực cầm cân.

Vả bấy nay quả-nhơn tiền-tài ; người Thạch⁽⁴⁾ nọ đã từng
đấu phú.

Nào mấy kẻ trần trung vật-sắc ; chàng Trần⁽⁵⁾ kia có lẽ
trường hàn.

Tưởng thế-sự dám so hơn thiệt ;

Ắt thiên-duyên còn đợi xoay vần.

Đường liễu duyên đưa ; cung trăng khách quyển.

Ấy vì ai tin nhận dề đưa ?

Bỗng thấy kẻ nhà nông tìm đến.

Người giắt mối, tin còn riu-rắt ; lân-la vừa lữa-lữa, quen-quen.

Kẻ đưa lời, tình tỏ vân-vi ; dan-díu khéo vui-vui then-then.

(1) Nghĩa là không ra khỏi chốn buồng the.

(2) Nghĩa là sớm tối không dám trái lễ phép.

(3) Ôn, Đồng là hai người học trò hay chữ.

(4) Là Thạch-Sùng.

(5) Là Trần-Bình.

Run rủi chi phần lại pha son ? Man mác nhẽ thuyền chưa đỗ bến.

Lễ vấn-tính phong-phong mở-mở ; mở lại phong, chữa thấu rõ nguồn cơn.

Đường thông-môi nợ-nợ duyên-duyên ; duyên hay nợ, bởi vì ai xui khiến ?

Cho nên nỗi : Hoa kia ủ mặt, liễu nợ trau mây.

Con tạo-hóa trêu người quay quắt. Mối cương-thường trách kẻ thày lay.

Rừng nho, bề thánh có thiếu chi ? mà nữ đề hồng ngâm cho chuột vọc.

Bà nguyệt, ông tơ sao lẫn mấy ? mà hoài đem bột lọc để Ngâu vấy.

Tử phận xui nên duyên kiếp ấy. Vì ai nên nỗi nước non này ? Chốn Trước-bình (1) đã thấu mấy lần ? rất riu nơi lan-thất lan-phòng, há có phải hồng-nhan bạc phận.

Cầu Ô-thước (2) khiêm chi một dải ? cách trở thừa hà-dông hà-bắc, sao chẳng cho bạch-diện (3) về tay.

Đã đành phận *mười hai bến nước*. Chẳng tham nơi năm bảy trâu cày.

Nghĩ rằng : Trái phận khôn ưa, cho duyên thế vậy.

Thề non nguyên bề hãy ghi lời ; ăn bắc năm nam chi học thói.

Duyên chàng Trịnh có phen gặp-gỡ ; đá vàng mong kết nghĩa Thục-Vân (4).

Cửa họ Tô mặc khách ra vào ; hương lửa dễ soi lòng Tiều-Muội (5).

Mặc cha mẹ định liệu dám sai lời ; nợ chú bác tiếng tăm ngao ngán nỗi.

Kẻ xui-giục tìm nơi trao truốt ; song tôi nghĩ của đời người thế, giàu thấy đâu Đình-trưởng thừa mang vàng.

Người mĩa-mai những tiếng nợ kia ; song tôi nghĩ nghiên ruộng bút cày, khó ai phụ Mãi-Thần khi gánh củi.

(1) Là bình phong vẽ con công, để thi bắn kén rề.

(2) Chim Ô-thước làm cầu trên Ngân-hà để cho Ngưu, Nữ gặp nhau.

(3) Là anh học trò mặt trắng.

(4-5) Là hai người con gái kén chồng.

Đã đành canh-cánh ở bên lòng ; há có dửng-dung mà không nói .

Vậy phải : Niềm riêng giải tỏ, lòng thực kể tường.

Sự dầy dầy găm xem nhường đức ; việc phải chẳng lấy đây làm gương.

Giàu thú què, chơn lăm tay bùn ; duyên chẳng đẹp dễ ép dầu, ép mỡ.

Khó hàn-sĩ, tai-hiền mắt-thánh ; phận đã ưa chẳng cân nghĩa, cân vàng.

Chốn đất bằng một tiếng sấm vang ; cửa Mông-Chính ngựa xe dửng-đình.

Trong cửa Vũ ba từng cá nhảy ; nhà Lưu-Bình vông đá nghênh ngang.

Thế mới biết nông nhì mà sĩ nhứt ; gặp thời ra cửa có lại quan sang.

VI. — Gái nhớ thi phú

(Phóng vận)

Nửa đêm thức giấc dậy, mà tiếc cho con người ta rằng :

Trăng tà xế bóng, nước giọt thấm canh.

Ngần ngơ nhè ! Dây tình cắt-cửa. Buồn tênh thay ! Cái số lênh-đênh.

Đêm thanh-nhàn, tựa gối găm lòng son ; tuyết ủ, sương che ngao-ngán phận !

Ngày vắng vẻ, ngắm gương soi má phấn ; mai gầy, liễu yếu thở than tình !

Nhớ xưa : Răng nhưng nhức đen, tóc rả rả chảy.

Khăn lượt chảy, rẽ dầu ngội trắng xóa ; xinh gớm ! xinh ghê !

Yếm lương tầu, in trước ngực đỏ loè ; lịch sao ! lịch vậy !

Cửa cấm hồng đưa tia đạo ; quần chơn, áo chít mĩa-mai chiều.

Lầu hồng phấn đánh gương soi ; lược giắt, trâm cài trao trượt mãi.

Áo the trắng, dây lưng điều bay bướm ; dịu-dàng thay nên giá hồng-nhan.

Bộ nhẫn vàng, hoa tai bạc bảnh bao ; đằm thắm nhẽ ra chiều thanh-quí.

Chẳng ngọc ngà nhưng cũng gái thanh tân ; bạn đào-ly há không phùng cát-sĩ ?

Những mong : Nhân duyên đáng phận, tài sắc cho cân.

Tiết xuân vừa độ, vườn hạnh gặp tuần.

Xôn-xao mùi huệ bén mùi lan ; phải lứa đôi, cũng là duyên Tần, Tấn.

Riu-rạt tiếng cầm chen tiếng sắt ; vẹn ái ân, cho đẹp phận Châu, Trần.

Tốt duyên ra may vớ được anh-hùng ; cũng thỏa lúc che màn rủ trướng.

Xấu phận nỡ gặp phải chàng hàn-sĩ ; cũng đành khi sửa túi nâng khăn.

Ai ngờ rằng : Mặt liễu ủ-ê, mây hoa ái ngại.

Bởi vì ai ngăn cấm đường duyên ? Cho nên nổi dờ dang phận gái.

Buồn bã nhẽ ! Trăng thâu bóng lọt ; đêm năm canh, sáu khắc những mơ-màng !

Rầu rĩ thay ! Nhị rữa hoa tàn ; xuân một khắc, nghìn vàng khôn đổi lại,

Trách ông nguyệt thực là bất-trị ! sao cấm dây mà giữ mãi khăng-khăng ?

Giận chị Hằng đáo đẽ vô-chừng ! không chấp mối đẽ làm chi mãi-mãi ?

Kìa bắc-ly ngựa xe sum họp ; mối tình duyên, khen kẻ khéo đặt-diu.

Nọ đông-tường ong bướm xôn-xao ; đường lai vãng, rộn người đưa mối lái.

Người xui giục : Đưa kia nhà phú túc, ruộng cũng có, mà trâu bò cũng có ; song mà duyên chẳng ưa, phận chẳng đẹp, mối tơ vương khôn lẽ ép lòng nhau.

Kẻ mối manh : Thằng ấy tính chuyên cần, gánh cũng nên, mà cày cuốc cũng nên ; song những tuồng vô dạng, đưa vô duyên, bia miệng thể có đâu nên phận cải.

Tuy rằng rũi, may là phận cả ; dầu cho kén chọn khỏi trời ru ?
Kìa Phan, Trần số le đà mấy độ ; đến mười năm trăm quạt
mới sum-vây.

Nọ Kim, Kiều ghi tạc chắc mười mười ; chợt một bước lửa
hương nèn cát cứ.

Tưởng má hồng mà ngao-ngán những vì duyên ; đành phận
bạc chỉ phàn nàn về cái số.

Không có lẽ đưa vào nơi thảo-dã ; vàng lẫn thau, chỉ lụy chú
nông-phu.

Phỏng bây giờ đưa đến cửa công-hầu ; kim khắc mộc, lại e
người đổ-phụ. (1)

Trời đất nhỏ ! Trăm năm đà mấy chốc ; nông nổi bởi vì đâu ?
Chị em ơi ! Hai mươi mấy tuổi rồi ; tình duyên ai có thấu ?
Những nghi tài tình trong làng nước ; ngờ đâu lúng túng mấy
năm chầy.

Nhân khi chè chén đủ anh em ; vậy cũng thở than vài vận phú.

VII. — Mẹ ơi ! con muốn lấy chồng phú

Hạn vận : « Gái tơ mà đã ngựa nghề sớm sao ? »

Trình mẹ có hay, nghi con không dại.

Phải kén tám chồng, mới yên phận gái.

Đẹp lòng kia gặp gỡ là nên ; thuận ý nọ lứa đôi cũng phải.

Mẹ suy bụng mẹ : sao yên gia-thất mới đành.

Con nghi lòng con : cũng muốn cơ đồ được nổi.

Tưởng con nay : Gặp khi sen ngó, đương thừa đào tơ.

Kề bậc phong-lưu ; yếm thắm dải đào chi tha-thướt.

Cũng thì trang-diễm ; môi son má phấn chi nhớn-nhờ.

In màu bẽ-liều chi xuân ; đêm ngày gìn giữ.

Hé cửa đồng-đào chi nguyệt ; năm tháng đợi chờ.

Bởi ai chênh mảng ? nên kẻ hăng hò.

Tin én đưa thoi ; thấp thoáng bóng câu chi ruồi.

Khúc hoàng lợt tiếng ; bâng khuâng hồn bướm chi mơ.

(1) Là người vợ cả ghen.

Chín e điều voi-cái (1) chi cười ; thiết công mà đại.
Nhưng gìn tiếng chó-con chi trách ; thấy của liền vợ.
Thừa con nghĩ thế, xin mẹ nghe ra
Cùng đôi chúng bạn, cùng một lứa chà.
Người sao có đã ? mình vẫn không mà ?
Chắc thanh-tĩnh, tu đã nên phật ; dầu chính-chuyên, thác cũng
ra ma.
Sao kia còn có bà Ngâu ; sông Ngân đợi bắc cầu qua bến.
Trăng nọ vẫn nuôi chú Cuội ; cánh mây khép kín cửa trong
nhà.
Xem vật-loại cũng ở khuôn trời đất ; găm truyện-đời mà để
ngắm người ta
Có hơi biết mùi đời chi hương phấn. Lại càng nồng sắc nước
chi nguyệt hoa
Mừng thủa gặp thì ; tơ liễu chi chùng đôi-tám.
Sợ khi quá lứa ; quả mai chi rụng bảy-ba.
Dầu hèn, dầu sang ; may có kẻ yêu chi phận gái.
Ép dầu, ép mỡ ; xưa kia ai cấm chi duyên bà ?
Xin mẹ bằng lòng, cho con mừng dạ.
Muốn cho gái hiền, lấy được rê khá.
Nhưng mong là sữa túi nâng khăn. Nào thấy có gieo cầu
ném quả
Trách ông Tơ độc địa làm chi ? Uầy bà Nguyệt trêu người
lắm tá !
Hẹn mười hẹn chín ; mấy mặt thấy đâu. Ngày một ngày hai ;
nhưng lòng rắp đã.
Nhớ sông Hán, rong chơi hợp mặt ; ngắm xem bạn gái, vẻ
vang chi rông đã có mây
Trông bến Tần, vui thú giang tay ; trông thấy chị em, sức
nức chi làn đường bến xạ.
Nghĩ ăn chẳng ngon, nằm chẳng ngủ ; đêm những ngắm-ngủ !
Nên lược biếng chải, gương biếng soi ; ngày càng buồn-bã !
Lòng bác mẹ mong, trăng tròn hoa nở ; nỗi u-tình biết tỏ với
ai hay ?

(1) Lòng như voi cái sỏ tâu.

Tình chị em yêu, áo xẻ com nhường ; của vưu-vật (1) có lẽ
đâu người đỡ ?

Ngao-ngán nổi ! long-đanh chi phản ; xót buộc tay, dám ngỏ
người coi.

Sung-sướng thay ! đầy thóc chi bồ ; biết no bụng, nào thương
kẻ lỡ.

Nên con muốn : Bằng chị, bằng em, có đôi, có lứa.

Lẽ chịu đâu ở má chi mèo-lãnh ; tính cũng muốn húc rào chi
dê-sữa.

Chớ ẻo-ọẹ bà già chi lên mặt ; những là kén cá chọn canh.

Đề dở-dang con trẻ chi ngang lòng ; thôi lại già lừa hóa ngựa.

Không trách kẻ nướng-dâu chi đứng ; nghĩ như kẻ ấy lại thêm
buồn !

Cũng thấy ai búi-giữa chi ngồi ; có bạn ai đâu mà lại *ngừa* ?
Mẹ chớ nghe mưòi voi không bát sáo ; chờ lúc gói quì tay
lượm, lâu ngày tính khó chịu sao !

Con đại nghĩ trăm lộn cũng một lòng ; e khi lửa bén rơm gần,
một giờ dễ hay giữ chữa ?

Văn biết : Giai khôn trăm nết, gái đại bảy nghề.

Xuân tâm chột động, xuân sự chữa hề.

Văn gói phụng chần loan chi chờ đợi ; nào tin ong sứ điệp
chi đi về.

Đã hay đưa mạn trả đào ; có sao kẻ dài-môi chi giề bâu ?

Dẫu có nụ cà hoa mướp ; khéo những người trơ-miệng chi
gớm ghê !

Thôi mẹ đừng cấm chợ ngăn sông ; sá quản người đời chi
mai-mĩa.

Đề con liệu nhờ sào qua bến ; tha hồ miệng thể chi cười chê.

Phương chi : Trời đã định người có thì ; mẹ cũng mong con
được sớm.

Hễ lấy đừng chê, chê đừng lấy ; khỏi mang già kén chi cười.

Sao nên chẳng gặp, gặp chẳng nên ; lại phải miệng đời chi
tỏm.

(1) Là của quì, người đẹp giai.

Đã lắm lúc bực mình chi trê-đẻ ; vì đường kinh-kỷ lại khuy.
Cũng nhiều phen sạn mặt chi đá-trơ ; không lẽ quyền-nghi
chút tạm.

Phỏng như trước tơ-tơ chi con gái ; thoảng trông, người cũng
đã yêu.

Ngộ theo sau xông-xộc chi cái già ; nhác thấy, ai là chẳng
gớm.

Thôi thì đẹp duyên thì lấy ; nào hay đời chác chi cỏ rau.

Hắn là phải kiếp là theo ; sá quản tâm thường chi tâm cảm.

Vậy có thơ rằng :

*Nhân duyên trời chữa định nơi nào,
Nông nổi con nay, mẹ tính sao ?
Con muốn sớm chồng, con lại sớm,
Kẻ người lấy hết chồng mồng gào !*

Mẹ già nghe nói, khuyên con ngọt ngào :

Hễ nhà con gái, lắm kẻ ra vào.

Biết đâu là duyên ư lá thắm ; để mong cho phận đẹp má
đào.

Vội chi mà vội, bao giờ thì bao.

Cũng mặc ai chỉ Tấn tơ Tần ; cứ giữ mình vàng giá ngọc.

Cho đáng kẻ chồng loan vợ phụng ; lọ là chào khách bán rao.

Há lo đâu có-ế chi chồng ; giỡn muộn càng nhiều quả chắc.

Cũng nên nghĩ đương xuân chi gái ; ngọc lạnh phải đợi giá cao.

VIII. — Giới đồ-bác phú (Độc vận)

Gớm thay cờ bạc ! Gớm thay cờ bạc !

Chả ớt mà cay, như chuối mà chát.

Bỏ bả nhau bằng quân bài ; đánh cạm nhau bằng đĩa bát.

Có không, không có, như truyện chiêm bao ; khôn đại, đại
khôn, theo nhau mấy nhất.

No cơm nhân lúc rồi nghề ; quảng mở bày trò đồ bác :

Một trăm hai mươi quân chẵn chẵn ; ba hàng ngang-dọc đảo-
điên.

Bốn đồng mười sáu chữ rành-rành ; hai mặt âm-dương xô-xát.
Trước chơi sau thật ; mon men dần nên truyện ăn thua.

Vào nhỏ ra to ; cay cú mãi ra lòng bạc-ác.

Được lúc hòn son giặt khô, ù thông thập-hồng bạch-dịnh ; chờ
độc lên chi nầy dùng dùng.

Đương khi đầu rắn giặt lưng, nhớ rành cặp-lệch ba-bay ; theo
lối trúng khuôn rền tran trát.

Trước mặt vợ đồng tiền sù sụ ; lưng điều mặc sức ba-hoa.

Trong lưng găm túi bạc lè lè ; béo mỡ tha hồ phân phát.

Của ngon vật lạ, đem đến như mưa. Bạc vụn tiền rời, tung
hè ngõ rác.

Những chú cao-lâu lê-la giề đến ; xúm quanh mời công-đạo
bi-bô.

Các cô hàng-sáo vi-véo rủ về ; tán mảnh ga nhưn-tinh kia khác.
Chắc hẳn dỡ nhà về thôi ; trông lăm-lăm những bụng ăn
người.

Biết đâu hết đụn đi xin ; chơi mãi-mãi có khi bỏ xác.

Đến lúc họa-lai thần-ám ; bài xoay quanh bỏ chực, bỏ ù.

Phải khi vận-bĩ quỷ-trêu ; bạc đánh đuổi càng thua càng khát.

Xóa ván này bày ván khác ; đen lại hoàn đen.

Đổi phần nợ bỏ phần kia ; nát cũng vẫn nát.

Chửa đánh xuống đã ghê những mắt ; ngực thì-thùm như
trống đồ hồi.

Mong gỡ ra lại buộc thêm vào ; mặt hăm-hở như đồ phải tát.

Quá tay nên nổi nợ-nần ; nóng mắt tìm đường gỡ-gạc.

Vay cào, vay cầu, lãi mấy cũng ừ ; dặt non, dặt già, của ai
cũng choạc.

Búi tóc chặt, gặt chày gặt cối ; tát cũng dành, dầu đem giam-
trói cũng dành

Tơ mặt dày, đeo mẹt đeo mo ; rửa càng mát, dầu bắt lột-dĩa
càng mát.

Hàng-sáo gặp phải tay nanh-độc ; giở đầu-bò, võ tuột cũng
không xong.

Nặc-nô giây phải lữ côn quang ; sẵn móng-lợn, chạy bừa mà
chẳng thoát.

Khi mới phải bán cửa, bán nhà ; khi mới phải gán đồ, gán đạc.

Khi mới lui về xó nhà, khi mới chúi nằm xó gác.
Lo đến nợ bòn-chồn không ngủ ; đặt xuống năm thời lại giặt
mình.
Nghĩ đến tiền ngao-ngán quên ăn, nuốt vào cổ hình như mắc
ngạt.
Vợ con cũng mất lòng thương ; bè bạn cũng ra tình nhạt.
Mất danh mất diện ; quá chơi mà nên kẻ lãng nhăng.
Hại thân hại đời, trót đại hóa ra người rầy-rạc.
Thế mới biết, ngồi vào đám bạc ; già cũng chẳng thương gì
trẻ, thẳng cũng chẳng nề gì ông.
Thế mới hay, lâm đến đồng tiền ; con cũng chẳng nề gì cha,
cháu cũng chẳng tha gì bác.
Cao hạ bằng dẫu, lão-nháo lão-nhào. Cốt-nhục tương-tàn,
xác-xơ, xơ-xác.
Độc đến chữ : « *Tham-tài nhi-tử* » ; kẻ máu-mê đã trót đại thì
chừa.
Nhớ đến câu : « *Lâm-cục giả-mê* » ; người tai mắt phải giữ
gìn cho rát.

IX. — Thầy đồ dạy học phủ (*Phóng vản*)

Bốn công kê giường, ba chồng cặp sách.
Cơm trắng canh ngon, giường cao chiếu sạch.
Chữ thánh phù, câu thiền tích.
Chậu thau rửa mặt, tầm vào tầm vênh ; điệu sứ long đờm,
cóc ca cóc cách.
Thần Cao-ky (1) xôi gà tùy thích ; ông đã nên ông.
Bụt Nam-sang (2) oản tẻ chẳng từ ; khách thời mặc khách.
Nguyên phủ thầy đồ già : râu ria nhẵn nhụi, mặt mũi ngông
nghênh.
Văn pha nguyên mặc, sách học quan-hành.
Chạy gạo chạy tiền, thất diên bát đảo ; làm gà làm vịt, tứ
đốm tam khoan.

(1) Thành-hoàng làng Cao-ky được một cách riêng, dầu gặp ngày
cấm sát sinh, cũng được mổ thịt để tế.

(2) Huyện Nam-sang ít cấy lúa nếp, phải cúng bụt bằng oản tẻ.

Số Tử-vi Tuần Tiệt đứng đầu; qua vòng vận hạn.

Đất văn học thần-đồng phụ nhĩ; mới bước công danh.

Nhiên nhi: (1) Bụng lính tính quan, khôn nhà đại chợ,
Chơi đã hoang toàng, nét hay sòm sỡ.

Một tháng lương non, cầm gan thóc nợ.

Vách ông Không còn hòm khoa-đầu (2); mở một vài con.

Ngõ thầy Nhan treo túi đan-bầu (3); bảo năm ba đứa.

Nón sơn úp bụng, đi liều đi liều; bút thủy gài tai, sừng chưa
sừng chữa?

Nghĩ sênh nhà ra thất nghiệp; cũng bật nên cười.

E ngồi mát ăn bát đầy, có nuôi không hử?

Bằng tôi nhà chủ, xin rước thầy ngồi.

Giàu nước đoạn, rượu chè rồi.

Bàn tiền đồn, tính cơm nuôi.

Chủ rằng: Đạo thánh là đạo rộng; *sư rằng*: Tùy ông
còn tùy tôi.

Mặt chữ *diên* vác hấn lên trên; nét đầu có nét!

Chiếu hàm trượng (4) tót ngay vào giữa; ngôi đã nên ngôi!

Mỹ hi tai (5)! Ông đồ ông lễ, học trò học choét.

Nghịch bằng ma, đòn như choét.

Bộ sử đầu, pho Dương-tiết.

Hỏi mẹo lục-kỳ, (6) ra bài tam-kiệt. (7)

Chữ tứ-thể nặn thừa bốn lỗi; nét cứng như danh.

Sách thập-khoa nhớ đủ mười bài; văn giờ những thép.

Mô tê răng rứa, già giả chi hồ.

Hoặc cầm roi nhi quát tháo; hoặc xem sách nhi gặt gù.

(1) Là nhưng mà.

(2) Là lối chữ cổ viết như con nòng-nóc.

(3) Đan là dá cơm, bầu là bầu nước, là cảnh ông Nhan-tử nghèo.

(4) Chiếu thầy ngồi cách học trò một trượng.

(5) Nghĩa là: Tốt vậy thay!

(6) Là sáu kỳ kế của Trần-Binh.

(7) Là Lương, Tin, Hà, ba người nhân-kiệt nhà Hán.

Sứ tiên-ban, sứ tiên cung (1) ; bắt khoan bắt nhật
Tiền riệc tặc, hậu riệc tặc (2) ; tiếng nhỏ tiếng to.
Thầy dốt canh khôn, ngay quay ra cóc ; tiền tây rượu cần,
hiền quá hóa ngu.

Nước chè tàu tuôn một vai hơi ; mặt cán tàn chi hương.

Thuốc lá tỉnh hút năm ba điếu ; đầu tán tọng chi rù.

Nhĩ-kỳ : (3) Xem chữ xem văn, chăm bài chăm đối.

Lên mặt thầy, sồ những bầm bầu ; bưng mắt chủ, khuyên
như lời tói.

Hạ bút xuống tô tở diêm diêm ; mực chát đen xì.

Giở bài ra đọc đọc ngâm ngâm ; son hòa đỏ trói.

Gạo nguyệt-đồn lại nài nhứt-đệ ; (4) bàn mỏng bàn dày.

Tiền hương-khoa chực bỏ đồng-môn ; thu chầy thu cối.

Đánh trống đi qua cửa sấm ; đem chuông sang dấm nước
người.

Cặt như con khỉ, lười tựa đười ươi.

Rượu túy cung-thang ; chắc ba hoa chi miệng.

Văn gàn bát-sách ; rung chữ ngũ chi dùi.

Xin rước thánh-nhơn về (5) ; đem kinh truyện ngó vai thiên
sách cô.

Ước gì nhà chủ bận ; hoãn tháng ngày cho rộng lúc đi chơi.

(1) Tục truyền : Xưa có ông Trạng dốt, chỉ thuộc tiếng nói lái.
sang sứ Tàu, vua Tàu bắt vào dạy hoàng-thái-tử. Ông trạng trông
thấy có bàn thờ cúng tiên-sứ, bày đồ binh-hương, binh-hoa, và bức
tranh cô tiên thời sáo; mới ra câu văn : « Hương-binh, hòa-binh, sứ
tiên ban, sứ tiên cung chi sáo thổi, kỳ cổ hà rư ? »

Thái-tử không làm được, trạng đánh mãi thái-tử, vua Tàu tưởng
là trạng giỏi, ra văn khó, không biết đó là tiếng nói lái, phải cho
trạng về. Đây là chế thầy đồ cũng dốt như vậy.

(2) Cổ văn có bài : Tiền xích-bích phú, hậu xích-bích phú, thầy đồ
dốt đọc nhầm chữ xích (赤) ra chữ riệc (亦) chữ phú (賦) ra
chữ tặc (賊).

(3) Nghĩa là ấy đó, là hai chữ lẽ lồi tiếp sang văn phú khác, dễ dẫn
xuống những việc ở dưới.

(4) Gạo cung lương tháng, thầy lại đòi nuôi thêm một anh học trò
nữa.

(5) Là cho học trò về, rồi thầy nằm nghỉ.

Giỡ nhi : (1) Khăn chít đầu riu, quần xoay lá toạ.

Vuốt bụng nấp mèo, nhe răng nói quạ.

Cổ cò ngóng gái, phụng thỉnh như lai ; tay vẹt vẽ bùa, phó lộ
thieu hóa.

Cầm quyền sách ngủ gà ngủ vẹt ; đầu canh hai đã chực đi nấp.

Bước ra ngoài mắt trước mắt sau ; cổ bàn nhứt toan ngồi
đánh cá.

Cũng có lúc : Việc làng việc họ, về cửa về nhà.

Bàn đang đấm (2) tính phù chà.

Sư kéo-cò thêm năm tiền nữa ; chủ kỳ-kèo đưa mấy
đồng ra.

Ruột tượng thất lừng, nguyên đồ rận dơi ; khăn tay giặt rón,
dặt giống cạu già.

Vợ con mừng thầy cháu đã về ; đầu nhà quét hết.

Cha mẹ ước con ta hầu tới ; trước mặt nhện sa.

Cực nổi người mặt nước chơn mây ; miệng canh chềnh
choảng.

Kể truyện chủ đầu cua tai ếch ; chén rượu kê cà.

X. — Gào chống phú

(Phóng vản)

Đi nho trưởng gấm, cô ả phòng the.

Bến liễu thuyền tình, cầm sào đợi nước ; lầu hồng mỗi chỉ,
kén khách trao tơ.

Đương lúc đào non ; dứng-dĩnh hoa chưa nở vội.

Tới khi mai rụng ; kêu ca xuân đã qua đi.

Há phải hồng-nhan bạc-phận ; vậy nên thân gái nhờ thì.

Kêu rằng : Trời cao mấy trượng ? Bề rộng mấy trùng ?

Cùng thì má phấn, cùng bạn lưng ong.

Người sao đã có ? Tôi vẫn còn không ?

Chống gối lên, năm gặt bảy hò ; ghen ghét nhau chi nguyệt-lão ?

(1) Nghĩa là đã mà.

(2) Là tiền gánh hòm, gánh tử.

Cúi mặt xuống, trăm than nghìn thở ; phũ-phàng chi mấy hóa-công ?

Hỡi ôi ! Cái phận long-đong, mỗi duyên bởi rồi.

Năm canh luống ngẩn-ngơ lòng ; chín khúc càng ngao-ngán nỗi,

Cũng biết cây cao nường bóng ; chẳng qua muôn sự tại trời.
Là hưng mà mặng mọc có thì ; quá mất một thì cũng tội.

Luống những : Thu cuối sang đông, xuân qua lại hạ.

Dịp phách oanh quen, cung đàn dễ lạ.

Trông lúc đèn khêu ngọn hạnh ; đặt-dìu canh cử, khuây nỗi nhớ-nhung;

Những khi trắng dãi màu hoa ; xấp-xỉ bướm ong, xui lòng buồn-bã.

Chẳng tu mà tỉnh, chẳng cuội mà nhàn.

Trách chị em chung không đợi ; hiềm bác mẹ chung vụng toan.

Trăng khuyết lại tròn ; má hồng nở tròn chẳng hay khuyết ?

Hoa tàn lại nở ; xuân xanh kia nở nữa hay tàn ?

Cũng mong : Ngòi Ngự đề thơ, bến Hà đua tiếng.

Khởi điều nước chảy qua sân ; may được mưa sa xuống giếng.

Hội mừng rồng dấy ; sum-vầy gói ấp chi dầu tay.

Ai mượn trâu cày ; nin-bật chị em chi môi miệng

Chẳng ngờ : Chị ả nhớ thì, gặp anh nho sắc.

Màn mây cửa gió, bốn bề là nhà ; kinh thánh truyện hiền, năm mây chữa bước.

Nghìn dặm xui nên gặp gỡ ; hương duyên đun với lửa tình.

Trăm năm tính cuộc vuông tròn ; trăm nghĩa sánh cùng quạt ước.

Đàn cầm-sắt lựa dây hòa-hợp ; chỉ hồng lá thắm, đôi lứa duyên ưa.

Đám công danh giặt giải khỏi-nguyên ; bia đá bằng vàng, nghìn năm ghi tạc.

Trông bấy giờ sương kiếp thên-thên ; bõ bấy lâu miệng gào san-sát.

XI. — Xem cờ để mãnh phú

(Hạn vãn : « đề ra, mãnh ơi ! »)

Xưa có cô con gái tên là Huệ, phải lòng thầy đồ, thường khi sang chơi trường học ; một ngày kia, cô Huệ sang chơi, thầy đồ đi vắng, thấy lũ học trò đang đánh cờ, cô ta ngồi lại ngó chơi, vô ý.... Tới khi thầy về, học trò đọc sách, cứ khúc khích cười ; thầy giận, toan đem đánh tuốt cả học trò. Sau có tên học trò nhỏ nói, thực đầu đuôi là vì cô Huệ, thầy mới tha cho, mà làm bài phú này, cũng là một lối phú cô-thể, cứ nói tự sự.

Tiên-sanh đường bệ, đa-sĩ tề-tề (1)

Nhi khúc-khúc nhiên, nhi khích-khích nhiên, nhứt nhược phó
(2) tiên-sanh chi quách kê.

Tiên-sanh giận lắm, hỏi rằng : Làm sao ? Đệ-tử đứng lên,
thưa thầy con kê : Cái Huệ nó đề...!

Nhân ngày hôm qua, thầy đi vắng nhà.

Đương mùa hè chi vô sự ; viên (3) bán cờ bẻ giờ ra.

Bất ý : Chị ta, ngồi lê, ngồi la.

Bèn giương mép rái, bèn cứng mào gà.

Người chẳng ra người, ma chẳng ra ma.

Nhi bành bạnh ra ! nhi chành chạnh ra ! Ưc ông mãnh ra ?

(4) Ưc ông kệnh ra ? Ưc hồ mang chi cô bạnh ra ?

Toại sử (5) : Trương muốn thượng lên, pháo tranh nước cạnh.

Tốt hữu ý ư nhập cung ; sĩ manh tình ư nhứt ghềnh.

Thế mà không cười, có họa ông thánh !

Tiên-sanh nghe rồi, nãi mĩm kỳ môi.

Nãi võ kỳ đuôi, nãi quăng kỳ roi.

Thán tức ngôn viết (6) : ối trời ơi ! ối đất ơi ! Chết nỗi, hôm
qua thế mà không có tôi !

(1) Tề-tề nghĩa là nhiều học trò.

(2) Nghĩa là hình như mặc kệ thầy.

(3) Viên nghĩa là bèn.

(4) Ưc nghĩa là hay là ; ra nghĩa là vậy rư, là lời còn hồ nghi.

(5) Nghĩa là bèn khiễn.

(6) Là than thở nói rằng.

LỖI PHỮ SỞ-TỪ

Lỗi này thường đặt câu song-quan độ sáu bảy chữ, mà cuối câu thường đệm chữ (*hề*), là tiếng chợ-ngữ nghĩa là vậy, sẽ xem như sau này.

XII. — Thấy đồ phũ

(Độc vận)

Ê (1) thầy đồ chi hữu tác *hề*,
Khương (2) chữ tốt nhi văn hay.
Truyện Thúy-kiều kỳ đọc ngược *hề*,
Kinh Tam-tự kỳ viết ngay.
Thi nhơn-chính (3) ư khuyên điềm *hề*,
Chấn thiên-uy (4) ư roi mây.
Dữ Lê-sanh nhi bất nhược *hề*, (5)
Tỉ Tổng Lý nhi nan tây (6).
Phương (7) nhà-chủ chi cung dương *hề*,
Toại (8) ngắt ngưỡng nhi vi thầy.
Cập (9) nhà-chủ chi bất cung dương *hề*,
Rồi ông xem phũ (10) chúng bay !

(1) Ê nghĩa là kia, là tiếng chợ-ngữ ; nghĩa câu này là : Kia thầy đồ chúng có dậy lên vậy.

(2) Là chữ chợ-ngữ, nghĩa cũng như tiếng thực.

(3) Khi thầy chấm bài khuyên điềm, là thầy thi hành chính sự nhơn đức cho học trò.

(4) Khi thầy đập đánh roi vọt là thầy phẫn chấn thiên uy.

(5) Dữ nghĩa là cùng ; bất nhược nghĩa là không bằng ; là không bằng anh Lê-sanh.

(6) Tỉ nghĩa là ví ; nan nghĩa là khó, là khó ví tày Tổng Lý.

(7) Phương nghĩa là đương lúc.

(8) Toại nghĩa là bèn, như là tiếng tức thì.

(9) Cập nghĩa là kịp như là tiếng tới khi.

(10) Phũ là chữ khiến-tự đề nối liền câu, nghĩa là chúng ; cũng như chữ (*chi*) chữ (*ư*).

III — LỐI VĂN TINH-NGHĨA

Đại-ý

Tinh-nghĩa là lấy một hai câu trong sách kinh, truyện ra làm đầu đề, mà thích nghĩa ra cho tinh ; hay là nói rộng thêm ý mà giảng giải ra cho rõ nghĩa, nên mới gọi là *tinh-nghĩa*, (hoặc gọi là *kinh-nghĩa*). Đầu đề là lời người nào thì lại làm giả như lời người nấy, thí dụ như : Mẹ răn con, thì làm lời mẹ ; con thưa mẹ, thì làm lời con, vân, vân.

Dàn bài

(Phá-đề, thừa-đề, khởi-giảng, khai-giảng, lạc-đề)

(Trung-cổ, hậu-cổ, kết-cổ, thúc-đề)

Trước hết phải làm hai ba câu *phá-đề* ; thứ hai tới ba bốn câu *thừa-đề* ; câu phá, câu thừa còn là lời mình nói, để giải qua nghĩa đầu đề ra mà thôi.

Thứ ba là đoạn *khởi-giảng*, đoạn này mới nói khởi mào đề giảng giải ý đầu đề ra ; cứ theo đầu bài là lời người nào, mình lại làm giả như lời người nấy, độ một đoạn ngắn là đủ.

Sau này chia làm 8 cổ đối nhau : — 2 vế *khai-giảng*, mỗi bên độ năm sáu câu, để nói khai-phác ra cho xuống ý đề. Rồi hoàn lại câu đầu đề, gọi là *lạc-đề*. — 2 vế *trung-cổ*, là đoạn thích-thực cho rõ nghĩa đầu đề. — 2 vế *hậu-cổ* là đoạn nghị luận giải nghĩa thêm ra cho rõ ý đề. Cuối cùng tới 2 vế *kết-cổ*, một câu *thúc-đề* là hết.

Trong 8 vế, thì 2 vế *trung-cổ*, 2 vế *hậu-cổ*, phải làm dài hơn 2 vế *khai-giảng*, 2 vế *kết-cổ* ; đó là lối *bát-cổ chỉnh-đối*. Còn lối *tản-hành*, *thập-tị*, cũng phải đủ chừng ấy phép tắc, duy lối đặt mỗi đoạn độ giảm bảy câu đối nhau, mà làm dài hơn.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Hiệu ĐÔNG-KINH AN-QUAN, phố hàng Bông nệm,
số 16, có bán những sách này :

TAM-QUỐC-CHÍ ĐIỂN NGHĨA cả bộ	5 \$ 00
VIỆT-LAM XUÂN-THU, mỗi quyển	0 20
Cả bộ 7 quyển	1 00
HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG, bản giấy thường	0 60
NAM-HẢI-DỊ-NHÂN LIỆT TRUYỀN của Phan-kê-Bình	0 50
HOÀNG VIỆT TÂN LUẬT, chữ Pháp, chữ quốc-ngữ chữ nho, bản thường	1 50
Đóng bìa	2 00
TIÊU-HỌC CÁCH-TRÍ của ông Trần-văn-Khánh và Phạm-văn-Hữu, in lần thứ hai	0 80
TIÊU-HỌC TOÁN-PHÁP	0 60
AU-HỌC QUỐC-NGỮ TÂN-THU, của ông Trần-văn- Thông, cả bộ	1 00
KIM-VĂN-KIEU	0 25
SƠ-HỌC QUỐC-NGỮ TẬP ĐỌC	0 15
NỮ-TỬ-TÀI	0 15
CUNG-OÁN-NGÂM-KHÚC, diễn quốc-ngữ, có dẫn điển lịch, lại có phụ thêm bài tình-ngĩa : <i>Me ơi con muốn lấy chồng !</i>	0 12
TỬ-TÀI-TỬ (Bình, Sơn, Lành, Yên), Tân-hiệp-Dur diễn ra quốc-ngữ	0 40
TRUYỆN THANH-MAI	0 20
PHAN-TRẦN TÂN SAN	0 15
TRINH-THU TÂN SAN	0 15
KHUYẾN PHỤ TỬ GIỚI CA	0 10
LƯU-BÌNH ĐƯƠNG-LỄ	0 12
NỮ TÁC, có chú dẫn điển lịch	0 10
GIẢI NHÂN DỊ MẶC, sự tích và thơ từ Xuân-Hương, mỗi quyển	0 20
ĐỒ-THÁP-NUƠNG	0 20
HỒNG-LÂU ĐỒ-KY	0 15
Tuông TÂY-NAM ĐẮC-BẰNG, của cụ quận Hoàng- Thái-xuyên soạn	0 30
— TUÔNG KỶ KHÍ XA, của cụ quận Hoàng- Thái-xuyên soạn	0 40
— ĐÔNG A SONG PHỤNG	0 15

Khi gửi mua sách, xin quý-khách theo giá tiền trên này
mà gửi tiền trước cho và phải thêm cả tiền cước gửi kỹ
(recommandé).

Còn như lối đặt câu thì tùy liệu, hoặc câu nên đặt ngắn, hoặc câu nên đặt dài, cốt phải lời lẽ cho chảy chuốt, ý tứ cho sung túc là được.

Những bài chép sau này, có bài truyền là của quan Bàng-nhỡn Lê-quí-Đôn đời nhà Lê, soạn ra, tuy không dịch sát, nhưng văn hay thì cũng nên truyền, để xem cho biết văn nôm nước mình làm theo lối nào cũng được.

TINH-NGHĨA BÁT-CỔ HIỆP THÁI

Vãng chi nữ gia, tất kính tất giới, vô vi phu-tử. ⁽¹⁾

往之女家必敬必戒無違夫子

Bài làm (Bàng-nhỡn Lê-quí-Đôn)

Phá đề — Khuyên con lấy đạo làm dâu, mẹ già nghĩ đã đến lắm vậy !

Thừa đề — *Phù* : ⁽²⁾ Con đại cái mang, nhẽ xưa nay vẫn thế ; dạy con lấy điều kính, răn, không trái nời chồng ; mẹ già nghĩ chẳng đến lắm vậy ru !

Khởi giảng — Mẹ đưa con ra, ý nghĩ rằng :

Trong phối-sát ba giường đạo cả, thực là muôn hóa chi theo ra ; mà hôn-nhân hai họ giao vui, há đề một nời chi trách đến ; mẹ đưa con ra, mẹ càng nghĩ lắm, con nhé !

Khai giảng 2 đoạn — Con, con mẹ ; mà dâu, dâu người ta vậy ; hoặc nời ăn nời nói chi dơ tuồng, tức lạnh đôn gần, dừ đến xa, ai bảo rằng con chi còn bé.

Dâu, dâu người ; mà con, con mẹ sinh ra vậy ; hoặc trong cửa trong nhà chi có truyện, tức yêu nên tốt, ghét nên xấu rồi ra trách mẹ chi không răn.

Lạc đề — Về nhà chồng, phải kính, phải răn, chớ trái nời chồng, con mẹ, nhé !

(1) Chữ Kinh Lễ, nời mẹ dặn con khi về chạ chồng, nghĩa đã rõ ở câu lạc-đề.

(2) Là chữ khiến-tự nối đoạn trên xuống đoạn dưới mà nói mở thêm nghĩa ra.

Trung-cổ 2 đoạn — Lúc ở nhà, nhờ mẹ nhờ cha ; về nhà người, nhờ chồng nhờ con, nhé ! Khôn chẳng qua nhẽ, khỏe chẳng qua nhời ; chớ bắt chước người đời xỏ-chân lỗ-mũi chi lẳng-nhẳng. Nhủ này con ! nhủ này con ! Đi đến nơi, về đến chốn, việc nhà việc cửa cho siêng-năng ; hỏi thì nói, gọi thì thưa, thờ mẹ thờ cha cho có lễ. Kính lấy đấy, răn lấy đấy ! Liệu học ăn, học nói, học gói, học mở. Khi anh nó hoặc ra xan-xát chi nhời, cũng tươi, cũng đẹp, cũng vui cười ; chớ như ai những thói nhà-ma, mà hoặc tính con-cà con-kê chi kê-lẽ.

Lúc ở nhà, là mẹ là con ; về nhà người, là dâu là con, nhé ! Khôn cho người giải, dại cho người thương ; chớ bắt chước người-thể mặc-áo qua-đầu chi khùng-khỉnh. Nghe chưa con ? Nghe chưa con ? Ăn có nơi, nằm có chốn, nhời ăn nét ở cho ra tuồng ; gọi thì dạ, bảo thì vâng ; thờ mẹ thờ cha cho phải phép. Kính vậy thay, răn vậy thay ! Chớ cậy khôn, cậy khéo, cậy duyên, cậy tài. Khi anh nó hoặc tác bưng-bưng chi sắc, thì lạy, thì van, thì lễ phép, đừng học chi những tuồng dĩ-dại, mà hoặc rút dây-mơ rẽ-má chi lôi-thôi.

Hậu-cổ 2 đoạn — *Đời có kẻ* : Xem chồng như đũa ăn đũa ở, thậm đến điều mây-tờ chi khinh. Chẳng nghĩ rằng khôn ngoan cũng thể đàn-bà, dẫu rằng vụng-dại cũng là đàn-ông ; chẳng suy chẳng nghĩ, lại ra điều cả vú lấp-miệng-em ; sao không biết xấu-chàng hồ-ai chi lý ? Mẹ khuyên con giữ đạo cương-thường, khôn hèn cũng chịu, hay dở cũng đành, chớ hoặc khoe vênh-vênh chi môi, (1) thời cái đạo làm dâu là mới phải vậy. *Chẳng thể mà* : miệng thể đong-đũa, đầu-cua tai-ếch, thời nói dai nên truyện, cha con ninh-bất (2) mang vớ-cọc chi cười.

Đời có kẻ : Giận chồng mà đánh cái đánh con, thậm đến nỗi mây-tao chi quá. Chẳng nghĩ rằng ngu-si cũng thể chồng ta, dẫu rằng khôn- khéo cũng ra chồng người ; bạ nói bạ ăn, lại ra điều múa-rìu qua-mắt-thợ ; sao chẳng biết già-dòn non-nhẽ chi cơ ? Mẹ khuyên con lấy điều hiếu thảo, roi vọt cũng chịu,

(1) Từ đây giở xuống có bản chép rút là : Khi thầy nó giận quá hóa nên càn, mẹ con ninh bất chịu bèo trôi chi tiếng.

(2) Nghĩa là sao chẳng, là phải chịu tiếng chê cười.

yêu đương cũng mừng, chớ hoặc nặng chằm-chằm chi mặt, (1) thời cái phép thờ chồng là mới phải vậy. *Chẳng thể mà* : giọng đời mai-miả, mặt-sửa gan-lim, thời giận quá hoá càn, mẹ con ninh-bất chịu bèo trôi chi tiếng.

Kết cồ — Con ơi! Nhập-gia tùy-tục, mẹ nhủ con đạo vợ chi thường ; xuất-giá tông-phu, con phải cứ nhà chồng chi phép.

Thúc đề — Con nghe chưa ?

Mẹ ơi! Con muốn lấy chồng!

Bài làm (Bảng-nhữn Lê-quí-Đôn)

Nói nhỏ tình riêng với mẹ, muốn sao muốn khéo lạ lòng thay!

Phù : Lấy chồng chi sự, ai chẳng muốn vậy ; nãi muốn nhi-chí-ư nói với mẹ, muốn sao muốn gớm muốn ghê! Gái tơ mà đã ngửa nghề sớm sao ?

Tưởng khi năn-nỉ cùng mẹ rằng :

Một âm một dương, nãi thiên-địa cồ-kim chi đạo ; nhi nên chồng nên vợ, thực thể-gian duyên-kiếp chi thường. Sa chân bước xuống côi phù-sinh, đố ai giữ được tiếng thanh trên đời. Buồn mình lại nghĩ duyên mình, này con xin kể tâm tình mẹ hay.

Con nghĩ rằng :

Thoi đưa thắm thoát, người ta như có lứa chi mặng. Phỏng hôn-giá chi gặp thì, tức chồng loan vợ phụng chi duyên, cũng quang-thái ư môn-mi (2) chi sáng rõ.

Duyên phận bèo mây, phận luống chịu long danh chi ván. Ngẫm thanh-xuân chi bất-tái, tức chớp bề mưa nguồn chi hội, (3) nãi buồn tênh ư mai-siêu (4) chi lơ-thơ.

(1) Từ đây giở xuống có bản rút là : Khi thầy nó nói dai càng thêm truyện, cha con ninh bất mang vờ cộc chi cười.

(2) Có câu : Môn mi sinh quang thái, Nghĩa là mây cửa được về vang, là khen người con gái lấy được chồng sang.

(3) Ngạn-ngữ : Đêm qua chớp bề mưa nguồn, hỏi người quân-tử có buồn hay chẳng ?

(4) Là cây mai già rụng đến năm ba quả, ví như con gái quá thi.

Sự này mẹ đã hay chưa ? Nay con luống những ngần-ngợ về chồng !

Kìa những kẻ son phai phấn nhạt, cuộc phong-trần luống đã chán chường xuân. Nay con lấy mặt hoa mày-liễu chi dung-nghi ; chính đương độ tuần rằm chi bóng nguyệt. Vì ai dễ dơ-dang phận bạc ? Dịp chưa thông ả Chúc chi cầu Ô. Khắc-khoái rờng mây, lược không muốn chải ; khát-khao cá nước, gương chẳng muốn soi : Đêm khuya tư tưởng khách thừa-long, chán phí-thúy suốt năm canh trần-trọc. Ngồi với bóng lại thở than với bóng, mẹ ơi ! Con muốn mang ông trời xuống cõi trần, hỏi xem duyên có nợ-nần chi không ?

Kìa những kẻ liễu-yếu đào-thơ, tình vân-vũ hây còn e-ấp nguyệt. Nay con lấy gác-tía lầu-hồng chi phẩm-giá ; đã ngoài vòng hai tám chi xuân xanh. Vì ai mà ngăn đón gió đông ? Lối chưa tỏ cầu Lam chi cõi ngọc. Ước-ao sứ nhận, phấn chẳng buồn tô ; mong mỗi tin hồng, đàn không muốn gảy. Ngày ngăn mơ màng duyên bói phụng, gói uyên-ương thâu sáu khắc băng-khuâng. Buồn vì thu mà ngao ngán cũng vì thu ! Mẹ ơi ! Con muốn đem một sợi chỉ đào, để cho ông nguyệt xe vào cho con.

Mẹ chẳng xem : Trên trời chim kia chi liền cánh ; dưới đất cây nọ chi liền cành ; vật-cảnh ấy còn đèo bông ân-ái. Con cũng hồ duyên bồ liễu, khóa buồng xuân ở một phòng không. Nào người tiếc lục, nọ kẻ tham hồng, biết cùng ai mà phỉ nguyên tác-hợp ? Mẹ ơi ! Có chồng kẻ đón người đưa, không chồng đi sớm về trưa mặc lòng. Bực mình lại ngán cho mình, tình cảnh ấy mẹ hay chẳng tá ?

Mẹ chẳng xem ; Miền đông-lân kẻ nọ chi nghênh-thê ; làng bắc-ly người kia chi tống-nữ ; người ta thì nao nức đông tây. Con cũng mang tiếng thuyền-quyên, đeo má phấn năm trong phận bạc. Nào kẻ trương-tri, nào người trương-thức, biết lấy ai mà kết dải đồng-tâm ? Mẹ ơi ! Dầu ngồi cửa sổ chạm rờng, chán lan đেম quế không chồng cũng hư. Tội phận mà than với phận, tâm sự này mẹ rõ cho chưa ?

Sau dầu tư đào lá thắm, sự chấp nối bởi tại trăng già ;

Song le chỉ Tấn tư Tần, việc gả bán chẳng qua lòng mẹ.

Mẹ nghĩ sao ?

IV — LỐI VĂN SÁCH

Cách ra đầu đề

Văn sách là lối vấn, đáp, đặt lời ra đề hỏi cho hết lẽ, mà đáp lại cũng phải có lý sự; hoặc hỏi sự cồ, hoặc hỏi sự kim, hoặc dẫn kinh-diễn, sử-ký ra mà hỏi. (Hỏi nôm thì dẫn lời phong-rao, ngạn-ngữ mà hỏi). Đầu bài hỏi về sự gì thì trước hết dẫn câu thành-cú trong kinh, truyện, sử; hay là câu phương-ngôn để làm *đề-án*, rồi mới dẫn sự-tích, chứng-cớ ra mà hỏi, thí dụ như hỏi sự con gái kén chồng, thì dẫn phương-ngôn:

— *Lấy chồng cho đáng tầm chồng, bỏ công trang điểm má hồng, răng đen.*

Đó là câu *đề-án*, rồi ở dưới cứ theo *đề-án* dẫn lời phong-rao, ngạn-ngữ đặt chứng cớ ra mà hỏi.

Còn như lối *văn sách đạo*, thì mỗi kinh, mỗi truyện, hỏi một vài câu, và một vài câu sử-ký, một hai câu sự hiện-thời, mục nào riêng ra mục ấy, đó là chia từng đạo một mà hỏi. Nếu hỏi nôm thì chỉ hỏi ngắn độ một vài câu, thế cũng là theo lối *văn-sách đạo*.

Lối bài làm trả lời

Trước hết làm một đoạn « *Đối sĩ văn* 對士聞 » (Thưa, sĩ nghe rằng) làm lời đàn bà thì: « Em nghe rằng » để nói kha mào đại-ý đầu đề lên trước. Làm xong đoạn *đối-sĩ-văn* rồi thì viết một câu: « *Tư thừa sách vấn nhi lược trần chi* 茲承策問而畧陳之 » (Nay vâng lời sách hỏi mà lược bày ra) đó là chốn nhập-thức, nghĩa là phải theo tràng-qui mà viết mấy chữ như vậy. Rồi tới một đoạn: « *Thiết vị* 竊謂 » (trộm nghĩ rằng) để nói giải nghĩa câu *đề-án*, và cho rõ câu *đề-án* ấy là xuất-xứ ở đâu, (Lối *văn-sách-đạo* thì chỉ làm từ đoạn (*Thiết-vị*) này trở xuống).

Làm xong đoạn (*Thiết-vị*) giải nghĩa câu *đề-án* rồi, thì chuyển tới có đầu đề hỏi, xem có hỏi thế nào, thì mình biện-lý, dẫn-chứng, giải-nghĩa, mà đối đáp lại, hoặc đảo lên đảo xuống mà nói gỡ dần dần từng cớ một; hoặc thuật

lại câu hỏi lên trước. mà giải cứ ở sau; hoặc vừa làm vừa giải cứ, phải biện bác cho có lý, lời lẽ cho danh thếp.

Còn như lối đặt câu, dàn bài, thì tùy xem đoạn nào nên phiên-đối ⁽¹⁾ thì phải đối; đoạn nào nên làm lệch thì không phải đối, thường thường những câu vào bài, trả-bài thì không phải đối.

Khi làm bài giải cứ xong hết, phải theo lẽ lối viết mấy câu: « *Sĩ giả, hạnh phùng thịnh thế, tòng sự văn trường, quản kiến như ti, vị tri thị phủ, nguyên chấp-sự kỳ trách nhi tiến chi. Sĩ cần đối. 士也, 幸逢盛世, 從事文場, 管見如斯, 未知是否, 願執事其擇而進之. 士謹對* ». Nghĩa là: Sĩ nay may gặp đời thịnh, theo học trường văn, kiến thức hẹp như vậy, chưa biết phải hay không? Xin các quan chấp-sự chọn mà tiến lên cho. Sĩ cầu thừa). Đó là chốn nhập-thức theo trường-qui phải viết như vậy; song những câu ấy tùy quan trường mỗi khoa cũng có đổi đi một vài chữ.

Đó là kể đại-lược qui-thức văn-sách như vậy; còn như lúc làm bài mà đối đáp lại, thì phải nhận đầu bài, xét sự-ý, xem trong những câu hỏi việc cổ, việc kim, lời này, lẽ nọ, hoặc phải, hoặc trái, nên khen, nên chê, duyên cớ tại làm sao, phải biện bác ra thế nào cho phải mẹo, phải lẽ mới được.

Những bài chép sau này cũng tựa theo lẽ lối văn-sách chiều Lê cùng lối văn-sách hỏi từng đạo một mà đặt ra, xem đó thì biết lối văn chương nôm nước mình, đặt theo lối nào cũng được mà cũng hay.

SÁCH VĂN HIỆP THÁI

CÂU HỎI

Vấn: *Lấy chồng nho đáng tằm chồng, bõ công trang diềm má hồng răng đen.*

Truyện rằng: « *Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh-đỗ* ».

(1) Đặt từng phiên dài đối nhau.

Kim khảo : (1) « Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm, » tăng kiến ư thiên-vạn nữ-nhi chi nghị (2) ; bất-tri hà-sở-thủ ư anh-đồ, (3) nhi quyển-luyến nhược-thị ru ? (4)

Thị vị trần chi, dĩ quan xuân-hoài tinh-tự. (5)

Bài làm trả lời (Bảng-nhơn Lê-qui-Đôn)

Em nghe rằng : Sen ngó đào tơ, may gặp hội hòu-nhân chi phải lựa ; chả chim cơm trắng, vẫn là mong giải-cầu chi tốt đời ; chọn mặt gửi vàng, dầu ý ai cũng vậy.

Nay nhân sách hỏi, mà lược bày ra :

Trộm nghĩ rằng : Ròng bay còn đợi đám mây, bản bình Tước (6) phải đợi tay anh-hùng. Lấy chúng tôi chi má đỏ hồng-hồng, răng đen nhưng nhức, chẳng những muốn cô-tú, di-nho chi dự (7) vẫn là mong chồng loan vợ phụng chi chung tình. Nếu mà cú đậu cành mai, thời công trang diềm chẳng hoài lăm ru ? Vậy nên sớm gửi tơ duyên, ai là chẳng kén chọn ngọc đá, vàng thau, chi lựa lọc ?

Nay xét phương-ngôn, chị em bạn gái nói truyện rằng : « Chẳng tham ruộng cả, ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh-đồ ».

Ý trộm nghĩ rằng : Ngọc còn đợi giá, vàng chẳng lộn thau ; cây đỗ-quyên rèm sâu, quyết chẳng nở mang làm cọc giậu. Ả Hằng-nga cung cấm, hẳn không thềm bạn với lái buôn ; cam-đường với quả quít-hôi, cũng cân nhắc ư ba đồng một, một đồng đôi chi giá.

Thử ngó coi : Ruộng sâu ao cá, chàng nông kia chi trọc-phú những khoe giàu ; song Vương-Khải Thạch-Sùng đã từng đấu-phú, rồi cũng giương mắt ếch ư của-đời người-thế chi thu. (8)

(1) Là : Nay xét.

(2) Là : Từng thấy muôn nghìn người con-gái chê anh học-trò như vậy.

(3) Là : Không biết chuộng anh đồ về nỗi gì ?

(4) Là : Mà quyển-luyến như thế ru ?

(5) Là : Thử bày tỏ ra, để xem lòng xuân tinh tự.

(6) Tước là con công. Họ Đậu có người con gái đẹp, muốn kén rể, mời vẽ con công vào bình-phong, bảo rằng ai bắn tin mắt con công thì gả cho. Sau ông Lý-Uyên bắn tin lấy được người con gái ấy. (7) Dự nghĩa là tiếng khen.

(8) Thu nghĩa là lúc.

Nghiên ruộng bút cày, anh đồ nọ chi đa-văn (1) không ngại khó; kia Mãi-Thần, Mông-Chính có lẽ tràng bán? rồi cũng bồng cánh hồng ư bĩ-cực thái lai chi hội.

Nông nhì, sī nhứt, lẽ ấy đã đành.

Vả: Chân lấm tay bùn, chàng nông nãi vũ-phu chi cực-kịch, lấy yếm-thắm dải-đào chi tha-thướt, giá thể mà mang bầu, xách lọ (2), sao cho cam hạt ngọc để Ngâu vầy.

Miệng vàng dạ gấm, anh đồ là quân-tử chi diu-dàng, lấy môi-son má-phấn chi nhõn-nhờ, giá thể mà sửa túi nâng khăn, (3) thì mới đáng cảnh ngô cho phụng đậu.

Vậy có thơ rằng:

*Dầu có bạc vàng trăm vạn lạng,
Chẳng bằng kinh sử một vài pho.*

Lại có thơ rằng:

*Giờm trời chi để tay phàm tuốt,
Búa nguyệt sao cho đũa độc mài.*

Vả: Tiếng-tăm con gái, nét-na học trò, nên em nghi duyên em nữa, em nghi tình em nữa, lại tưởng đến anh-đồ chi sự-nghiệp: Đèn xanh một ngọn, án-tuyệt ân-cần; quyền vàng mấy con, cửa huỳnh gióng-giá.

Còn trong trần-lụy, anh-đồ là vị-vũ chi giao-long, (4) may khoa thi mà kim-bảng đề-danh, tức (5) hôm nọ chi hàn-nho, mà hôm nay đã Bảng-nhơn, Thám-hoa chi dài-các; em phỏng có duyên ư lá-thắm, thời trước voi anh, sau vông thiệp, cũng thoả đời ư vông lọng chi nghênh-ngang!

Đương thừa hàn-vi, anh-đồ là tại-sơn chi hồ-báo, (6) gặp vận thái₂ mà thanh-vân đặc-lộ, tức bữa tê chi tiện-sĩ, mà bữa ni đã Thượng-thư, Đô-đốc chi phong-lưu; em phỏng như phận đẹp chỉ-hồng, thì anh quan-cả, thiệp hầu-bà, cũng sừng kiếp ư ngựa xe chi dứng-dĩnh!

(1) Có chữ: « Đa văn vi phú » nghĩa là học được nhiều chữ là giàu.

(2) Có bản là: Quảng chiêng ném trống.

(3) Có bản là: Kết tóc xe tơ.

(4) Là ví như con giao-long chưa gặp mưa.

(5) Cũng như tiếng tức thì.

(6) Là ví như con hồ báo còn ở núi.

Huống chi : Kinh-sử lâu thông, anh-đồ chi tài-học, đã sẵn tay kinh-tế ; tuy có dài lưng tổn vải, bấy giờ đã đai-vàng áo-gấm chi bánh-bao.

Tài-năng rất mực, anh-đồ chi duyên-phận, gặp được lúc long-vân ; tuy có ăn no lại nằm, bấy giờ đã cơm-chúa vông-đào chi chềnh-chện.

Gương trời vằng-vặc, sáng soi nhà-vàng gác-tía chi linh-lung.

Lộc nước miên-miên, súc tích gấm-cuốn, vàng-cân chi ban-cấp.

Như thế thi : Chồng quan sang, vợ hầu đẹp, ai chẳng khen nhưt-thế chi thần-tiên ; danh-phận cả, bổng-lộc nhiều, thế mới thoả tam-sinh chi hương-hỏa. Khởi-vô-sở-thủ ư anh-đồ tai ? (1)

Vậy nên : Yếm trắng nước hồ, vã đi vã lại, (2) chỉ mong anh nho-sĩ chi yêu-dương. Miệng ổng, lưỡi én, uốn ngược uốn xuôi, cũng mặc giọng thế-gian chi mai-mĩa.

Em nay : Tuổi mới trăng tròn, tiết vừa hoa nở, vâng lời sách hỏi, giải hết niềm đơn,

Em cần thưa.

CÂU HỎI

Vấn : « Có chồng thương kẻ nãm không một mình, » ngạn hữu thi-ngôn giã. (3)

Nãi : (4) Ắ Mạn, ắ Đào chi đún-dởn, ông rung gối hĩ (5) ; bà hà-dĩ-hữu (6) trừng mắt chi nom ?

Di Lan, di Huệ chi nhớn-nhơ, ông gạt đầu hĩ ; bà hà-dĩ-hữu ngửa-mồm chi nói ? Tắc-sở-vị ; (Thương) giã, (7) ư-hà kiến đắc ? (8)

(1) Há không chuộng được anh đồ về nổi gì hay sao? Đó là câu nói trả lời lại đầu đề.

(2) Ngạn-ngữ : Yếm trắng mà vã nước hồ, vã đi, vã lại anh đồ yêu dương.

(3) Là ngạn-ngữ có nhời nói ấy vậy.

(4) Nghĩa là hèn, là chữ xuống câu nói bề lại, cũng như tiếng thế mà.

(5) Là vậy, là chữ đậu cuối câu.

(6) Là : sao lại có.

(7) Là : thời bảo rằng thương ấy.

(8) Là : nào thấy đâu nào ?

Bài làm trả lời (*Thất danh*)

Thiệt vị : Phận mình mản thăm gối đôi, mình vui lại tế cho người nảm không.

Tượng : (1) Gái có chồng như rồng có mây, gái không chồng như cối xoay không nông ; nào những lúc đèn khuya giông bóng, thôi tình kia thời nông-nỗi nọ, tấm lòng riêng biết ngỏ cùng ai ; chẳng thà tàu chuối đủ đôi, còn hơn chiếu miến lẻ loi một phòng ; có chồng thương kẻ không chồng, tin cũng như « thóc bồ thương kẻ ăn đong » vậy.

Nhờn ngạn ấy, đàn bà ai chẳng biết, có lẽ rằng miệng ca tay đàn lỗi, chẳng hay sao ?

Bi : (2) Ả Mạn, ả Đào, tuổi chừng đôi tám, cũng phận gái mà trao tơ chưa phải lứa, nghi cũng buồn thay ! Một mai chi đún-kón ra vào ; ông ư, bà lại lòng nào chẳng ư ? *Song nghĩ rằng* : Có giận ta mới sai tới nó, có hờn ta mới ngó tới ai ; vậy nên liếc ngược liếc xuôi, cố tình chọc tức ; rồi kệ nó chi đục-hà đục-hi ; muốn rung gối cho tròn chân mỗi gối ; mà chữa chồng dia, cũng được chung chăn-êm gối-ấm chi vui. Chửu bản (3) khi cười trắng cợt gió, ngánh mặt làm thình ; nhưng hãy xem tròng-mắt chi nom, đã biết rằng vì xót mượn thương vay, mà chẳng nở sắp mặt bước qua vậy.

Đì Lan, đì Huệ, tuổi chạc hai mươi, cũng đời người mà nhờ dịp chữa đáng nơi, nghi đà ngán ngẫm ! Một sớm chi nhớn-nhờ chải-chuốt ; ông thuận, bà lại há rằng chẳng thuận ? *Song nghĩ rằng* : Chiều chồng, chồng cũng chiều ta ; giận chồng, chồng cũng ở ra hai lòng ; vậy nên tiếng chi tiếng bác, rước lấy giận hờn ; rồi kệ ai chi tha-thích tha-hò ; đã gặt đầu cho cúi-cồ mỗi đầu ; mà chữa chồng ấy, cũng được khỏi gối-chiếc chăn-đơn chi lạnh. Chửu bản khi dúi nguyệt trên hoa, bung tai giả ngủ ; nhưng hãy xem ngựa-mồm chi nói, đã biết rằng vì yêu-chung thương-lấn, mà chịu tiếng bêu môi chọc tức vậy.

(1) Cũng như tiếng bởi vì. Bởi nghĩa chữ « cái 蓋 » mà dịch ra.

(2) Nghĩa là kia như.

(3) Là chưa kể chi những việc đó.

CÂU HỎI

Đánh trống nhi ong dốt ; ngủ mẹ nhi chuột tha ; kỳ cố hà rư ?⁽¹⁾ (Bài này ra ngắn làm theo lối tiểu-đoạn hai vế đối nhau)

Bài làm trả lời

Mông một ngày rằm, đương cơn nhầy nhót, bà cốt dựa bóng đức châu. Nhứt²⁾ dịp trống chi rục-kỳ-rùng, nguyên-dĩ⁽³⁾ xui anh bầu, anh vẽ chi vo-ve, tức ngựa nọc giả, ư-thị-hồ nhói!⁽⁴⁾

Mười ba mười bảy, đương độ hờ hênh, con gái cạy nắm có mẹ. Nhứt lá cờ chi toang-kỳ-toác;⁽⁵⁾ nguyên-dĩ giục anh công, anh leo chi ngấp-nghé, tức máy mếp giả, ư-thị-hồ tha!

V. — CA - TỬ

Đào-nương ca-diệu

Cung bắc

Đào-nương ca-diệu có tới 24 cách hát khác nhau ; trong điệu hát tiếng nhỏ là cung Nam, tiếng lớn là cung Bắc, cao thấp điệu dàng, phải theo cho hiệp với cung đờn, dịp phách.

Cung Nam, cung Bắc dù khác nhau như vậy, nhưng các câu hát như là : *Hát Vọng-cổ, đờn Đại-thạch, đọc phú, gởi thơ, dịp-ba cung-bắc*, cùng là câu hát *mưỡu*, phần nhiều đặt câu trên sáu, dưới tám ; hay là câu sáu tám lại xen câu

(1) Ngạn-ngữ: Bà cốt đánh trống long tong, nhầy lên nhầy xuống cái ong dốt Con gái mười bảy mười ba, đêm nằm với mẹ chuột tha mất Hai câu đó là có thể nào ?

(2) Là chữ bẻ xuống đầu câu, nghĩa như là chột một lúc. Câu này có bản là : « nhất trống bộ chi long tong »

(3) Nghĩa là nguyên dĩ.

(4) Tức nghĩa là tức thị ; giả là ấy, là chữ thay vì trở vào con ong hay con chuột ; ư-thị-hồ nghĩa là chung ấy vậy, là vì chung thể mới nhói, mới tha ; đó là những chữ thép văn sách.

(5) Có bản là : « nhứt cờ đào chi phát phới ».

bảy, (câu trên sáu dưới tám như là câu truyện Kiều ; sáu tám lại xen câu bảy như là truyện Chinh-phụ) khi hát thì ả-đào tùy điệu hát mà ngâm đọc thêm bớt, hay là bắt đi bắt lại cho hiệp cung bậc mà thôi.

Còn như cách hát *mưỡu-nói*, *mưỡu-dụng*, *hát-thông*, *nói-giở*, các cung bậc ấy cũng gần giống như hát mưỡu, đặt câu trên sáu dưới tám, đại-khải cũng như các truyện quốc-âm, nhưng chỉ khác nhau tiếng hát hơi cao.

Đến như cách hát *nói* thì tiếng hát phân minh, kếp hát thì gọi là *Hà-nam*, mà ả-đào hát thì gọi là hát *nói cung nam*. Nay xin kể cách đặt câu hát nói như sau này :

Hát nói có mấy câu ?

Hát nói mỗi bài thường đặt có 11 câu : Câu thứ 1, thứ 2 là tổng-não cả một bài ; câu thứ 3, thứ 4 là thừa đề, câu thứ 5, thứ 6 thì dùng thơ ngũ-ngôn hay thất-ngôn cổ-thi, hay là thơ quốc-âm cũng được, để nói tóm nghĩa cả trong một bài ; tới câu thứ 7, 8, 9, 10, là theo ý câu thứ 5, 6 mà diễn thêm nghĩa ra ; câu thứ 11 thì tổng kết cả ý trong một bài ấy.

Cũng có bài đến đó lại thêm vài ba câu nữa, nhưng cũng phải theo ý trong bài ấy mà nói thêm ra ; ca-công gọi là câu hát đối.

Lối đặt câu

Câu mở đầu hoặc đặt 4, 5 chữ, hay 6 chữ hay là hai câu 7 chữ giống nhau, cho tới 8 chữ mà thôi, chớ không nên dài quá. Trong câu 7, 8 chữ, hay 6 chữ phần nhiều đặt lấy ba chữ ở trên đầu câu, gọi là câu đầu ba, để cho hiệp với dịp ba cung đờn. Tới đoạn giữa thì hoặc đặt xen hai câu thơ, hoặc đặt dồn câu 3 chữ một, hay là xen câu 7, 8 chữ, đại-khải phải tùy liệu mà đặt cho hiệp khớp phách vào ba ra bảy. Tới hết bài thì hay buông thõng một câu 6 chữ, để tổng-kết lại, mà lại có dư-ý dư-hưởng về sau.

Hoán-điệu áp-vần

Trong bài hát có *cước-vận*, *yêu-vận*; *cước-vận* là vần ở dưới chơn hết câu; *yêu-vận* là vần ở lưng chừng đang dở câu; hoặc đương vần trắc hoán điệu sang vần bằng, hoặc đương vần bằng hoán điệu sang vần trắc. Nay xin lấy chữ (c) thế cho *cước-vận*; chữ (y) thế cho *yêu-vận*; vần bằng thì dấu chữ (b); vần trắc thì dấu chữ (t); thí dụ như sau này:

• Bài ca nhân tẩn

- 1° — Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy? (c-t).
- 2° — Cảnh phù-du, trông thấy (y-t) cũng buồn cười!
hoán điệu sang (c-b)
- 3° — Thôi công đâu, rước lấy sự đời, (c-b)
- 4° — Tiêu khiển mượn một vài (y-b) chuông lêu láo.
(hoán điệu sang c-t)
- 5° — Đoạn tổng nhứt sanh duy hữu tửu, (1) (c-t)
斷送一生惟有酒
- 6° — Trăm tư bách kế bất như nhàn. (2) (hoán điệu c-b)
沈思百計不如閒
- 7° — Dưới rèm thưa, thấp thoáng bóng Nam-san (c-b),
- 8° — Ngánh mặt lại cửu-toàn (y-b) coi cũng nhỏ.
(hoán điệu c-t)
- 9° — Giao trời đất cổ kim, kim cổ, (c-t)
- 10° — Mảnh hình hài, không có, (y-t) có không.
(hoán điệu c-b)
- 11° — Lộ là thiên-tứ, vạn-trung. (c-b)

Bài thí dụ trên này, cả thảy 11 câu: câu thứ 1 mở đầu 7 chữ; rồi đến câu thứ 2 tám chữ; thứ ba lại bảy chữ, thứ 4 tám chữ; thứ 5, 6 thì dân hai câu thơ thất-ngôn giống nhau; thứ 7, 8 hai câu tám chữ; thứ 9, 10 hai câu bảy chữ; cuối cùng buông thõng một câu sáu chữ; đó là lối đặt câu đại khái như vậy. Còn như áp-vần thì *yêu-vận* *cước-vận*, hoặc bằng, hoặc trắc, cũng tùy điệu hoán-vần đặt sao cho êm ái là được, không có câu-nệ như vần thơ làm.

(1) Đoạn tổng một đời người ta chỉ mượn chén rượu.

(2) Lặng nghĩ trăm đường không gì bằng cảnh nhàn.

Nhưng trong bài hát có chồn *tiếp*, chồn *tục*, như những câu đặt *đau ba* : « *cảnh phù du* » đó là chồn *tiếp* ; « *thôi công đau* » đó là chồn *tục* ; những chữ đó đặt phải cho êm, mà ả-dào hát cũng phải cho khéo ; vậy đánh trống thưởng vào chồn *tiếp*, thì ca-công gọi là *vai thưởng* ; mà thưởng vào chồn *tục*, thì ca-công gọi là *nách-thưởng* ; thế cho nên có thuộc điệu câu hát, thì đánh trống chầu mới hay.

Sau này sẽ dẫn thí-dụ một vài bài hát đặt hơi khác nhau, để cho rõ lối đặt câu cũng nhiều điệu.

Bài ca khôn dại

1. — Có không, không có ;
2. — Có rằng không, không có cũng ừ.
3. — Đố ai hay trời đất những bao giờ,
4. — Thời mới biết non sông là mấy tuổi.
5. — Hồn 渾 hồn 渾 nhưt — đại 大 khối 塊, (1)
6. — Tiều 小 tiều 小 như 如 nghi 蟻 quân 羣. (2)
7. — Lọt lòng ra ai cũng có quân thân,
8. — Nợ mang lấy lẽ lãn-khân không trả.
9. — Cuộc cồ kim, bày ra cũng lạ,
10. — Cái râu máy, ai dại, đã ai khôn.
11. — Trăm năm (3) cũng một tiếng đồn.

Bài này cũng chỉ có 11 câu, đại-khái cũng giống như bài thí-dụ ở trên ; nhưng chỉ khác câu mở đầu đặt có 4 chữ ; mà câu thứ 5, thứ 6 thì dẫn thơ ngũ-ngôn, theo như cách đã nói ở trên.

Bài ca Kim-Kiều

1. — Minh 明 quân, 君 lương 良 tài 宰 tao 遭 phùng 逢 dị 易, (4)
2. — Tài 才 tử, 子 giai 佳 nhơn 人 tễ 際 ngộ 遇 nan 難. (5)
3. — So tài-tình nhưt phẫm trần-gian,
4. — Chàng Kim với nàng Kiều thừa nợ.

(1) Bầu trời đất li như một khối lớn.

(2) Con người ta nhỏ như một đàn kiến.

(3) Hai chữ này có bản là chữ phương-xú, vì có chữ lưu-xú bách niên là dễ tiếng xấu trăm năm, lưu-phương bách niên là dễ tiếng thơm trăm năm, cũng một tiếng đồn cả.

(4-5) Vua thánh, tôi hiền gặp nhau có khi dễ hơn là tài-tử, giai-nhơn gặp được nhau cũng khó.

5. — Thương thay nhẽ, mảnh mảnh tơ đỏ,
6. — Mười lăm năm, đôi ngả Sâm, Thương. (1)
7. — Người ngẩn ngơ, nơi kim-mã ngọc-đường,
8. — Kẻ ngao ngán, bước lâu-xanh, má-phấn.
9. — Quân 君 hữu 有 hộp 匣 trung 中 kính 鏡, (2)
10. — Thiếp 妾 hữu 有 cầm 琴 thượng 上 huyền 絃. (3)
11. — Sầu pha phôi, khi ngọn nước sông Tiền,
12. — Duyên nhen nôi, buổi ong già, hoa rụng.
13. — Tơ nguyệt-lão xe nào có vụng ?
14. — Thử treo gương cho tài-tử giai-nhơn.
15. — Sắc tài ai kẻ cầm cân ?

Bài ca Kim, Kiều trên này đặt dài tới 15 câu, mà hai câu đầu, thì dẫn thơ thất-ngôn giống nhau; tới câu thứ 9 thứ 10 lại dẫn hai câu thơ ngũ-ngôn, tuy rằng hơi khác hai bài trên, nhưng đại-khái những câu đặt đầu-ba, thì cũng tựa tựa giống nhau cả.

Trên này là dẫn mấy bài để nói thí-dụ cho rõ lối hát nói đặt câu, hiệp-vần như vậy. Còn như đặt lời phải cho êm ái, lập ý phải cho cao xa, đã đặt theo ý nào, thì phải từ đầu tới cuối nói cho chầy chuốt, thì mới là hay.

Lối đặt câu mưỡu

Câu hát *mưỡu* đặt theo lối trên sáu dưới tám, cũng như câu trong truyện Kiều, cước-vận thì ở chữ thứ 6 câu trên, và chữ thứ 8 câu dưới; mà yêu-vận thì ở về chữ thứ 6 câu dưới; nhưng phải hiệp theo vần bằng cả, khi hát thì ả-đào thường đọc bắt đi bắt lại, thí-dụ như sau này :

Mưỡu

Con én đưa thoi,

Ngày xuân con én đưa thoi, (c)

Thiều-quang chín chục đã ngoài (y) sáu mươi. (c)

(1) Sâm, Thương là tên sao, hễ sao Sâm mọc thì sao Thương đã lặn rồi, không khi nào trông thấy nhau.

(2) Chàng có gương trong hộp, nghĩa bóng là người thông-minh biết người.

(3) Thiếp có dây trên đàn, nghĩa bóng là người tơ duyên vương nợ

Xanh rợn chân trời,
Cỏ non xanh rợn chân trời, (c)
Cành lê trắng điểm một vài (y) bông lau. (c)

Thường khi ả-dào hay trước đọc câu *muối*, rồi mới đọc xuống bài hát *nói*. Nay sẽ biên tập các câu *muối* và những bài hát *nói* của quan Tam-nguyên Yên-đồ cùng quan Thượng-thư Vân-dinh và những bài của các bậc danh-nhơn truyền lại như sau này :

CÁC BÀI CỦA QUAN TAM-NGUYÊN YÊN-ĐỒ

NGUYỄN-KHUYẾN soạn

Lão đá

(Quan Yên-đồ có ông lão đá, khi uống rượu thường đề ngời đối ẩm)

Muối

Quê đâu tên họ là gì ?
Hỏi ra chích-chích chi-chi nực cười
Vắt tay ngảnh mặt lên trời,
Hay còn lo tính sự đời chi đây ?

Nói

Thấy lão-đá lạ lùng muốn hỏi,
Cớ làm sao len lỏi đến chi đây ?
Hay tưởng trông cây cỏ nước non này,
Toan giao kết gian tay vào hội Lạc. (1)
Vân 雲 sơn 山 tự 自 tiếu 笑 đầu 頭 tương 將 hạc 鶴, (2)
Thương 滄 hải 海 thù 誰 tri 知 ngã 我 diệc 亦 âu 鷗. (3)
Thôi thì đừng nghĩ truyện đầu đầu,
Túi vũ trụ để đàn sau gánh vác
Duyên kỳ ngộ cũng là duyên tuổi tác ;
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác ;
Cuộc tỉnh say, say tỉnh một và câu.
Nên chẳng, đá cũng gặt dần. (Còn nữa xem quyển thứ ba)

(1) Là hội Kỳ-anh Lạc-xá của các cụ già đời nhà Tống.

(2) Nghĩa là : mây núi cười mình đầu sắp hạc, là cười mình đã đến cảnh già đầu bạc.

(3) Nghĩa là : Bề đâu ai biết tớ là le, là ví thân mình cũng như vịt nước.

